

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

BÙI CẨM ANH

**QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO HUYỆN NGUYỄN BÌNH,
TỈNH CAO BẰNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA
KHÓA 13 (2020 - 2022)**

Hà Nội, 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

BÙI CẨM ANH

**QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO HUYỆN NGUYỄN BÌNH,
TỈNH CAO BẰNG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản lý văn hóa

Mã số: 8319042

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Trần Đức Ngôn

Hà Nội, 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này với đề tài “*Quản lý di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Trần Đức Ngôn. Những nội dung được trình bày trong luận văn này hoàn toàn trung thực. Các số liệu và kết quả đưa ra trong luận văn này chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về những kết quả nghiên cứu được công bố trong luận văn.

Tác giả luận văn

Bùi Cẩm Anh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BTC	Ban tổ chức
CCB	Cựu chiến binh
CNH-HĐH	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
CT-TTg	Chỉ thị - Thủ tướng
DSVH	Di sản văn hóa
DTLSVH	Di tích lịch sử văn hoá
MTTQ	Mặt trận tổ quốc
NĐ	Nghị định
Nxb	Nhà xuất bản
PGS. TS	Phó giáo sư, Tiến sĩ
PVS	Phòng vấn sâu
QĐ	Quyết định
QGĐB	Quốc gia đặc biệt
Sở VH TT&DL	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
TP	Thành phố
TTVH&TT	Trung tâm Văn hóa và truyền thông
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc
VHTT	Văn hóa Thông tin

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HUNG ĐẠO	13
1.1. Một số khái niệm cơ bản.....	13
1.1.1. Khái niệm Quản lý văn hóa và Quản lý nhà nước về văn hóa.....	13
1.1.2. Khái niệm Di tích lịch sử văn hóa và Quản lý di tích lịch sử văn hóa	14
1.1.3. Di tích quốc gia đặc biệt.....	17
1.2. Nội dung quản lý di tích và khung phân tích của luận văn.....	18
1.2.1. Nội dung quản lý di tích.....	18
1.2.2. Khung phân tích của luận văn	24
1.2.3. Căn cứ pháp lý về công tác quản lý di tích	25
1.3. Khái quát về Di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.....	31
1.3.1. Khái quát về huyện Nguyên Bình.....	31
1.3.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khu di tích[4].....	32
1.3.3. Những giá trị tiêu biểu của khu Di tích	35
1.4. Vai trò của việc quản lý khu Di tích với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.....	39
1.4.1. Quản lý khu Di tích với sự phát triển kinh tế.....	39
1.4.2. Quản lý Di tích với sự phát triển văn hóa - xã hội.....	42
Tiểu kết.....	43
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HUNG ĐẠO	45
2.1. Chủ thể quản lý di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo.....	45
2.1.1. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.....	45
2.1.2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình	50

2.1.3. Ban Quản lý di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng	52
2.1.4. Cộng đồng dân cư và các tổ chức khác	61
2.1.5. Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý	63
2.2. Cơ sở vật chất và tài chính của di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo	64
2.2.1. Cơ sở vật chất.....	64
2.2.2. Tài chính.....	65
2.3. Hoạt động quản lý.....	66
2.3.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích.....	66
2.3.2. Bảo tồn di tích	70
2.3.3. Nghiên cứu và kế thừa kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tuyên truyền, quảng bá phát huy giá trị di tích.....	74
2.3.4. Phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích rừng Trần Hưng Đạo.....	77
2.3.5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích	81
2.3.6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm di tích.....	86
2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý	88
2.4.1. Những thành công và nguyên nhân	88
2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	89
Tiểu kết.....	90
Chương 3: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO	91
3.1. Các yếu tố tác động đến công tác quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.....	91
3.1.1. Những yếu tố tác động tích cực.....	91
3.1.2. Những yếu tố tác động tiêu cực.....	92
3.2. Định hướng và mục tiêu phát triển di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần	

Hung Đạo.....	93
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hung Đạo.....	99
3.3.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	99
3.3.2. Xây dựng và điều chỉnh hệ thống văn bản đồng bộ, thống nhất.....	102
3.3.3. Xây dựng kế hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa của di tích theo quy hoạch đã được phê duyệt	103
3.3.4. Nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích.....	105
3.3.5. Nâng cao chất lượng tuyên truyền quảng bá về di tích.....	108
3.3.6. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư	112
Tiểu kết.....	116
KẾT LUẬN	118
TÀI LIỆU THAM KHẢO	121
PHỤ LỤC	123

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cao Bằng là một tỉnh miền núi vùng cao nằm ở phía Đông Bắc Việt nam, cách Hà Nội 286km về phía Bắc. Hai mặt Bắc và Đông Bắc giáp với tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), có đường biên giới dài hơn 333 km. Phía Tây giáp tỉnh Tuyên Quang và Hà Giang. Phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn [45].

Từ khi thành lập đến nay, Cao Bằng đã trải qua những giai đoạn lịch sử mang dấu ấn sâu sắc. Với bề dày 520 năm xây dựng và phát triển, Cao Bằng vẫn luôn giữ được vai trò là đơn vị hành chính có vị trí chiến lược trọng yếu và xứng danh là “phên dậu” vững chắc nơi biên cương phía Bắc của đất nước [44].

Non nước Cao Bằng hội tụ nhiều giá trị lịch sử, văn hóa đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc, kết tinh nhiều giá trị nhân văn cao đẹp, đang được bảo tồn và phát huy. Thiên nhiên đã tạo cho Cao Bằng nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Cùng với danh lam thắng cảnh là nhiều khu di tích lịch sử tiêu biểu cho truyền thống đấu tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập tự do của dân tộc. Trong đó, tiêu biểu là di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình) gắn liền với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Khu rừng nguyên sinh Trần Hưng Đạo thuộc xã Tam Kim và xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, Cao Bằng được công nhận là khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt và là một trong những cánh rừng nguyên sinh hiếm hoi còn giữ lại được vẻ tự nhiên, hoang sơ cùng miền khí hậu mát mẻ, dễ chịu quanh năm.

Đây là địa danh lưu trữ nhiều hiện vật gắn liền với các giai đoạn lịch sử của nước ta, đặc biệt là gắn liền với hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nơi đây đã chứng kiến thời khắc mà

Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân chính thức được thành lập vào ngày 22/12/1944; chứng kiến hai trận đánh đồn Nà Ngần và đồn Phai Khắt đầu tiên của quân đội ta. Khách tham quan cũng có thể tìm đến di tích để thăm nhà trưng bày, đền thờ 34 chiến sĩ, nhà bia trung tâm, đình Slam Cao,... để tưởng niệm các anh hùng đã ngã xuống vì độc lập tự do của dân tộc. Thế hệ trẻ thường tìm về khu di tích lịch sử Trần Hưng Đạo vừa tham quan khung cảnh những cánh rừng xanh ngút ngàn, vừa là dịp để tìm hiểu về lịch sử và thể hiện lòng biết ơn sâu sắc tới những thế hệ cha ông.

Có thể nói, di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo có ý nghĩa quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân tỉnh Cao Bằng nói riêng và người dân Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, qua quá trình khảo sát và nghiên cứu nhiều năm qua, trong công tác quản lý có những thuận lợi, hạn chế, khó khăn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu một cách nghiêm túc, đầy đủ về quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo để có giải pháp phù hợp nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử của dân tộc, làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần, đáp ứng nhu cầu của người dân là một đòi hỏi cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Là một người được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất quê hương Cao Bằng và mong muốn hiểu một cách sâu sắc hơn nữa về di tích Rừng Trần Hưng Đạo cùng niềm tự hào về truyền thống lịch sử, tôi coi đây cũng là một cơ hội quý báu để có thể bổ sung kiến thức cho bản thân mình, cho công tác quản lý văn hóa, quản lý di tích lịch sử. Vì vậy, tôi chọn đề tài ***“Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”*** làm luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản lý văn hóa của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Hiện nay có nhiều tác giả nghiên cứu về lĩnh vực văn hóa nói chung, di tích lịch sử văn hóa nói riêng. Mỗi nghiên cứu của các tác giả đều hàm

chứa những giá trị riêng biệt, mang giá nhân văn sâu sắc. Trên cơ sở tiếp cận các nguồn tài liệu tham khảo của các tác giả đã nghiên cứu trước đây trong quá trình nghiên cứu, khảo sát về di tích, cùng với những tư liệu lịch sử còn lưu trữ tại địa phương và các cơ quan lưu trữ, tác giả đã lấy đó làm cơ sở để thực hiện luận văn này.

Thời gian gần đây có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết, được đăng trên các báo, tạp chí, in thành sách chuyên khảo, chuyên ngành đề cập tới các lĩnh vực như: lĩnh vực quản lý DSVH, quản lý di tích lịch sử văn hóa. Những nghiên cứu này phần lớn tập trung vào các vấn đề liên quan về lý luận, hay những kinh nghiệm thực tiễn của hoạt động quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị của di sản văn hóa và đưa ra những định hướng, đề xuất cách làm, giải pháp, kiến nghị cho từng đối tượng, trường hợp cụ thể.

2.1. Những công trình của các học giả nước ngoài

Hoạt động quản lý DSVH được các nhà nghiên cứu trên thế giới, tiếp cận từ khá sớm, Peter Howard đã viết trong cuốn “Di sản: Quản lý, diễn giải và bản sắc” ông cho rằng, vào khoảng đầu thế kỷ XIX, hoạt động quản lý về di sản xuất hiện. Lúc đầu, chỉ đơn giản là những người say mê di sản với niềm tin rằng họ bảo tồn những thứ vì lợi ích của công chúng. Đến thế kỷ XX, các Hiệp hội di sản ở châu Âu ra đời. Lúc này, việc nghiên cứu di sản không chỉ còn là niềm tin mà đã phát triển với các khía cạnh thực tế, thường xuyên, hoạt động đó được gọi là “quản lý di sản”. Nửa sau thế kỷ XX, hoạt động này phát triển mạnh, lĩnh vực của di sản được Peter Howard phân thành: Cảnh quan, thiên nhiên, khu di tích, đài kỷ niệm, đồ tạo tác, các hoạt động và con người [58]. Ngày nay, quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, DSVH không chỉ mang giá trị biểu tượng, mà DSVH là phải đóng góp tham gia vào sự phát triển chung. DSVH cần tồn tại có sức sống trong cộng đồng, trong môi trường xã hội và phải DSVH phải phục vụ cho cộng đồng. Đối với việc sử dụng và khai thác các giá trị của di

sản Ashworth G.J - Larkham P.J coi đó như một ngành công nghiệp, do đó việc quản lý cần phải có cách thức quản lý tương ứng, hợp lý với những đặc điểm, đặc trưng của các di sản và những phương thức quản lý của một ngành công nghiệp. Trong giáo trình “Quản lý công nghiệp văn hóa”, Zhan Chang Yuan cũng đồng quan điểm, đó là việc quản DSVH như một ngành công nghiệp cần lưu ý tới cơ chế, chính sách, nguồn tài nguyên di sản, nguồn nhân lực chủ yếu thực hiện [59]..., nhiều tác giả, nhiều chuyên gia đề cập trong các nghiên cứu về hai vấn đề của hoạt động quản lý đó là bảo tồn, bảo vệ phát huy, khai thác giá trị di sản. Đây là hai vấn đề mà các nhà quản lý luôn phải sẵn sàng đối mặt nhằm cân bằng hợp lý giữa hai lĩnh vực này. Peter Howard còn cho rằng để quản lý tốt DSVH, các nhà quản lý luôn phải trăn trở với những vấn đề: chúng ta muốn và cần bảo tồn cái gì, tại sao phải bảo tồn và bảo tồn cho ai? Việc bảo tồn là cơ sở để khai thác, phát huy hiệu quả các giá trị của DSVH trong đời sống, do đó, cần gìn giữ lại tối đa những giá trị cốt lõi của di sản. Muốn di sản gắn bó với cuộc sống và thực sự trở thành một bộ phận của cuộc sống hiện tại, cần phải khai thác, phát huy hiệu quả giá trị của DSVH. Tuy nhiên, để phát triển bền vững DSVH các nghiên cứu lưu ý rằng trong quá trình vận hành khai thác cần tránh tình trạng lạm dụng, khai thác quá mức nảy sinh những hệ lụy không tốt, ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị cốt lõi của các di sản đó. Trong nghiên cứu về quản lý du lịch di sản, Brian Garrod, Alan Fyall lại thừa nhận cần phải tạo sự cân bằng giữa bảo tồn di sản và khai thác phát huy di sản, nếu khai thác triệt để dẫn tới tình trạng di sản không được bảo vệ, không được gìn giữ thì di sản sẽ mai một và mất hẳn, thế hệ mai sau sẽ không còn được hưởng thụ di sản nữa [57]. Brian Garrod còn nhấn mạnh “Khi các nhà quản lý DSVH nghiên cứu, bàn thảo về kế hoạch bảo tồn, họ quan tâm nhiều đến việc duy trì nguồn tài nguyên ở một mức độ bền vững ” [57]. Trong tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý Khu di sản thế giới, Arthur Perdesen đã

đưa ra các phương án quản lý tối ưu cho di sản trước sự tác động của du lịch cần khoanh vùng cho các hoạt động tương thích, giảm bớt số lượng khách vào tham quan một số khu vực, thậm chí cần đóng cửa tạm thời một số khu vực của di sản...[56].

Mục tiêu cơ bản của UNESCO trong “Hướng dẫn thực hiện công ước di sản thế giới” [50], đã đặt ra yêu cầu các quốc gia thành viên muốn bảo tồn di sản phải xây dựng kế hoạch cụ thể về việc quản lý các khu di sản thế giới với nội dung cơ bản như: 1/Nhận diện chính xác giá trị nổi bật toàn cầu của khu di sản; 2/Xác định rõ những áp lực ảnh hưởng tới khả năng bảo tồn di sản từ tự nhiên và các hoạt động kinh tế - xã hội; 3/Phải xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện việc quản lý di sản; 4/Cần xây dựng chương trình hành động cụ thể để có thể hạn chế đến mức tối đa, ngăn chặn, phòng ngừa những yếu tố ảnh hưởng tới di sản; 5/Thu hút, tạo điều kiện cho các nguồn lực xã hội tham gia vào lĩnh vực bảo tồn DSVH. Trên hết đó là cơ chế kiểm soát việc triển khai kế hoạch quản lý DSVH của các quốc gia thành viên, đây là hoạt động vô cùng quan trọng.

Những quan điểm của các tác giả nước ngoài về các vấn đề về DSVH, về quản lý và khai thác DSVH cũng là những gợi mở cho tác giả khi thực hiện luận văn. Tác giả tham khảo các nghiên cứu nước ngoài để có những đề xuất vừa có tính định hướng và tiếp cận những quan điểm mới, hiện đại trên thế giới, vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tế ở Việt Nam nói chung, di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng.

2.2. Những công trình của các tác giả trong nước

2.2.1. Những công trình về quản lý di sản văn hóa vật thể ở các địa phương

Ở trong nước, những năm gần đây các tạp chí, sách chuyên ngành đã công bố nhiều bài viết, công trình nghiên cứu đề cập tới lĩnh vực và các hoạt động quản lý DSVH nói chung, quản lý DSVH vật thể bao gồm nhiều nội dung, trong đó có đề cập tới quản lý di tích lịch sử văn hóa. Tuy nhiên,

trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách thể hiện sự quan tâm tới các DSVH nhằm bảo vệ, lưu giữ và phát huy các giá trị của chúng. Theo đó, các tác giả trong nước tập trung nghiên cứu các vấn đề về lý luận, những kinh nghiệm thực tiễn cụ thể của hoạt động quản lý, bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị của DSVH trong thời kỳ CNH - HĐH hội nhập và phát triển. Trên cơ sở đó, đề ra các giải pháp, định hướng, kiến nghị cho từng nội dung, đối tượng cụ thể. Dạng bài viết này chiếm số lượng khá lớn. Thực tế mục quan trọng nhất của quản lý DSVH, đặc biệt là đối với các DSVH vật thể, mọi hoạt động quản lý đều hướng tới duy trì sự tồn tại và sức sống của các di sản ở tình trạng tốt nhất, để có thể phục vụ cho cộng đồng xã hội và khai thác, phát huy hiệu quả.

Tác giả Đặng Văn Bài đã nghiên cứu và đưa ra một số nội dung quan trọng chủ yếu của công tác quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa trong bài *Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn Di sản văn hóa* (năm 2011), tác giả coi đây là các vấn đề cấp thiết cần quan tâm và cũng là vấn đề then chốt. Các nội dung đó bao gồm: Quản lý nhà nước bằng các văn bản pháp quy, đó là các văn bản liên quan đến việc bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá; các văn bản quy định về cơ chế, chính sách, cơ cấu tổ chức; về xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển, về phân cấp quản lý...; Yếu tố mang tính chất quyết định nhằm tăng cường nâng cao hiệu quả của công tác quản lý đó chính là việc phân cấp quản lý di tích; Hệ thống tổ chức ngành bảo tồn - bảo tàng và đầu tư thỏa đáng về ngân sách cho các cơ quan quản lý di tích [3].

Công trình của Trần Đức Nguyên (2015) về *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa* đã nghiên cứu rất sâu về hoạt động quản lý di sản văn hóa và lựa chọn tỉnh Bắc Ninh để tìm hiểu công tác đó, đặc biệt, tác giả đã đặt vấn đề quản lý di tích lịch sử văn hóa trong một bối cảnh hết sức thực tế hiện nay đó là quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa [31].

Cũng như vậy, đề tài “*Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*” của Nguyễn Xuân Trung (2016) đã đưa ra những cơ sở lý luận về di tích lịch sử văn hóa và quản lý di tích lịch sử văn hóa; tác giả cũng đã làm rõ thực trạng hoạt động quản lý các di tích này và trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp cần thiết cho việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý các di tích quốc gia đặc biệt ở Bắc Ninh [47].

Hay các công trình nghiên cứu của nhiều tác giả về quản lý văn hóa hay quản lý di tích lịch sử văn hóa như đề tài luận án tiến sĩ Văn hóa học của Nguyễn Thị Thu Hà về *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam* đã khám phá mối quan hệ năng động giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An làm cơ sở xây dựng sự hợp tác thực sự giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch Hội An, góp phần cho công tác quản lý, bảo tồn và phát triển một cách bền vững hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam. Luận án cũng đã hệ thống hoá các khái niệm và vấn đề liên quan đến quản lý di sản và phát triển du lịch để hình thành cơ sở lý luận cho nghiên cứu đề tài luận án; làm rõ các vấn đề về mối liên hệ hữu 3 cơ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An. Tuy nhiên, công trình nghiên cứu này lại làm rõ những vấn đề về quản lý văn hóa với phát triển du lịch chứ không tập trung sâu về phương diện quản lý văn hóa [19]. Hoặc các công trình về bảo tồn phát huy giá trị các di tích như: Luận văn tốt nghiệp Cao học của tác giả Hoàng Văn Phương *Giá trị lịch sử - văn hóa của quần thể di tích Phố Hiến*, đã tập trung nghiên cứu, tìm hiểu những giá trị lịch sử, sự ra đời của Phố Hiến, di sản văn hóa của quần thể di tích Phố Hiến, đồng thời đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy có hiệu quả các giá trị lịch sử, văn hóa của quần thể di tích Phố Hiến trong giai đoạn hiện nay [34]. Luận văn tốt nghiệp cao học của tác giả Lý Thị Hương Nhàn (2017) với đề tài “*Quản lý Di tích lịch sử - văn hoá đình Lạc Giao, thành phố*

Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk” đã giới thiệu tổng quan về Di tích lịch sử - văn hoá đình Lạc Giao, nêu bật vai trò, ý nghĩa, giá trị của của di tích đối với đời sống văn hoá, tín ngưỡng của cộng đồng và đặc biệt là trong giáo dục truyền thống lịch sử về tinh thần đoàn kết của cộng đồng các dân tộc. Đánh giá cụ thể, khách quan về những mặt đạt được và chưa đạt được, từ đó đưa một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý Di tích lịch sử - văn hóa đình Lạc Giao. Nội dung của luận văn góp phần vào việc bổ sung nguồn tài liệu tham khảo, làm phong phú thêm nội dung về lĩnh vực di sản văn hóa của địa phương [32].

2.2.2. Những công trình về di sản văn hóa tỉnh Cao Bằng

Năm 2000, Nxb Chính trị Quốc gia, xuất bản cuốn sách “Địa chí Cao Bằng” [46] do Nông Hải Pín chủ biên, cuốn sách đã trình bày cô đọng những thông tin về cương vực, vị trí địa lý, địa hình, địa mạo, sự hình thành và biến đổi địa danh, phong tục, tập quán, lễ hội, di tích tiêu biểu cùng những thành tựu kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh Cao Bằng. Năm 2009, nhân dịp kỷ niệm 510 năm thành lập tỉnh, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh Cao Bằng đã phối hợp với Viện sử học Việt Nam xuất bản cuốn "Lịch sử tỉnh Cao Bằng" [45]. Bên cạnh đó còn có một số đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh của các tác giả nghiên cứu về vấn đề bảo tồn các di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Cao Bằng nhưng chủ yếu là nghiên cứu lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể. Gần đây nhất, tác giả Hoàng Thị Lệ đã bảo vệ luận văn "*Quản lý di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng*", với Luận văn này, tác giả chỉ đề cập đến công tác quản lý trên địa bàn một huyện. Hơn nữa trên địa bàn huyện Hòa An không có di tích quốc gia đặc biệt. Hướng tiếp cận của tác giả Hoàng Thị Lệ trong luận văn có nhiều điểm khác so với luận văn mà tác giả nghiên cứu thực hiện [28]. Bên cạnh đó, cũng trong năm 2023, tác giả Nông Thị Liễu đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ

"*Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên Giới 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng*" Đây là một luận văn có nhiều điểm tương đồng với luận văn của chính tác giả, tuy nhiên, mỗi người sẽ có cách tiếp cận đối tượng khác nhau, khai thác những khía cạnh khác nhau. Chắc chắn với quan điểm nghiên cứu của mỗi cá nhân, hai luận văn sẽ là hai sản phẩm hoàn toàn khác nhau [27].

Qua việc tìm hiểu một số tài liệu trên, chúng ta có thể khẳng định có rất nhiều công trình nghiên cứu với qui mô lớn, nhỏ, ở nhiều góc độ khác nhau nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn thiếu vắng công trình nghiên cứu về quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo. Vì vậy, việc tiếp cận đề tài "*Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" sẽ có cái nhìn toàn diện hơn, cụ thể hơn về hoạt động quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Đồng thời, việc đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm vai trò, ý nghĩa của di tích đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương trong thời gian tới. Việc nghiên cứu đề tài này không chỉ để làm rõ các giá trị văn hóa hàm chứa trong di tích mà còn đưa ra những giải pháp góp phần đẩy mạnh công tác quảng bá hình ảnh của di tích tới du khách trong và ngoài nước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Từ kết quả khảo sát và nghiên cứu thực trạng quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, người viết đề xuất những giải pháp hướng tới mục đích nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong điều kiện thực tế của địa phương trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, người viết thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý di sản văn hóa nói chung, quản lý di tích lịch sử văn hóa nói riêng.

- Nghiên cứu lịch sử hình thành, những giá trị tiêu biểu của di tích Rừng Trần Hưng Đạo.

- Đi sâu phân tích thực trạng, đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong quản lý di tích.

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng, định hướng, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý, bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các hoạt động quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Nghiên cứu trong không gian của di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2013 đến 2022. Năm 2013 là giai đoạn khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận là di tích quốc gia đặc biệt tại Quyết định số 2383/QĐ-TTg ngày 09/12/2013. Đây là niềm tự hào của Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng, là sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước với những đóng góp của quân và dân Cao Bằng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp chính sau:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Trên cơ sở những tài liệu thu thập được, người viết tiến hành phân tích, tổng hợp và rút ra những kết luận trong việc đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

- Phương pháp điền dã dân tộc học

+ Khảo sát thực tế: Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã trực tiếp khảo sát nhiều lần tại khu di tích: chụp ảnh tư liệu; gặp gỡ, trao đổi với lãnh đạo, nhân viên của ban quản lý di tích cũng như cộng đồng dân cư địa phương và du khách đến tham quan.

+ Phỏng vấn sâu: Trong quá trình khảo sát thực tế, người viết thực hiện phỏng vấn sâu một số đối tượng sau:

(1) Cán bộ lãnh đạo và quản lý ngành văn hóa: 10 người (trong đó có 01 người là lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 01 người là lãnh đạo phòng Quản lý Văn hoá và Gia đình; 01 người là lãnh đạo Bảo tàng tỉnh; 02 người là cán bộ Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình, 03 người là cán bộ Ban Quản lý di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng; 02 cán bộ lãnh đạo quản lý trực tiếp di tích Rừng Trần Hưng Đạo).

(2) Người dân địa phương: 05 người.

(3) Khách tham quan: 05 người

- Phương pháp liên ngành: Phương pháp này sẽ giúp người nghiên cứu cũng như những người quan tâm, tìm hiểu về văn hóa và quản lý văn hóa có cái nhìn sâu sắc, toàn diện về những hiện tượng, những giá trị lịch sử văn hóa của di tích, từ đó góp phần quản lý di tích một cách khoa học, có hiệu quả. Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã kết hợp phương pháp tiếp cận của các ngành như: văn hóa học, bảo tàng học, dân tộc học... để triển khai, nghiên cứu đối tượng.

6. Những đóng góp của luận văn

Từ việc nghiên cứu về quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, đề tài góp phần hệ thống hóa các quan điểm và cơ sở lý luận về quản lý di tích lịch sử văn hóa và vận dụng cơ sở lý luận về quản lý di sản văn hóa vào một trường hợp cụ thể để nâng cao chất lượng quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo cũng như thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

Luận văn có giá trị tham khảo: Cung cấp thông tin, nguồn tư liệu cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, làm phong phú thêm kho tàng tư liệu di tích lịch sử văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Trên cơ sở đi sâu nghiên cứu, đánh giá thực trạng di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, đề tài còn góp phần xây dựng định hướng cho công tác quản lý hệ thống di tích của huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn tới.

7. Bố cục luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về quản lý di tích và khái quát về di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

Chương 2: Thực trạng quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

Chương 3: Nâng cao hiệu quả quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ DI TÍCH VÀ KHÁI QUÁT VỀ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Khái niệm Quản lý văn hóa và Quản lý nhà nước về văn hóa

- Khái niệm quản lý văn hoá

Quản lý là sự tác động có mục đích của các chủ thể quản lý đối với đối tượng quản lý. Theo đó, quản lý văn hoá là việc điều khiển, chỉ đạo hoạt động của các chủ thể văn hoá đối với văn hoá. Chủ thể văn hoá có thể là các tổ chức hoặc cá nhân. Các chủ thể quản lý hướng tới mục tiêu chung nhằm đạt được kết quả nhất định trong quản lý văn hoá.

- Khái niệm Quản lý nhà nước về văn hóa

Quản lý văn hóa là hoạt động xã hội mang tính đặc thù, các hoạt động và sự phát triển văn hoá được quản lý thực hiện bằng hệ thống luật pháp và các chính sách liên quan. Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đời sống văn hóa, nội dung, phương thức, cách thức của hoạt động quản lý luôn có sự thay đổi, bổ sung cho phù hợp với từng thời điểm lịch sử.

Văn hoá là một khái niệm rộng và đa nghĩa nên quản lý văn hóa không chỉ là quản lý nhà nước mà còn là sự tự quản lý của từng người, từng gia đình, tập thể, làng xóm, theo chuẩn mực chung của Nhà nước... Bản chất của quản lý văn hóa chính là sự kết hợp giữa quản lý Nhà nước và nhân dân tự quản lý.

Theo tác giả Nguyễn Hữu Thụ, quản lý nhà nước về văn hóa được xác định bao gồm các nội dung sau: Định hướng các hoạt động văn hóa; xây dựng hành lang pháp lý cho hoạt động văn hóa; tổ chức và điều hành các thiết chế, các tổ chức văn hóa hoạt động theo chương trình, kế hoạch quốc gia; xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa; tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động văn hóa [42].

Theo đó, quản lý về văn hóa có thể hiểu là sự lãnh đạo, điều hành những cơ sở hoạt động văn hóa được xã hội phân công trong hệ thống Nhà nước hoặc trong các doanh nghiệp hoạt động văn hóa. Quản lý văn hóa còn là việc lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, kiểm tra các thiết chế văn hóa (cả lợi nhuận và phi lợi nhuận)...

Với cách hiểu như trên, tác giả cho rằng, quản lý văn hoá là việc chủ thể quản lý tiến hành lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, điều khiển vận hành và thanh tra, kiểm tra nhằm mục tiêu thúc đẩy sự phát triển văn hoá, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của con người. Có thể thấy, quan điểm của Nguyễn Hữu Thọ đưa ra mang tính tổng quát và khá toàn diện.

Quản lý nhà nước về văn hóa chính là Nhà nước quản lý toàn bộ hoạt động văn hoá quốc gia, liên tục tác động, có tổ chức, có mục cụ thể đích thông qua Hiến pháp và hệ thống luật pháp. Nhằm tạo điều kiện cho văn hoá phát triển theo hướng tích cực, mang đến nhiều lợi ích cho con người, giúp cho sự vận động của xã hội liên tục, không ngừng phát triển.

Từ những lý luận khái niệm về Quản lý văn hóa và Quản lý nhà nước về văn hóa trên, tác giả sẽ vận dụng vào luận văn của mình trên cơ sở thống nhất di tích là một nội dung nằm trong lĩnh vực văn hóa. Quản lý văn hóa nói chung và quản lý di tích nói riêng được Nhà nước quản lý bằng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chuyên ngành.

1.1.2. Khái niệm Di tích lịch sử văn hóa và Quản lý di tích lịch sử văn hóa

Hiến chương quốc tế về Bảo tồn và Trùng tu di tích và di chỉ năm 1964 (Hiến chương Venice) - [20], tại Điều 1 có định nghĩa: Ngoài các công trình kiến trúc, di tích lịch sử còn có thể là cả các khu đô thị hoặc những vùng nông thôn mà bên trong các khu vực đó tìm thấy những bằng chứng của một nền văn minh cụ thể, đánh dấu một sự phát triển quan trọng hay dấu tích của một sự kiện lịch sử. Khái niệm này không chỉ áp dụng với

những công trình nghệ thuật lớn mà cả với những công trình có quy mô nhỏ nhưng chứa đựng trong đó các ý nghĩa văn hóa của quá khứ.

Thuật ngữ “văn vật bất động” được dùng ở Trung Quốc, để chỉ các di tích, bao gồm: “di chỉ văn hóa cổ, các hình thức mộ táng, các công trình kiến trúc cổ, kiến trúc chùa trong hang động, tác phẩm điêu khắc đá, bích họa, những dấu tích lịch sử quan trọng, đặc trưng và kiến trúc tiêu biểu của thời kỳ hiện đại” [59].

Theo *Từ điển tiếng Việt* thì: “DTLS văn hóa là tổng thể những công trình địa điểm, đồ vật hoặc tác phẩm, tài liệu có giá trị lịch sử hay giá trị văn hóa được lưu lại” [51].

Pháp lệnh DTLS văn hóa năm 1984 lần đầu tiên đã đưa ra khái niệm về DTLS văn hóa và danh lam thắng cảnh. Theo đó, DTLS văn hóa được hiểu là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu và tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học nghệ thuật, giá trị văn hóa hoặc có liên quan đến những sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa, xã hội [22]. Kế thừa quy định trên, khái niệm DTLS văn hóa tiếp tục được Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 tiếp cận dưới khía cạnh là một thành tố của phạm trù di sản văn hoá: “Di tích lịch sử văn hóa là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật Quốc gia thuộc công trình địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học” [38, tr.3]. So với khái niệm về DTLS văn hoá được nêu trong Pháp lệnh DTLS năm 1984 thì khái niệm DTLS văn hoá trong Luật Di sản văn hoá mang tính bao quát, đầy đủ và hoàn thiện hơn. Nó không chỉ là những công trình xây dựng, địa điểm mà còn bao gồm các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia của công trình, địa điểm đó. Và một DTLS văn hóa phải có một trong các tiêu chí sau: công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu trong quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước; công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước; công

trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến; địa điểm có giá trị tiêu biểu về khảo cổ; quần thể các công trình kiến trúc hoặc công trình kiến trúc đơn lẻ có giá trị tiêu biểu về kiến trúc, nghệ thuật của một hoặc nhiều giai đoạn. Có nghĩa là chúng phải có vật chứng cho một sự kiện lịch sử, có giá trị văn hóa hoặc gắn bó với cuộc sống, sự nghiệp anh hùng dân tộc, danh nhân kiệt xuất; hoặc chúng là tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng về giá trị tư tưởng, giá trị thẩm mỹ và hình thức thể hiện tiêu biểu cho một phong cách, một thời đại; hoặc chúng là sản phẩm được phát minh sáng chế tiêu biểu có giá trị thực tiễn cao, có tác động thúc đẩy xã hội phát triển của một giai đoạn lịch sử nhất định.

Khái niệm DTLS văn hóa được Luật Di sản văn hóa đề cập phù hợp hơn với các quy định về di sản văn hóa của UNESCO và phù hợp với đòi hỏi của công tác quản lý nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa hiện nay.

Luật Di sản văn hóa năm 2001, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 không nêu ra khái niệm cụ thể về quản lý DTLS văn hóa, tuy nhiên qua quá trình nghiên cứu và khảo sát thực tiễn thì nội dung công tác quản lý DTLS văn hóa được hiểu bao gồm một số hoạt động như: bảo vệ, giữ gìn DTLS văn hóa; thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di sản văn hóa mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của DTLS văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, nghiên cứu di sản văn hóa... Và để thực hiện chức năng quản lý của mình, Nhà nước đã ban hành một cơ chế, chính sách phù hợp cùng một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hoàn chỉnh, vừa có tác động nâng cao hiệu quả quản lý di sản văn hóa, vừa tạo động lực cho các hoạt động quản lý DTLS văn hóa phát triển bền vững. Như vậy, nội dung của hoạt động quản lý DTLS văn hóa mà Luật Di sản đề cập đến về cơ bản là đầy đủ, phù hợp với

thực tiễn quản lý. Theo đó, khi hoạt động quản lý DTLS văn hóa khoác lên mình một diện mạo mới, nó sẽ cùng với hệ thống các di sản văn hóa khác của Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút du khách không chỉ trong nước mà còn của khu vực và thế giới.

Trong Luận văn, tác giả nghiên cứu hoạt động quản lý DTLS văn hóa theo quan điểm của Luật Di sản Văn hóa. Theo tác giả, đây là một khái niệm tương đối đầy đủ, phù hợp với thực tế tại Việt Nam hiện nay.

1.1.3. Di tích quốc gia đặc biệt

Di tích quốc gia đặc biệt là những di tích Việt Nam có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia. Di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng trên cơ sở lựa chọn các di tích quan trọng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích quốc gia, lần xếp hạng đầu tiên là vào năm 2009.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 29 Luật Di sản văn hóa 2001 được sửa đổi bởi Khoản 10 Điều 1 Luật di sản văn hóa sửa đổi 2009 thì di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt (di tích quốc gia đặc biệt) là di tích có giá trị đặc biệt tiêu biểu của quốc gia, bao gồm:

- Công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện đánh dấu bước chuyển biến đặc biệt quan trọng của lịch sử dân tộc hoặc gắn với anh hùng dân tộc, danh nhân tiêu biểu có ảnh hưởng to lớn đối với tiến trình lịch sử của dân tộc;
- Công trình kiến trúc, nghệ thuật, quần thể kiến trúc, tổng thể kiến trúc đô thị và địa điểm cư trú có giá trị đặc biệt đánh dấu các giai đoạn phát triển kiến trúc, nghệ thuật Việt Nam;
- Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển văn hóa khảo cổ quan trọng của Việt Nam và thế giới;
- Cảnh quan thiên nhiên nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc, nghệ thuật có

giá trị đặc biệt của quốc gia hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị về địa chất, địa mạo, địa lý, đa dạng sinh học và hệ sinh thái đặc thù nổi tiếng của Việt Nam và thế giới [39].

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là Di tích Rừng Trần Hưng Đạo, đây là di tích đã được Chính phủ công nhận là di tích quốc gia đặc biệt do đó tác giả sẽ vận dụng các khái niệm trong Luật di sản văn hóa để nghiên cứu.

1.2. Nội dung quản lý di tích và khung phân tích của luận văn

1.2.1. Nội dung quản lý di tích

Trong Luật Di sản văn hoá của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: "*Di sản văn hoá Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hoá nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta*". Tại điều 6. Luật Di sản văn hoá quy định rõ: "*Mọi di sản văn hoá ở trong lòng đất thuộc đất liền, hải đảo, ở vùng nội thuỷ, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều thuộc sở hữu toàn dân*". Đồng thời Luật cũng quy định: "*Mọi di sản văn hoá trên lãnh thổ Việt Nam, có xuất xứ ở trong nước hoặc từ nước ngoài, thuộc các hình thức sở hữu, đều được bảo vệ và phát huy giá trị. Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hoá thuộc sở hữu toàn dân; công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu khác về di sản văn hoá theo quy định của pháp luật*". Như vậy, việc quản lý di sản nói chung có nhiều hình thức quản lý, chủ thể quản lý có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn, tác giả tập trung vào việc quản lý nhà nước về di sản văn hoá trong đó có di tích lịch sử văn hoá.

Di tích lịch sử văn hoá là một bộ phận quan trọng của di sản văn hoá. Vì vậy, việc quản lý di tích rất cần được thực hiện theo qui trình và nội dung quản lý nhà nước về di sản văn hoá nói chung. Đối với từng lĩnh vực

cụ thể và căn cứ vào đối tượng quản lý, nội dung quản lý cần được xây dựng cho phù hợp và hiệu quả. Theo Luật di sản văn hóa, việc quản lý di sản văn hóa được thực hiện theo những nội dung cơ bản sau:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Đây là nội dung có ý nghĩa vô cùng quan trọng để góp phần thực hiện tốt các mục tiêu lớn về văn hoá của một quốc gia, dân tộc. Việc xây dựng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát triển di tích lịch sử - văn hóa là vấn đề cấp thiết được đặt ra.

Đối với di tích QGDB, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích quốc gia đặc biệt theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích; thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Thủ trưởng bộ, ngành được giao trực tiếp quản lý di tích.

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy định pháp luật về di tích lịch sử - văn hóa

Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 14/6/2001 được xem là văn bản hoàn chỉnh nhất từ trước đến nay về vấn đề giữ gìn và phát huy Di sản văn hóa ở nước ta [39].

Ngày 18/6/2009, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XII đã thông qua Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Luật Di sản văn hóa, để các nội dung Luật đi vào cuộc sống, Chính phủ và các bộ, ngành đã ban hành các văn bản hướng dẫn để làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Luật.

Để tổ chức thực hiện các văn bản do Trung ương ban hành tại các địa phương đã cụ thể hoá bằng các Chỉ thị, Nghị quyết, Đề án, Dự án, Kế hoạch, chương trình hành động ... để triển khai thực hiện hiệu quả, kịp thời.

Các quy định trên đã góp phần quản lý di sản văn hoá chặt chẽ hơn, nhất là quá trình trùng tu di tích đã đảm bảo trùng tu theo đúng nguyên gốc. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập, vướng mắc vì trong các văn bản không phân cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa, xây dựng tại địa phương; các cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng thẩm định thiết kế nhưng không có chuyên môn sâu về trùng tu di tích cũng như am hiểu sâu về lịch sử, văn hóa, mỹ thuật của tất cả các di tích quốc gia đặc biệt.

Hệ thống văn bản trên đã chứng tỏ hệ thống thể chế, chính sách về di tích lịch sử - văn hóa của nước ta ngày càng hoàn thiện, giúp việc quản lý thuận lợi hơn.

- Tổ chức bộ máy quản lý, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di tích lịch sử - văn hóa

Hiện nay, Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Di sản văn hóa chưa quy định hoặc hướng dẫn cụ thể mô hình chung về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động trùng tu di tích. Vì thế, mô hình tổ chức đơn vị quản lý di tích trên toàn quốc hiện rất đa dạng, được tổ chức từ các cơ quan trung ương đến địa phương. Thể hiện ở một số bất cập sau: Tên gọi của các đơn vị chưa thống nhất; có sự chồng chéo về chức năng quản lý nhà nước của phòng Quản lý di sản và Quản lý văn hóa của đơn vị quản lý di tích; có đơn vị quản lý di tích trực thuộc Ủy ban Nhân dân cấp

ting, có đơn vị thuộc Ủy ban Nhân dân cấp huyện, có nơi lại do Ủy ban Nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý.

- Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyên môn về quản lý di tích lịch sử - văn hóa

Nghiên cứu khoa học là một việc làm quan trọng, bởi thông qua các cuộc hội thảo, nghiên cứu khoa học giúp tìm ra giải pháp để giải quyết những vấn đề quản lý di tích lịch sử - văn hóa được đặt ra mà xã hội rất quan tâm. Trong đó, yếu tố quan trọng nhất trong vai trò quản lý là việc phát huy hiệu quả nguồn nhân lực. Vì thế, Bộ văn hóa thể thao du lịch và nhiều địa phương đã rất chú trọng đến việc phối hợp với các cơ quan chuyên môn, chuyên gia nước ngoài tiến hành đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và tham gia trùng tu di tích.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Xác định việc trùng tu di tích cần nguồn lực lớn, nên tại Điều 57 Luật Di sản văn hóa đã xác định “Nhà nước khuyến khích việc xã hội hoá hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa”, trong đó nguồn tài chính để bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa bao gồm: “ngân sách nhà nước; các khoản thu từ hoạt động sử dụng và phát huy giá trị Di sản văn hóa; tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài”.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa. Đồng thời, tổ chức cho cộng đồng quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đó đúng mục đích và có hiệu quả. Thông qua việc đóng góp, tài trợ của nhân dân, các địa phương đã ghi nhận bằng các hình thức thích hợp thể hiện sự ghi công của cộng đồng đối với các cá nhân và khuyến khích được cá nhân đóng góp cho sự phát triển vì cộng đồng.

- Tổ chức, chỉ đạo, đề xuất khen thưởng các cá nhân, tổ chức trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Luật Di sản văn hóa đã quy định tại Điều 69 “Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa được khen thưởng theo quy định của pháp luật” và Điều 26 “Nhà nước tôn vinh và có chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ nắm giữ và có công phổ biến nghệ thuật truyền thống, bí quyết nghề nghiệp có giá trị đặc biệt” [36].

Đây là những hoạt động nhằm kịp thời động viên, cũng như tuyên truyền những tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa, Nhà nước ta đặc biệt chú trọng công tác khen thưởng, đãi ngộ. Đây là việc làm thiết thực để tôn vinh, khuyến khích mọi người cùng có ý thức trong việc giữ gìn và phát huy di tích lịch sử - văn hóa. Đồng thời xử lý đúng pháp luật đối với những trường hợp cố tình chiếm đoạt hoặc có hành vi gây hư hại, hủy hoại di tích.

- Tổ chức và thực hiện hợp tác quốc tế về hoạt động bảo vệ, khai thác, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa

Việc phối hợp, hợp tác được thực hiện dưới hai hình thức chính đó là phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong nước và hình thức phối hợp với các tổ chức quốc tế trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế nhằm thực hiện các chương trình bảo tồn, phát huy giá trị di tích hoặc kêu gọi, huy động những nguồn tài trợ cho các chương trình này.

Nhà nước luôn có chính sách và biện pháp đầy mạnh, tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế với các nước trên thế giới, trong khu vực và các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền quốc gia, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; góp phần phát huy giá trị Di sản văn hóa thế giới, tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế và bảo vệ, phát huy giá trị Di tích lịch sử - văn hoá được tiến hành trên cơ sở các hoạt động và nội dung như: Các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; Đào tạo, bồi dưỡng kinh nghiệm, tổ chức các cuộc triển lãm, các hội nghị quốc tế trao đổi thông tin và kinh nghiệm trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hiện đại trong trùng tu di tích lịch sử - văn hóa; Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm tăng cường tình hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau giữa các bên cùng có lợi sẽ mở ra con đường hợp tác, ngoại giao và học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm ở đối tác để có thể áp dụng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa; Mở rộng và đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới, trong khu vực và các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di tích lịch sử - văn hóa

Đây là một trong những chức năng của cơ quan nhà nước trong xã hội. Đối với lĩnh vực trùng tu di tích, cơ quan nhà nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực văn hóa và lĩnh vực xây dựng cơ bản. Theo đó thanh tra nhà nước về văn hoá có nhiệm vụ:

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về Di sản văn hóa; thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ và phát huy giá trị Di sản văn hóa; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về Di sản văn hóa; tiếp nhận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về Di sản văn hóa; kiến nghị các biện pháp để bảo đảm thi hành pháp luật về Di sản văn hóa [36].

Cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng cơ bản và cơ quan thanh tra khác thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đầu tư xây dựng và quản lý Di sản văn hóa; thanh tra việc thực hiện quy hoạch, thiết kế, dự toán, thi công, giám sát, quản lý; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng cơ bản; tiếp nhận và kiến nghị việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản trùng tu di tích [36].

Cơ quan quản lý di tích xây dựng kế hoạch thanh tra kiểm tra các vấn đề có liên quan đến chấp hành pháp luật về bảo vệ, phát huy giá trị DTLSVH như: tu bổ, tôn tạo di tích, bảo vệ di vật, cổ vật trong di tích, lấn chiếm đất đai, nạn mê tín dị đoan trong lễ hội...; theo dõi, tiếp nhận thông tin phản ánh từ nhân dân về những vi phạm có liên quan đến việc quản lý di tích để có biện pháp kịp thời hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết, xử lý theo pháp luật. Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức kiểm tra theo định kỳ và xử lý đơn thư khiếu nại các vụ vi phạm trong di tích.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo để theo dõi, đôn đốc các đơn vị quản lý DTLSVH để khắc phục các thiếu sót, hạn chế, ngăn ngừa phát sinh trong quá trình quản lý DTLSVH trên địa bàn.

1.2.2. Khung phân tích của luận văn

Khung phân tích của Luận văn được xây dựng trên cơ sở lý thuyết về quản lý di sản văn hoá, quản lý di tích mà Luật Di sản văn hóa đã chỉ ra. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ, các nội dung triển khai người viết sẽ lựa chọn một số nội dung phù hợp với đối tượng nghiên cứu và tình hình thực tế của quản lý Di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo để đưa vào khung phân tích của luận văn như sau:

- + Phân tích chủ thể quản lý
- + Phân tích các hoạt động quản lý, bao gồm:

- Ban hành các văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích;
- Bảo tồn di tích;
- Nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, phát huy giá trị di tích;
- Phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích;
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích;
- Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm di tích.

1.2.3. Căn cứ pháp lý về công tác quản lý di tích

Các văn bản của trung ương

Cách mạng tháng 8/1945 thành công, ngay sau đó vào ngày 23/11/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL về quản lý DSVH. Sắc lệnh gồm 6 điều, nhiệm vụ của Đông phương Bác cổ học viện đã được ấn định, đó là: bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, và nghiêm cấm việc phá hủy đền, chùa, đình, miếu, điện, thành quách, lăng mộ. Trong thời kỳ đầu mới xây dựng đất nước, mặc dù còn khó khăn về nhiều mặt nhưng Đảng vẫn luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác quản lý DTL SVH. Ngày 28/6/1956, Thông tư số 38/TT-TW do Trung ương Đảng ban hành về việc bảo vệ di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh. Nội dung Thông tư đề cập đến việc nâng cao ý thức của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và toàn dân về trách nhiệm bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; Những hoạt động kinh tế đang ảnh hưởng trực tiếp đến các di tích sẽ phải đình chỉ; việc phân loại và xây dựng kế hoạch tu bổ các di tích được tiến hành.

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn dành cho công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, trực tiếp là các DTL SVH những sự quan tâm không nhỏ. Những năm qua, nhiều chủ trương, đường lối, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế

- xã hội của đất nước được ban hành. Chúng được thể hiện thông qua các chỉ thị, nghị quyết, đặc biệt là: Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Đại hội XII của Đảng đã nhấn mạnh: "Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng".

Luật DSVH năm 2001 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật DSVH năm 2009 được ban hành và có hiệu lực thi hành đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, là “cái gậy” để công tác quản lý DSVH được triển khai với các hoạt động cần thiết trong việc bảo vệ, phát huy giá trị DSVH; Đồng thời xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu đối với DSVH; quy định rõ những việc, những hành vi được làm và không được làm; quy định về cơ chế khen thưởng những người có thành tích, xử phạt các hành vi xâm hại di tích; qua đó quy định trách nhiệm của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương trong việc bảo tồn DSVH. Mục đích những quy định trong Luật nhằm tạo ra hành lang pháp lý vừa thông thoáng, không cứng nhắc để tạo môi trường thuận lợi cho việc đầu tư phát triển kinh tế gắn với văn hóa, tạo cơ hội cho việc mở rộng giao lưu văn hóa và hội nhập quốc tế. Trong quá trình đưa Luật DSVH áp dụng vào thực tiễn, một số quy định của Luật bộc lộ những hạn chế, bất cập. Năm 2009, Luật DSVH đã được sửa đổi bổ sung một số điều để phù hợp với thực tiễn công tác quản lý và phát triển văn hóa nước ta nhất là trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

Nhằm hướng dẫn và cụ thể hóa những quy định trong Luật DSVH, Chính phủ ban hành các văn bản như sau: Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 hướng dẫn chi tiết thi hành Luật DSVH năm 2001; Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 06/01/2010 hướng

dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật DSVH năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật DSVH năm 2009.

Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và thể hiện rõ vai trò của mình trên lĩnh vực quản lý DSVH, Bộ VHTT&DL đã ban hành nhiều văn bản nhằm quy định và hướng dẫn thực hiện các quy định của Trung ương như: Quyết định số 1709/QĐ-BVHTT ngày 24/7/2001 phê duyệt quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị DTLSVH và danh lam thắng cảnh đến năm 2010; Quyết định số 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 về quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi DTLSVH và danh lam thắng cảnh; Thông tư 09/2011/TT- BVHTTDL ngày 14/7/2011 quy định nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng DTLSVH và danh lam thắng cảnh. Ngày 18/9/2012 Chính phủ ban hành Nghị định số 70/2012/NĐ-CP; quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLSVH, danh lam thắng cảnh. Ngày 28/12/2012 Bộ VHTT&DL tiếp tục ban hành Thông tư 18/2012/TT-BVHTTDL quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT ngày 30/12/2013 hướng dẫn bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

Nhằm mục đích hướng dẫn việc xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLSVH, Bộ VHTT&DL ban hành Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013

Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 998/QQĐ-TTg ngày 18/6/2014 về việc công nhận các xã An toàn khu cách mạng thuộc tỉnh Cao Bằng, Hà Nội. Tiếp đến là Nghị định số 61/2016/NĐ-CP/07/2016 quy định về điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành

ngành bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Thông tư số 04/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/8/2017 quy định Chương trình bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi DTLSVH, danh lam thắng cảnh. Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ, quản lý DSVH và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Và gần đây nhất, Bộ VHTTDL đã ban hành Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Qua nghiên cứu văn bản về quản lý DSVH qua từng giai đoạn cụ thể, ta có thể thấy rõ: những văn bản sau luôn thể hiện tính kế thừa, khắc phục những điểm không phù hợp, bất cập, hạn chế của những văn bản có trước đồng thời làm tăng hiệu lực, hiệu quả Hệ thống văn bản luôn có sự hài hòa, thống nhất, tác động tích cực giúp cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị DSVH thực hiện hiệu quả, những DSVH tiêu biểu nhất được tôn vinh, tạo điều kiện thuận lợi để nhiều thành phần kinh tế tham gia, thu hút nhiều nguồn lực bảo tồn và phát huy giá trị của DSVH, từ đó xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh và sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Các văn bản của địa phương

Cao Bằng có trên 200 di tích, trong đó 98 di tích đã được xếp hạng các cấp. Nhận thức rõ giá trị và tầm quan trọng của di tích, trong nhiều năm qua, tỉnh Cao Bằng đã quan tâm, có những định hướng, chính sách nhằm quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Năm 2008, UBND tỉnh Cao

Bằng đã ban hành Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 về ban hành Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 06/3/2009 về việc thực hiện quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định phân cấp nhằm tạo cơ sở pháp lý để các địa phương chủ động trong việc quản lý và phát huy giá trị di tích, tích cực xã hội hóa trong hoạt động đầu tư, tôn tạo di tích.

Thực hiện Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành nhiều văn bản nhằm hướng dẫn các địa phương trong việc thực hiện phân cấp quản lý, bao gồm: Công văn số 365/CV-SVHTTDL ngày 14/10/2009 V/v Hướng dẫn xây dựng đề án phân cấp quản lý di tích; Công văn số 10/SVHTTDL ngày 08 tháng 01 năm 2010 V/v thực hiện kế hoạch bàn giao hồ sơ di tích phân cấp quản lý di tích; Công văn số 570/SVHTTDL-BTT ngày 23/11/2010 về báo cáo triển khai thực hiện phân cấp quản lý di tích; Kế hoạch số 22/SVHTTDL-BTT ngày 13/4/2011 V/v kiểm tra tình hình thực hiện phân cấp quản lý di tích; Công văn số 264/SVHTTDL-BTT ngày 15 tháng 6 năm 2011 V/v Kiểm tra tình hình phân cấp quản lý di tích; Hướng dẫn số 458/HD-BTT ngày 13/4/2011 V/v Hướng dẫn thành lập các tổ chức quản lý di tích lịch sử - Văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Công văn số 114/SVHTTDL-BTT ngày 30 tháng 3 năm 2012 V/v báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện phân cấp quản lý di tích trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 64/KH-SVHTTDL ngày

22 tháng 10 năm 2013 V/v Sơ kết 5 năm thực hiện phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 42/KH-SVHTTDL ngày 29 tháng 8 năm 2018 về Tổng kết 10 năm thực hiện phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (2008 - 2018).

Năm 2016 UBND tỉnh đã ký ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Nội dung Quy chế quy định rõ trách nhiệm của các sở, ban ngành chức năng và chính quyền các cấp trong việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, quy chế cũng chưa được quan tâm thực hiện, hầu hết các sở ngành vẫn rất ít quan tâm, gần như mặc nhiên coi nhiệm vụ này chỉ là của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Do đó không phát huy được hiệu lực, hiệu quả của quy chế.

Bên cạnh đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch như: Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Cao Bằng giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030; Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Cao Bằng đến năm 2030; Quyết định số 1442/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Đề án thành lập, xây dựng và phát triển Công viên địa chất tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; Chương trình số 10-CT/TU ngày 29/4/2016 của Tỉnh ủy Cao Bằng về Phát triển Du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 1090/KH-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về công tác xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng giai đoạn 2019 - 2022.

Đối với các di tích QGĐB nói chung, di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng, tỉnh Cao Bằng cũng đã ban hành một số văn bản quan trọng, mang tính quyết định đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Các văn bản của tỉnh Cao Bằng về di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo thể hiện sự quan tâm đặc biệt đối với các di tích lịch sử quan trọng của tỉnh, thể hiện tầm nhìn chiến lược, nhìn xa, trông rộng trong công tác bảo vệ, quy hoạch di tích đồng bộ, hợp lý với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời là sự tạo điều kiện thuận lợi đối với các nội dung quản lý trong đó có cơ cấu tổ chức bộ máy, là cơ sở pháp lý để các ban ngành trong tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ bảo tồn, phục dựng và phát huy giá trị di tích, sự phối hợp có hiệu quả của các cơ quan liên quan trong tỉnh.

1.3. Khái quát về Di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

1.3.1. Khái quát về huyện Nguyên Bình

Huyện Nguyên Bình nằm ở phía Tây của tỉnh Cao Bằng, cách trung tâm thành phố Cao Bằng 45km. Huyện Nguyên Bình có 2 thị trấn và 15 xã. Là huyện nội địa nên huyện Nguyên Bình có nhiều tuyến giao thông quan trọng đi qua. Nguyên Bình là địa phương giàu tiềm năng du lịch. Với điều kiện khí hậu quanh năm mát mẻ, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, ngay từ đầu thế kỷ XX, người Pháp đã chọn nơi đây làm nơi nghỉ mát, tận hưởng các tài nguyên khí hậu và tài nguyên sinh vật độc đáo. Hiện nay vẫn còn những dấu tích của các khu biệt thự cổ xây bằng đá tảng và bê tông bề thế, vững chắc ẩn hiện trong khu rừng thông cổ thụ đầy mộng mơ. Điển hình là khu nhà Đò (Tatsloom) tại khu vực Phia Đén.

Huyện Nguyên Bình sở hữu nhiều thắng cảnh đẹp, hệ động thực vật phong phú, khí hậu trong lành mát mẻ, nhiệt độ trung bình 20 độ C, vào

mùa đông thấp nhất 0,6 độ C (đây là địa điểm duy nhất thường xuất hiện băng giá trên đỉnh núi Phia Oắc, Phia Đén).

Nằm trong tuyến du lịch phía Tây "Khám phá Phia Oắc - Vùng núi của những đổi thay" của CVĐC toàn cầu Non nước Cao Bằng, Nguyên Bình có hệ thống hang động đẹp, có nhiều loại động vật quý hiếm, thực vật đa dạng, phong phú như: hà thủ ô đỏ, tam thất, gà đen,...Kho tàng văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn vô cùng độc đáo và đặc sắc như: Các nghề thủ công truyền thống của đồng bào Dao (Nghề chạm bạc của người Dao Đỏ, In hoa văn sáp ong của người Dao Tiền), các nghi lễ cấp sắc 3 đên, 7 đên, 12 đên của dân tộc Dao...

Đặc biệt, huyện Nguyên Bình còn nổi tiếng là vùng đất giàu truyền thống cách mạng với nhiều di tích lịch sử được xếp hạng các cấp; trong đó di 01 di tích quốc gia đặc biệt, 01 di tích cấp quốc gia, 09 di tích cấp tỉnh.

Nguyên Bình đang được du khách quốc tế rất quan tâm và tìm đến để khám phá ngày một nhiều. Lượng khách du lịch đến với Nguyên Bình liên tục tăng, riêng đối với Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo và khu Phia Oắc - Phia Đén ước tính mỗi năm có trên 15 nghìn lượt khách đến tham quan.

1.3.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khu di tích[4]

Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng nằm ở phía Tây Nam và cách thành phố Cao Bằng khoảng 50km, được phân bố trên địa bàn 02 xã: Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Di tích nằm trong hệ thống các di tích lịch sử cách mạng, lịch sử quân sự Việt Nam. Nơi diễn ra sự kiện thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 22/12/1944 (tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam); Đội VNTTGPQ gồm 34 chiến sĩ, do đồng chí Võ

Nguyên Giáp chỉ huy. Đội vừa mới thành lập đã giành thắng lợi lớn trong trận đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944 và đồn Nà Ngàn ngày 26/12/1944, mở ra trang sử hào hùng của dân tộc ta và truyền thống “quyết chiến quyết thắng” của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Khu di tích gồm 5 điểm di tích sau:

(1) Cụm di tích Rừng Trần Hưng Đạo

- Khu trung tâm Di tích

Tại sân trung tâm của di tích Rừng Trần Hưng Đạo, vị trí trung tâm trang trọng nhất là bức phù điêu 34 chiến sĩ trong buổi lễ thành lập. Bức phù điêu được xây dựng năm 2004 nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2004). Bức phù điêu là công trình mỹ thuật hoành tráng, có giá trị như một tượng đài lưu niệm, biểu tượng cao quý, thiêng liêng về sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

Bên cạnh bức phù điêu là Đền thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Đền thờ là nơi Nhân dân cả nước và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thấp nén tâm nhang tri ân, tỏ lòng thành kính trước anh linh Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

- Địa điểm thành lập Đội VNTTGPQ

Đây là nơi ghi dấu sự kiện thành lập Đội VNTTGPQ. Năm 1994, tại địa điểm này đã dựng một nhà bia trung tâm nhằm ghi dấu di tích và thể hiện lòng tôn kính của nhân dân đối với thế hệ đàn anh của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Nhà bia được dựng theo kiểu 2 tầng 8 mái, có các cột trụ đỡ mái. Bia đá màu nâu sẫm, chữ vàng khắc toàn văn bản Chỉ thị thành lập Đội của Lãnh tụ Hồ Chí Minh; 10 lời thề danh dự do đồng chí Võ Nguyên Giáp đọc trong lễ tuyên thệ (*sau này trở thành lời thề danh dự của Quân đội Nhân dân Việt Nam*); Lễ thành lập và danh sách 34 chiến sĩ Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

- Dãy lán nghỉ và bếp ăn

Dãy nhà nghỉ và bếp ăn của Đội nằm cách nhà bia trung tâm khoảng 30 m, được xây dựng năm 1994, mô phỏng lán trại cũ của Đội. Đối diện lán nghỉ là dãy nhà bếp ăn của Đội. Tại đây, ngay sau buổi lễ thành lập, cả Đội đã tổ chức ăn bữa cơm nhạt không rau, không muối để nêu cao tinh thần quyết tâm chịu đựng gian khổ của người chiến sĩ cách mạng từ Nhân dân mà ra, vì Nhân dân mà chiến đấu.

- Mỏ nước phục vụ nước sinh hoạt

Mỏ nước - nơi các chiến sĩ Đội lấy nước sinh hoạt hàng ngày; mỏ nước hiện nay đã được xây dựng lại.

- Đỉnh Slam Cao

Đỉnh Slam Cao - nơi đồng chí Võ Nguyên Giáp và Ban chỉ huy Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân trực tiếp lên quan sát, đưa ra các phương án đánh đồn Phai Khắt, trận đánh đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của Đội ngày 25/12/1944. Trên đỉnh Slam Cao, hiện nay có đặt đài quan sát. Đài được xây dựng năm 2019 nhân dịp kỉ niệm 75 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2019).

(2) Hang Thẳm Khẩu

Hang Thẳm Khẩu nằm ở xóm Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Đây là một hang đá ở lưng chừng núi nằm về phía Tây Bắc làng Phai Khắt. Hang Thẳm Khẩu sâu khoảng 03m, dài khoảng 12m. Trong giai đoạn 1941-1944, hang Thẳm Khẩu được sử dụng làm trạm liên lạc đưa cơm phục vụ cho các đồng chí hoạt động cách mạng, đặc biệt là nơi tập trung quân của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân vào chiều ngày 24/12/1944, để chuẩn bị đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần.

(3) Đồn Phai Khắt

Đồn Phai Khắt nằm ở vị trí giữa làng Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, là nơi chứng kiến trận đầu ra quân của Đội Việt Nam Tuyên

truyền Giải phóng quân ngày 25/12/1944 - chiến thắng đầu tiên của Đội dưới sự tổ chức chỉ đạo của Đảng. Chiến thắng đồn Phai Khắt đã mở màn cho truyền thống “trăm trận trăm thắng” của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Năm 1994, Đồn Phai Khắt được sử dụng làm nhà trưng bày chiến thắng Đồn Phai Khắt. Phía sau là trạm gác bảo vệ đồn cũng được dựng mô phỏng lại.

(4) Đồn Nà Ngần

Đồn Nà Ngần thuộc xã Cẩm Lý, nay là xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, cách đồn Phai Khắt khoảng 20km. Đồn Nà Ngần nơi ghi dấu trận đánh thứ 2 giành thắng lợi của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân ngày 26/12/1944. Đồn nằm trên một đồi cao, địa thế hiểm trở, từ ngoài vào phải qua mấy thung lũng. Địch chọn nhà ông Nông Văn Páo (tức Phó lý Páo), biến thành một đồn lính. Hiện nay, ngôi nhà cũ không còn, tại địa điểm này đã dựng nhà bia ghi dấu chiến công oanh liệt của Đội.

(5) Di tích Vạ Phá

Di tích Vạ Phá thuộc xóm Bản Um, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Tại đây, vào tháng 2/1944, Tổng bộ Việt Minh Cao Bằng đã mở lớp huấn luyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho toàn tỉnh do các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng phụ trách. Lớp huấn luyện quân sự là bước chuẩn bị về lực lượng, góp phần tích cực vào việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Hiện nay, Vạ Phá còn dấu tích lán trại của lớp học quân sự có diện tích khoảng 150m², chiều dài khoảng 30m, chiều rộng khoảng 5m. [4]

1.3.3. Những giá trị tiêu biểu của khu Di tích

- Giá trị lịch sử - cách mạng

Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo có giá trị đặc biệt quan trọng, là một trong những khu di tích có tầm quan trọng trong hệ thống các di tích về lịch sử quân sự cách mạng Việt Nam, gắn liền với cuộc đời và sự

nghiệp hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp thời kỳ 1941 - 1945. Cao Bằng là nơi diễn ra nhiều sự kiện quan trọng gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn liền với lịch sử vẻ vang của đất nước Việt Nam. Cao Bằng là địa phương gắn với những quyết định và sáng lập quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh giai đoạn 1941 - 1945, đó là: Chỉ đạo thành lập Mặt trận Việt Minh, khai sinh mô hình nhà nước tương lai. Tại các tổng, xã “Việt Minh hoàn toàn”, hoạt động nổi bật nhất của phong trào là sự xuất hiện mô hình sơ khai của một chính quyền mới, Ban Việt Minh các xã đảm nhiệm chức năng của một cơ quan chính quyền cách mạng như một mô hình nhà nước tương lai, nắm toàn quyền về việc quản lý, điều hành mọi hoạt động của địa phương, từ sinh hoạt đời sống đến các hoạt động sản xuất của nhân dân “giải quyết hầu hết các việc sinh hoạt hằng ngày cho nhân dân..., việc chấp hành ruộng đất”, cả việc cưới xin, bảo vệ quyền sống, bước đầu đem lại quyền lợi thiết thực cho nhân dân. Hoạt động của các xã, tổng, châu “Việt Minh hoàn toàn” là mô hình nhà nước tương lai của nước Việt Nam mới được ra đời ngay từ những ngày cách mạng còn trong bí mật. Thông qua Mặt trận Việt Minh, những chủ trương lãnh đạo của Đảng nhanh chóng đi vào phong trào quần chúng. Đảng xây dựng được lực lượng chính trị quần chúng mạnh mẽ, được rèn luyện qua những phong trào cách mạng. Từ đó xuất hiện các xã, tổng “Việt Minh hoàn toàn”, hầu hết nhân dân tham gia các tổ chức cứu quốc là thành viên của Mặt trận Việt Minh. Sự ra đời của Mặt trận Việt Minh là kết quả của đường lối chính trị đúng đắn của Đảng với tư tưởng cách mạng khoa học, sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc... Đồng thời, Người chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Giữa năm 1944, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến nhanh chóng, có lợi cho cách mạng Việt Nam. Không khí khởi nghĩa sôi sục khắp nơi. Nhân dân vùng Cao - Bắc - Lạng sẵn sàng hưởng ứng khởi nghĩa. Theo lãnh tụ Hồ Chí Minh

"Hình thức thích hợp" lúc bấy giờ là thành lập đội quân chủ lực. Thực hiện chỉ thị của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 22/12/1944, Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được cử hành trọng thể tại khu rừng Trần Hưng Đạo, châu Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Đội gồm 34 chiến sĩ với 34 khẩu súng các loại, chia làm 3 tiểu đội, có chi bộ Đảng lãnh đạo, do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy.

Khu rừng Trần Hưng Đạo là nơi vinh dự được chứng kiến buổi lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày nay. Đồng thời Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo là nơi diễn ra nhiều sự kiện đặc biệt quan trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước Việt Nam: Lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đánh thắng hai trận đầu đòn Phai Khắt và Nà Ngần ngày (25 - 26/12/1944), sau này đội phát triển trưởng thành và đã giành được nhiều thắng lợi mang lại độc lập cho dân tộc Việt Nam mà đỉnh cao là kết quả của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 thành công, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 02/9/1945.

- Giá trị văn hóa

Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo là bảo tàng sống động về không gian và thời gian, lưu trữ những địa danh, hiện vật gắn liền với giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng, có giá trị lịch sử đặc biệt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Đây là nơi tổ chức nhiều sự kiện và các sinh hoạt văn hóa của địa phương nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước như ngày 22/12, ngày 30/04 hàng năm; Tỉnh Cao Bằng đã tổ chức nhiều sự kiện mang ý nghĩa chính trị về công tác giáo dục tư tưởng, truyền thống cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam tại di tích. Tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền về truyền thống đấu tranh giành quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc của Quân đội Nhân dân Việt Nam và các đồng chí lão thành cách mạng, của Nhân dân các dân tộc cả nước nói chung và Nhân dân các dân

tộc tỉnh Cao Bằng nói riêng thời kỳ 1941 - 1945. Đây còn là nơi tưởng nhớ khắc ghi công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với dân tộc. Là nơi tạo điều kiện cho Nhân dân thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Quân đội Nhân dân Việt Nam thời kỳ 1944 - 1945.

- Giá trị khoa học

Là nơi có các minh chứng lịch sử chân thực giúp các nhà nghiên cứu khoa học về lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc đến nghiên cứu, học tập và nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn thông qua những điểm di tích, những hình ảnh trực quan và một số tư liệu, tài liệu liên quan còn được lưu giữ và trưng bày tại đây.

- Giá trị nhận thức và giá trị giáo dục

Nội dung lịch sử của Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo giúp cho các thế hệ trẻ nhận thức sâu sắc hơn về cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của cha ông và vai trò to lớn của chủ tịch Hồ Chí Minh và đại tướng Võ Nguyên Giáp đối với sự ra đời và trưởng thành của quân đội Nhân dân Việt Nam nói riêng và sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung, Từ đó tuyên truyền giáo dục cho các thế hệ về tình yêu quê hương đất nước và tự hào dân tộc, có trách nhiệm học tập, xây dựng và bảo vệ những thành quả mà cha ông đã tạo dựng, xây đắp trong lịch sử.

34 chiến sĩ đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với hai chiến thắng Phai Khắt - Nà Ngần mở đầu cho truyền thống "bách chiến bách thắng" của quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy di tích Rừng Trần Hưng Đạo mang giá trị giáo dục truyền thống sâu sắc. Hàng năm, di tích đón tiếp nhiều lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập và nghiên cứu. Đặc biệt các đoàn là các đồng chí cựu chiến binh, các binh đoàn, quân khu ... lực lượng vũ trang thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam đến học tập về truyền thống cách mạng đấu tranh anh dũng, hào hùng của Quân đội ta.

Hiện nay, di tích là nơi tổ chức các hoạt động về nguồn, tri ân, dâng hoa, dâng hương, báo công nhân dịp những ngày lễ, kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước có ý nghĩa chính trị về công tác giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần chiến đấu anh dũng, quả cảm giành quyền tự do, độc lập cho Tổ quốc cho các thế hệ người Việt Nam...

- Giá trị về khai thác du lịch

Di tích Rừng Trần Hưng Đạo vừa là địa chỉ đỏ, là điểm đến của những chuyến tham quan du lịch về nguồn, tìm hiểu về truyền thống của quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng vừa có thể kết hợp thưởng ngoạn du lịch sinh thái rất thú vị và bổ ích.

Ngoài những giá trị lịch sử, văn hóa quan trọng, Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo còn là thắng cảnh lý tưởng, sơn thủy hữu tình, thời tiết ôn hòa, trong lành. Đồng bào dân tộc nơi đây còn bảo lưu nhiều nét văn hóa truyền thống giàu bản sắc, độc đáo và hấp dẫn. Đây là nơi du khách trong và ngoài nước có thể tham quan, thưởng ngoạn thắng cảnh và du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa bản địa đầy ý nghĩa.

1.4. Vai trò của việc quản lý khu Di tích với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương

1.4.1. Quản lý khu Di tích với sự phát triển kinh tế

Trong quá trình đầu tư bảo tồn và xây dựng các phương án phát triển du lịch trong khu di tích sẽ tạo ra rất nhiều cơ hội việc làm cho dân cư tại khu vực di tích, với nhiều hình thức lao động khác nhau. Mặt khác, khi Khu di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo hoàn thiện đi vào hoạt động, nhu cầu về các mặt hàng lưu niệm trong khu di tích; dịch vụ ăn uống; vui chơi giải trí; dịch vụ vận tải, dịch vụ quay phim, chụp ảnh của du khách tăng lên góp phần chuyển dịch cơ cấu, thu hút và phát triển kinh tế một cách mạnh mẽ cho các hộ dân trong vùng và lân cận, góp phần giải quyết việc làm cho người dân địa phương. Ở miền núi phía Bắc, du lịch cộng

đồng phát triển, di sản văn hóa đang trở thành nguồn lực tạo nên sản phẩm du lịch. Bắt nhịp với phát triển du lịch cả nước, Cao Bằng đã và đang định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững. Đưa du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn là nội dung đột phá trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2020 - 2025. Để phát triển du lịch bền vững, bên cạnh việc quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên về di tích lịch sử văn hoá, thiên nhiên, môi trường và đa dạng sinh học cần chú trọng phát triển du lịch văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc. Du lịch cộng đồng là loại hình du lịch mà ở đó cộng đồng địa phương có sự kiểm soát vào sự phát triển và quản lý hoạt động du lịch và phần lớn lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch được giữ lại cho cộng đồng. Có thể nói, du lịch dựa vào cộng đồng là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch, đồng thời tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường và văn hóa, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất và tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên. Trong mô hình du lịch cộng đồng luôn đề cao vai trò của người dân bản địa. Người dân phải thực sự là chủ nhân có quyền tham gia các hoạt động du lịch và phải được hưởng lợi từ các hoạt động du lịch. Các doanh nghiệp nhà nước chia sẻ quyền lợi cho cộng đồng các dân tộc thông qua hệ thống các dịch vụ thuộc cộng đồng như nhà nghỉ của người dân (homestay), bán sản phẩm đồ thủ công truyền thống, cung cấp dịch vụ ăn uống, đi lại... Đây là cách làm du lịch bảo tồn vẻ đẹp tự nhiên, văn hoá của tộc người, coi trọng vai trò cộng đồng, tránh được cách làm mai một giá trị truyền thống. Nhờ phát triển du lịch cộng đồng, nhiều di sản văn hóa trước đây bị mai một có cơ hội được phục hồi.

Bên cạnh việc phát huy giá trị của di tích, cần duy trì các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống, cần định hướng cho đồng bào tham gia phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương. Để thúc đẩy sự phát triển của

loại hình du lịch nói trên tại cộng đồng, nhất là đồng bào Dao, địa phương cần có giải pháp mang tính bền vững đảm bảo phát triển lâu dài, đảm bảo quyền lợi cho cộng đồng. Địa phương cần xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể về chiến lược, quy hoạch du lịch cộng đồng, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng. Bên cạnh đó cần có các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực để phát triển du lịch cộng đồng mạnh hơn, đồng thời vẫn giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của địa phương. Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức xúc tiến, quảng bá sản phẩm du lịch của địa phương. Qua đó, tạo sức bật cho du lịch cộng đồng của đồng bào ở huyện Nguyên Bình phát triển, góp phần vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng Dao nói riêng, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã hai xã Tam Kim, Hoa Thám nói chung. Sinh kế trong điều kiện kinh tế thị trường tác động mạnh mẽ đến văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số, đặt ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với phát triển, nhất là gắn với phát triển du lịch. Đời sống văn hoá của đồng bào các dân tộc ở hai huyện Nguyên Bình muốn phát triển bền vững đòi hỏi phải có hệ thống giải pháp mang tính chất đồng bộ và toàn diện về kinh tế, xã hội, văn hoá.

Bên cạnh đó, bảo vệ tối đa yếu tố nguyên gốc, tính chân thật của lịch sử và môi trường thiên nhiên của di tích; Bảo tồn đặc trưng văn hóa các dân tộc trên địa bàn rừng núi, không gian thiên nhiên, non nước Cao Bằng gắn với việc phát triển kinh tế - xã hội và du lịch ở địa phương, phát triển du lịch theo hướng văn hóa, lịch sử, góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân trong vùng dự án - nhất là nhân dân huyện Nguyên Bình.

Đồng thời, việc quản lý Di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo có hiệu quả sẽ thu hút khách tham quan trong và ngoài nước đến thăm quan du lịch Cao Bằng ngày càng đông, tạo điều kiện thuận lợi cho ngành

du lịch Cao Bằng giới thiệu với du khách về tiềm năng du lịch phong phú của tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế.

1.4.2. Quản lý Di tích với sự phát triển văn hóa - xã hội

Việc quản lý Di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo có vai trò quan trọng và gắn bó mật thiết với sự phát triển văn hoá - xã hội ở địa phương. Đối với đời sống xã hội, khu vực dân cư tại khu di tích được đầu tư theo dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo:

Các công trình nhà ở di tích sẽ được tổ chức bảo tồn, tôn tạo, phục dựng theo đúng nguyên trạng, phục vụ cho khu di tích. Các hộ dân nằm trong khu vực làng văn hóa di tích sẽ được hỗ trợ xây dựng, cải tạo lại nhà cửa tạo thành một phân hỗ trợ đặc lực cho khu di tích, thu hút khách tham quan. Đối với các hộ dân khác ở trong vùng dự án cũng sẽ được hỗ trợ cải tạo nhà cửa, xây dựng làng xóm sạch đẹp.

Trong quá trình thực hiện dự án bảo tồn, tôn tạo khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo sẽ phải thực hiện di dân ở một số điểm nhằm đảm bảo cho việc bảo vệ di tích và phục vụ cho phát triển du lịch, các hộ cần di chuyển sẽ được bồi thường thiệt hại phù hợp và được bố trí vào các khu tái định cư gần với khu vực đang sống. Các khu tái định cư được đầu tư xây dựng hoàn thiện về hệ thống hạ tầng, đảm bảo dân cư nhanh chóng ổn định đời sống.

Đồng thời, tại các làng xóm sẽ tổ chức xây dựng các nhà văn hóa xóm tạo thành các điểm tập trung hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí cho dân cư, vừa là những điểm hoạt động biểu diễn văn hóa, văn nghệ dân tộc, mỗi làng xóm sẽ là một thành phần du lịch. Sau khi hình thành một khu du lịch hoàn chỉnh, sẽ thỏa mãn nhu cầu du lịch giải trí của các tầng lớp dân cư trong xã hội và là nơi giải trí lành mạnh, bổ ích, thư giãn góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo bao gồm nhiều điểm di tích lịch sử cách mạng, có giá trị đặc biệt trong việc giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân Việt Nam. Trên hết Khu di tích còn là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Khả năng khai thác phát triển du lịch tại khu di tích bao gồm các giá trị văn hóa dân tộc thiểu số, các giá trị về sinh thái và cảnh quan.

Ngoài ra còn góp phần tăng cường khai thác các tiềm năng du lịch văn hóa, sinh thái kết hợp với các giá trị của Khu DTLS các mạng rừng Trần Hưng Đạo nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững mang lại những lợi ích thiết thực cho địa phương đặc biệt cho cộng đồng các dân tộc thiểu số ở khu vực.

Tiểu kết

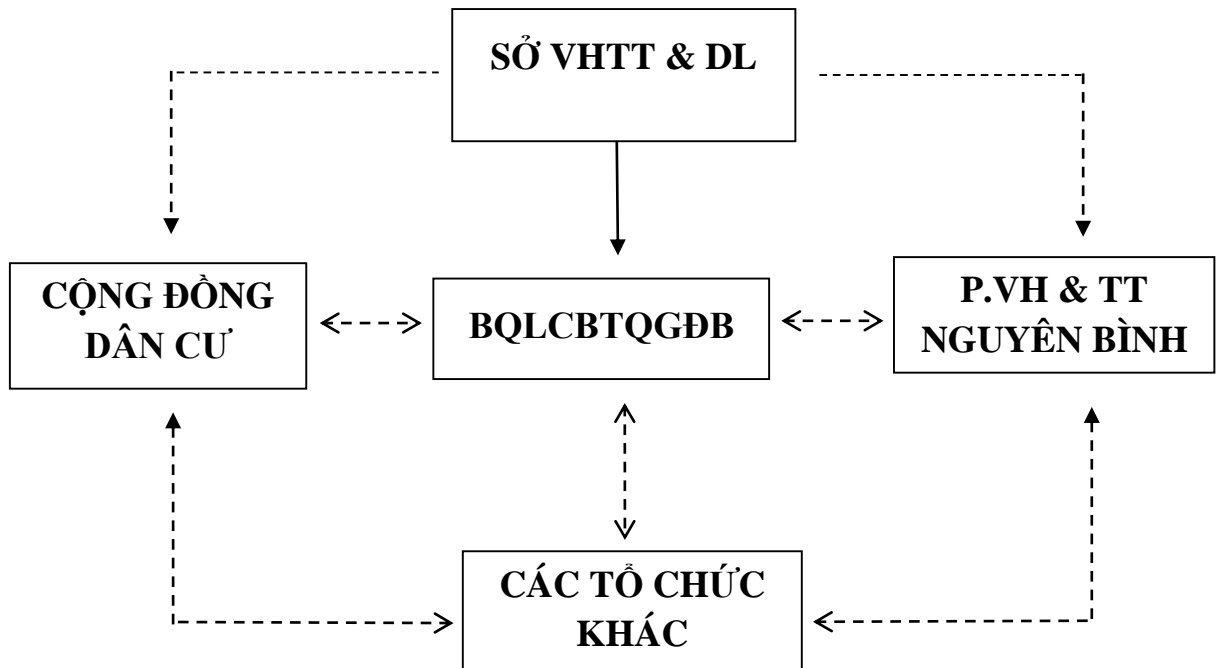
Tiếp cận, kế thừa các nghiên cứu để có những cách thức nhằm khai thác, phát huy giá trị của các di sản văn hóa nói chung, các di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia nói riêng đã và đang đòi hỏi các cấp chính quyền, các nhà quản lý văn hóa cần có nhận thức đúng đắn về vấn đề quản lý văn hóa trong mối gắn kết giữa lý luận khoa học với thực tiễn. Việc đưa ra những khái niệm về di tích lịch sử văn hóa và những lý giải, phân tích dựa trên cơ sở khoa học là tiền đề để tiếp tục nghiên cứu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật (những chế tài) quan trọng trong công tác quản lý di tích lịch sử văn hóa và thực hiện triển khai hệ thống văn bản đó một cách hiệu quả đối với việc bảo tồn, khai thác và phát huy những giá trị quan trọng của di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

Vì vậy, ở chương 1, tác giả đã tập trung vào việc trang bị những cơ sở lý luận cần thiết về di tích lịch sử văn hóa, quản lý, quản lý di tích lịch sử văn hóa... Đây chính là những căn cứ quan trọng về lý thuyết để tác giả triển khai nghiên cứu và phân tích nội dung của những chương tiếp theo.

Bên cạnh đó, tác giả khái quát những thông tin cơ bản về huyện Nguyên Bình cũng được tác giả giới thiệu tổng quan về đặc điểm và các giá trị lịch sử văn hóa, khoa học của di tích. Việc đưa ra những thông tin chính về địa phương di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo tọa lạc là vô cùng quan trọng. Dựa trên cơ sở đặc điểm của vị trí địa lý, đặc điểm của môi trường, di tích đã ẩn chứa những giá trị văn hóa, lịch sử bền bỉ với thời gian.

Chương 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO

2.1. Chủ thể quản lý di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo



SƠ ĐỒ QUẢN LÝ DI TÍCH QGĐB
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO

2.1.1. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (không bao gồm nội dung quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin); việc sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, chân dung Chủ tịch Hồ Chí

Minh và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân cấp, ủy quyền của ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra, Sở VH TT&DL còn thực hiện một số nhiệm vụ, thuộc quyền hạn theo ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh. Sở VH TT&DL chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của Bộ VH TT&DL. Thực hiện Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở VH TT&DL tỉnh Cao Bằng và căn cứ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 107/2020/ND-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể, quyền hạn cụ thể trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch như sau:

Về di sản văn hóa:

Tổ chức thực hiện các quy định, các giải pháp nhằm huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Đối với di sản văn hóa phi vật thể ở địa phương, sở VH TT&DL có chức năng tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê và lập hồ sơ ; bên cạnh đó còn thực hiện thẩm quyền cấp phép nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài;

Đồng thời quản lý nhà nước, hướng dẫn nghiệp vụ về tổ chức các hoạt động bảo vệ phát huy giá trị di sản văn hóa. Hướng dẫn tổ chức lễ hội

dân gian truyền thống, tín ngưỡng gắn với di tích, nhân vật lịch sử trên địa bàn tỉnh;

Đối với di sản văn hoá vật thể, Sở VH TT & DL có chức năng tổ chức kiểm kê, lập danh mục, lập hồ sơ xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh;

Thẩm định, đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh; thẩm định dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đối với di tích cấp tỉnh trình Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tham gia ý kiến thiết kế bản vẽ thi công bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích cấp tỉnh; tham gia ý kiến đối với hồ sơ tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích hoặc đối tượng kiểm kê di tích; thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích cấp tỉnh có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường của di tích; cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích và Giấy chứng nhận hành nghề đối với tổ chức hành nghề tu bổ di tích có trụ sở trên địa bàn;

Tiếp nhận hồ sơ, hướng dẫn thủ tục, trình cấp có thẩm quyền các nội dung liên quan đến cấp giấy phép thăm dò, khai quật khảo cổ, khai quật khẩn cấp; Đồng thời theo dõi, giám sát việc thực hiện nội dung giấy phép khai quật ở địa phương; Bên cạnh đó định kỳ rà soát, đề xuất Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch khảo cổ;

Có trách nhiệm thẩm định hồ sơ khi các cơ quan như: bảo tàng tỉnh, bảo tàng ngoài công lập, ban hoặc trung tâm quản lý di tích, các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật trên địa bàn tỉnh có yêu cầu thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật đề nghị công nhận bảo vật quốc gia.

Theo quy định của Luật di sản Văn hoá và các qy định khác có liên quan, sở VH TT&DL có trách nhiệm tổ chức thu nhận, bảo quản các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do tổ chức, cá nhân giao nộp và thu giữ trên địa bàn tỉnh ; Nếu các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký và quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia sở VH TTDL có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan.

Bên cạnh đó, thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề đối với chủ cửa hàng mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh, bảo tàng cấp tỉnh và sở hữu tư nhân ở địa phương; cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đối với cơ sở kinh doanh giám định có trụ sở trên địa bàn; đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho phép đưa di vật, cổ vật thuộc sở hữu tư nhân ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

Xác nhận điều kiện đối với việc thành lập bảo tàng tỉnh và điều kiện được cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh; xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị và hồ sơ xếp hạng bảo tàng hạng II, III đối với bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng ngoài công lập đến Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức thẩm định việc xếp hạng bảo tàng; góp ý đề nghị phê duyệt dự án trung bày bảo tàng cấp tỉnh, dự án trung bày nhà lưu niệm do tỉnh quản lý;

Kiểm tra, giám sát và phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra cơ sở bồi dưỡng và việc tổ chức thực hiện Chương trình bồi dưỡng kiến thức về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh;

Là cơ quan thường trực tham mưu ủy ban nhân dân tỉnh đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh về: Đặt tên, đổi tên đường, phố, quảng trường, công trình công cộng ở địa phương.

Để thực hiện Đề thực hiện tốt chức năng của mình trong lĩnh vực quản lý và phát huy giá trị di sản trong tỉnh. Sở VH TT&DL tỉnh còn có bộ máy chuyên môn để giúp việc đó là phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình có chức năng tham mưu giúp lãnh đạo sở quản lý về di sản; Bảo tàng tỉnh có chức năng sưu tầm hiện vật có giá trị lịch sử, đăng ký kiểm kê, bảo quản, xây dựng hồ sơ khoa học cho tài liệu trong bảo tàng. Thẩm định, bảo quản hiện vật, thu nhận di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do thăm dò, khai quật hoặc do tổ chức cá nhân phát hiện giao nộp để bảo quản và lưu giữ, xác định giá trị các DSVH. Nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch, dự án, đề án công tác ngắn hạn, dài hạn về các mặt hoạt động thuộc lĩnh vực bảo tàng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp thuộc Sở VH TT&DL, tổ chức thực hiện các kế hoạch, dự án, đề án công tác khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Văn phòng sở VH TT&DL tham mưu phối hợp thực hiện nhiệm vụ tài chính chủ đầu tư của các dự án tu bổ, tôn tạo di tích; triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, đề án, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ kinh tế kỹ thuật, tu bổ, tôn tạo, thi công mới đảm bảo đúng theo quy định; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích trên cổng thông tin điện tử của Sở.

Do đặc thù của địa phương, trong số các đơn vị trực thuộc của Sở còn có BQL các DTQG đặc biệt tỉnh, quản lý trực tiếp 03 Di tích QGĐB; có trách nhiệm giúp giám đốc Sở VH TT&DL tham mưu cho UBND tỉnh về công tác tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích theo thẩm quyền được giao và theo các quy định của nhà nước hiện hành.

Như vậy, Sở VH TT&DL tỉnh Cao Bằng có các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc tham mưu về lĩnh vực quản lý, phát huy giá trị DSVH thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ quy định; là cơ quan đầu mối

quan trọng tham mưu giúp UBND tỉnh Cao Bằng trong công tác quản lý DSVH trên địa bàn toàn tỉnh.

2.1.2. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình

Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Nguyên Bình là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, chịu sự chỉ đạo của UBND huyện về tổ chức, biên chế và hoạt động chuyên môn. Đồng thời chịu sự chỉ đạo kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Phòng VH - TT huyện Nguyên Bình tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về: Văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo; báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; công nghệ thông tin; phát thanh truyền hình; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại và hạ tầng thông tin trên địa bàn; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

Đối với phong trào văn hoá, văn nghệ; luyện tập thể dục, thể thao của các tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện, phòng VH-TT có chức năng hướng dẫn cụ thể việc thực hiện; nghiên cứu xây dựng nếp sống văn minh lễ hội, trong việc cưới, việc tang; nghiên cứu tham mưu xây dựng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” ở khu dân cư; xây dựng và hướng dẫn xét tặng danh hiệu gia đình văn hoá; xóm văn hóa, tổ dân phố văn hoá, đơn vị văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; bảo vệ và phát huy các di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể; quản lý, bảo vệ, tôn tạo, khai thác, sử dụng hợp lý và phát huy giá trị tài nguyên du lịch, môi trường du lịch, khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn.

Lãnh đạo phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình cho biết: "*Theo quy định phân cấp Quản lý di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, Ngày 22/10/2009, Sở*

VHTT&DL tỉnh Cao Bằng đã tổ chức bàn giao chức năng quản lý sang UBND huyện Nguyên Bình" (PVS bà T, Phòng VH&TT huyện Nguyên Bình). Nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2009), UBND huyện đã lập Dự án bảo tồn chống xuống cấp đối với di tích lịch sử Khu rừng Trần Hưng Đạo và được Tổng cục Chính trị - Bộ Quốc Phòng đầu tư cho Dự án với tổng kinh phí là 1,3 tỷ đồng, gồm các hạng hạng mục: cổng chính, cải tạo chòi quan sát, biển ghi tên xã Tam Kim, biển ghi tên khu rừng Trần Hưng Đạo, Nhà đồn Phai Khắt, sân doanh trại, sân bãi đỗ xe, điện chiếu sáng khu phù điêu 34 chiến sỹ, đường đi bộ.

Sau khi tiếp nhận bàn giao, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và tổ chức vệ sinh môi trường, hướng dẫn khách du lịch đến tham quan, tổ chức phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi làm ảnh hưởng tới sự an toàn và cảnh quan môi trường của di tích. Ngăn chặn, xử lý các hoạt động mê tín dị đoan tại di tích theo thẩm quyền, xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản tu bổ, phát huy giá trị Khu di tích.

Nhận thức rõ vai trò trách nhiệm của địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích, cùng với sự chỉ đạo sát sao của UBND huyện, phòng VH-TT huyện Nguyên Bình đã tham mưu thành lập các BQL di tích tại các xã, thị trấn để quản lý phát huy di tích có hiệu quả. Đồng thời chủ động đưa ra những kiến nghị, đề xuất xếp hạng di tích các cấp. Việc thành lập BQL trên từng địa bàn cấp xã đã tạo điều kiện tăng cường công tác quản lý về văn hoá, tín ngưỡng tại di tích, thực hiện tốt hơn công tác quản lý di sản văn hoá trên địa bàn.

Năm 2013, nhân dịp kỷ niệm 70 năm Bộ Quốc phòng đã đầu tư nâng cấp một số hạng mục (Theo Quyết định số 348/QĐ-BQP ngày 06/02/2013 Của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư, nâng cấp khu di tích lịch sử Khu rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng) như

cải tạo nâng cấp đường vào khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo, nhà đón tiếp trong khu di tích, nhà tưởng niệm, tu sửa một số hạng mục như: Nhà Bia Trung Tâm, lán nghỉ, mở nước sinh hoạt.

Các hạng mục sửa chữa, cải tạo do UBND huyện đầu tư: Sửa chữa nhà Đồn Phai Khắt; sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Ban quản lý khu di tích; nhà bảo vệ trong khu rừng + làm mới nhà WC công cộng; chòi quan sát trên đỉnh sam cao; nhà bia đồn Nà Ngần, xã Hoa Thám.

2.1.3. Ban Quản lý di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng

Với hệ thống di tích trên địa bàn toàn tỉnh Cao Bằng là trên 200 di tích, bao gồm cả di tích đã xếp hạng và chưa xếp hạng, việc quản lý cũng tương đối khó khăn, do đó tỉnh Cao Bằng đã thực hiện phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hoá và Danh lam thắng cảnh. Các địa phương được giao quản lý các di tích trên địa bàn. Tuy nhiên, đối với một số di tích có giá trị đặc biệt, việc quản lý đối với chính quyền địa phương cũng có nhiều lúng túng, nhiều bất cập, không phát huy được giá trị của di tích.

Năm 2014, để thực hiện tốt công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị của khu di tích, chủ tịch UBND tỉnh đã ký Quyết định số 853/QĐ-UBND, ngày 25/6/2014 về việc thành lập Ban quản lý khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo (BQL). BQL có chức năng tham mưu trực tiếp cho UBND huyện về quản lý, bảo tồn, tôn tạo, khai thác và phát huy giá trị di tích, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng cơ sở du lịch, các dự án bảo tồn, tôn tạo, phục hồi các di tích lịch sử trong Khu di tích khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phối hợp với các ngành liên quan nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử của Khu di tích, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, cảnh quan Khu di tích.

Ban quản lý khu di tích tại thời điểm đó có 10 cán bộ công chức, viên chức và hợp đồng lao động thực hiện công tác công tác bảo vệ, quản lý, vệ

sinh và hướng dẫn du khách tham quan tại khu di tích. Do đó, công tác bảo vệ, quản lý và phát huy giá trị của khu di tích được thực hiện thường xuyên, liên tục. Hệ thống cơ sở vật chất và các di tích được bảo tồn tương đối nguyên vẹn, số lượng khách đến tham quan ngày càng tăng. Tuy nhiên, so với tiềm năng của di tích chưa thực sự xứng tầm. Do vậy, UBND tỉnh Cao Bằng đã quyết định thành lập BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng, trực thuộc Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, quản lý cả ba di tích quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bao gồm: Di tích Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, di tích Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên giới 1950, huyện Thạch An và Di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm trên địa bàn hai xã Tam Kim, Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Năm 2019, UBND huyện Nguyên Bình đã chính thức bàn giao chức năng quản lý Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo cho BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng giúp Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, tu bổ và phát huy giá trị các di tích theo thẩm quyền được giao và theo quy định của Nhà nước hiện hành. Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và tuyên truyền giáo dục, nói chuyện chuyên đề, triển lãm lưu động thông qua các tài liệu, hiện vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thời kỳ 1941 - 1945 và cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, truyền thống chiến đấu anh dũng của quân và dân ta giai đoạn 1944 - 1950.

Nhiệm vụ và quyền hạn

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng trực thuộc sở Văn hoá, thể thao và Du lịch;

BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng có chức năng, nhiệm vụ cụ thể như sau: Tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị các di tích nhằm giới thiệu, tuyên truyền các sự kiện liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thời kỳ 1941 - 1945 và cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, truyền thống chiến đấu anh dũng của quân và dân ta giai đoạn 1944 - 1950.

Tổ chức đón tiếp khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập, nghiên cứu, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn đến dâng hương, dâng hoa, báo công. Kết hợp hình thức tuyên truyền giáo dục như: triển lãm lưu động, tổ chức nói chuyện chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam; biên soạn tài liệu tuyên truyền.

Phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến phát triển du lịch trong khu di tích.

Xây dựng chương trình, kế hoạch toàn diện về các hoạt động của di tích, trình Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt và triển khai thực hiện.

Cụ thể hóa các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên có liên quan lĩnh vực được phân công phụ trách.

Phối hợp với chính quyền địa phương về công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

Tiếp nhận, quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả các hạng mục công trình thuộc khu di tích theo thẩm quyền được giao.

Tổ chức việc kiểm kê, bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích được giao; huy động các nguồn lực, xã hội hóa hoạt động bảo vệ, tôn tạo di tích theo quy định của Nhà nước và của tỉnh.

Phối hợp với các ngành chức năng lập dự án quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu, sưu tầm, tuyên truyền phát huy giá trị của các di tích được giao quản lý.

Quản lý sử dụng đất đai, tài sản, kinh phí theo phân cấp và quy định của Nhà nước.

Tổ chức kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra giữ gìn và phát huy giá trị di tích. Lập biên bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong khu vực được giao quản lý.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.

Tổ chức và nhân sự

Hiện nay biên chế của BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng được giao là 32 biên chế, tổng số có mặt tại thời điểm hiện tại là 31 viên chức (12 nam và 19 nữ). Ngoài ra, BQL còn hợp đồng với 12 lao động làm các công việc thu phí, vệ sinh, bảo vệ.... Độ tuổi trung bình của viên chức và người lao động của BQL từ 25 - 40 tuổi. Trình độ chuyên môn của viên chức: Thạc sĩ: (06); Đại học: (24); trung cấp: (01). Có được đội ngũ viên chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn như vậy là do BQL thường xuyên phối hợp với các cơ sở đào tạo chọn cử viên chức có đủ tiêu chuẩn điều kiện đăng ký đi học để chuẩn hoá trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý và hoạt động chuyên môn. Do vậy, Cán bộ viên chức thuộc BQL đa phần có trình độ chuyên môn cao từ Đại học, Thạc sĩ, trung cấp được đào tạo đúng chuyên ngành Quản lý di sản văn hoá và chuyên ngành gần với chuyên ngành văn hóa như Lịch sử, Sư phạm (Văn, Sử), Du lịch; bên cạnh đó còn có các chuyên ngành như Luật, Hành chính quản trị... Nhìn chung, cán bộ viên chức của BQL cơ bản đạt chuẩn về trình độ học vấn. Tuy nhiên, viên chức trực tiếp hướng dẫn tại di tích còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý và hoạt động chuyên môn, BQL cũng đang từng bước hoàn thiện về cơ cấu tổ chức, bộ máy biên chế để đáp ứng nhiệm vụ quản lý và phát huy giá trị của các di tích lịch sử do Ban đang trực tiếp quản lý. Bên cạnh đó, hiện nay Ban lãnh đạo của BQL chưa được kiện toàn, ban lãnh đạo hiện tại gồm 01 giám đốc và 02 phó giám đốc. Theo Đề án được phê duyệt, BQL di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng gồm 04 lãnh đạo, 1 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc. Đây cũng là một thách thức lớn đối với BQL. Với địa bàn hoạt động rộng, phạm vi các điểm di tích dàn trải tại ba huyện, công tác quản lý gặp không ít khó khăn. Việc tổ chức họp giao ban hàng tháng đánh giá công tác quản lý có nhiều bất cập. Viên chức của Ban phải luân chuyển công tác thường xuyên giữa ba di tích cũng ảnh hưởng đến tư tưởng và tâm lý của viên chức. Theo thông tin chia sẻ của Lãnh đạo Ban quản lý di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng:

BQL di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng hiện nay đang trực tiếp quản lý 3 di tích: Di tích Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng; Di tích Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên giới năm 1950, huyện Thạch An; Di tích Rừng Trần Hưng Đạo, xã Hoa Thám và Tam Kim, huyện Nguyên Bình. BQL gồm có 32 biên chế và 12 nhân viên hợp đồng. Ban lãnh đạo gồm có Giám đốc và hai phó Giám đốc. Cơ cấu tổ chức gồm 3 phòng: Phòng Bảo tồn di tích và Thông tin tư liệu, Phòng Quản lý di tích, Phòng Hành chính - Tổng hợp. Do BQL nằm trên địa bàn ba huyện, do đó BQL chia thành các tổ, bộ phận để dễ quản lý và phân công nhiệm vụ. Các tổ, bộ phận trực thuộc gồm: Tổ Quản lý Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tổ Thu phí và lệ phí tham quan; Tổ Quản lý kinh doanh dịch vụ; Tổ Bảo vệ; Tổ Bảo vệ môi trường và sinh thái; Tổ Hướng dẫn - thuyết minh; Tổ Quản lý di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo; Tổ Quản lý di tích Quốc gia đặc biệt Địa

điểm Chiến thắng Biên giới năm 1950 [PVS ông M, BQL các DTQGĐB tỉnh Cao Bằng].

Hiện nay BQL các di tích QGĐB trực tiếp quản lý ba di tích QGĐB của tỉnh, địa bàn quản lý rộng, ko tập trung. Với tình hình thực tế như vậy cũng có những thuận lợi, khó khăn nhất định. Lãnh đạo BQL các DTQGĐB tỉnh Cao Bằng chia sẻ:

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 450/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng trên cơ sở sáp nhập 03 di tích Quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh là Khu di tích QGĐB Pác Bó tỉnh Cao Bằng, Ban Quản lý khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950. Ba Khu di tích được phân bố trên 3 huyện khác nhau, địa bàn tương đối rộng, nên công tác quản lý của chúng tôi cũng có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Ban lãnh đạo có trình độ chuyên môn [PVS ông M, BQL các DTQGĐB tỉnh Cao Bằng].

Qua trao đổi với lãnh đạo BQL các di tích QGĐB, hiện nay BQL các di tích QGĐB tỉnh quản lý 3 di tích có quy mô lớn, địa bàn phân bố cách xa nhau, do vậy việc quản lý tương đối phức tạp. Trụ sở chính của BQL đặt tại di tích Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng. Do đó, lãnh đạo đơn vị phải thường xuyên phân công nhau đến từng di tích để kiểm tra công tác quản lý và đón tiếp khách của các tổ quản lý. Viên chức, người lao động trực thuộc ban cũng phải luân phiên đổi trực giữa các tổ để nắm vững nội dung của tất cả các di tích do Ban quản lý.

Tổ quản lý Di tích Rừng Trần Hưng Đạo trực thuộc BQL các di tích QGĐB gồm 09 viên chức, người lao động. Trong đó có 02 viên chức quản lý (01 phó phòng Quản lý di tích, phụ trách chung và 01 tổ trưởng Tổ quản

lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo); 03 hướng dẫn viên; 03 bảo vệ, 01 nhân viên phục vụ. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác quản lý và hoạt động chuyên môn tương đối khang trang; bao gồm 01 nhà tiếp đón khách, 01 phòng trưng bày chung của di tích, 01 phòng trưng bày tại Đồn Phai Khắt; 01 nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ (tất cả các hạng mục trên đều được đầu tư bằng nguồn ngân sách quốc phòng do Bộ Quốc phòng, Quân khu I đầu tư xây dựng). Bên cạnh đó, nhằm tăng cường khả năng sử dụng, khai thác và phát huy giá trị di tích, tại các điểm di tích đều đã được tu bổ, tôn tạo, phục dựng di tích gốc và xây dựng các công trình phụ trợ nhưng các hoạt động này luôn hạn chế đến mức tối đa việc ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích (Nguồn đầu tư của Bộ Quốc phòng). Với tổng số 09 viên chức, người lao động, tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo có nhiệm vụ quản lý khu rừng nguyên sinh với diện tích 201,7 ha. Đây cũng là một nhiệm vụ khó khăn, bởi diện tích quản lý rộng, nhân lực ít chưa đáp ứng được nhu cầu bảo vệ và quản lý. Các điểm di tích không tập trung, do vậy với số lượng 03 hướng dẫn viên như hiện tại là quá mỏng. Mỗi hướng dẫn viên phải trực tại một điểm di tích để đón tiếp và hướng dẫn khách tham quan. Tổ quản lý phân công cụ thể như sau: 01 hướng dẫn trực tại phòng trưng bày Đồn Phai Khắt; 01 hướng dẫn trực tại phòng trưng bày chung; 01 hướng dẫn trực tại nhà tiếp đón. Trình độ chuyên môn của các hướng dẫn viên đều từ Đại học trở lên, có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh nhưng kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp chưa thực sự đảm bảo. Khách đến di tích có nhiều đối tượng khác nhau, trong đó có khá nhiều khách Trung Quốc, Cựu chiến binh Pháp, trình độ ngoại ngữ của các hướng dẫn viên lại chưa đáp ứng để phục vụ nhu cầu khách tham quan. Bên cạnh đó, các Hướng dẫn viên lại không được đào tạo chuyên ngành hướng dẫn, do vậy cũng còn nhiều hạn chế trong kỹ năng giao tiếp, chưa thực sự chuyên nghiệp. Bộ phận bảo vệ và vệ sinh môi trường cũng chưa đáp ứng

được nhu cầu thực tế, do vậy vẫn dễ xảy ra những vụ việc không đảm bảo trong công tác bảo vệ rừng, công tác vệ sinh môi trường tại các điểm di tích nằm xa trung tâm.

Qua nghiên cứu thực tế và trao đổi với lãnh đạo BQL các di tích QGDB tỉnh Cao Bằng, tác giả nhận thấy trong giai đoạn hiện tại, BQL đang có những khó khăn và thuận lợi cụ thể như sau:

Thuận lợi:

Với giá trị đặc biệt và tầm quan trọng của di tích, Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư tôn tạo, tu bổ, phục dựng nhiều công trình di tích và xây dựng các công trình dịch vụ phụ trợ,... ngày càng xứng tầm với vị trí, ý nghĩa lịch sử và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân cả nước.

BQL thường xuyên được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị của di tích. Đặc biệt, có sự chỉ đạo trực tiếp toàn diện của Sở VH-TT-DL tỉnh Cao Bằng; Sự chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn của Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng lịch sử Quân sự Việt Nam đã và đang giúp đỡ, tạo điều kiện cho Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt thực hiện và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo tỉnh và cơ quan chuyên môn quản lý về văn hoá cùng với sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị chuyên môn theo ngành dọc, BQL đã phát huy tương đối tốt vai trò quản lý, phát huy giá trị khu di tích QGDB Rừng Trần Hưng Đạo.

Bên cạnh đó, cấp ủy, chính quyền địa phương nơi có di tích cũng thường xuyên quan tâm, phối hợp với Ban quản lý tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân cùng gìn giữ, bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Sự đồng thuận giữa cơ quan trực tiếp quản lý với chính quyền địa phương nơi có di tích đã tạo nên môi trường quản lý tốt, giúp cho việc quản lý di tích thuận lợi và hiệu quả cao hơn.

Ngoài ra, Ban quản lý còn có lực lượng CBCCVC và người lao động trẻ, nhiệt tình, yêu ngành yêu nghề sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Bên cạnh giá trị ý nghĩa về lịch sử, các di tích Quốc gia đặc biệt thuộc Ban quản lý còn được thiên nhiên ưu đãi cho phong cảnh đẹp, sơn thủy hữu tình, hệ sinh thái đa dạng, đang được đầu tư phát triển làm phong phú về sản phẩm du lịch phục vụ khách tham quan như du lịch về nguồn, du lịch sinh thái, du lịch tâm linh,thu hút được đông đảo du khách đến tham quan.

Khó khăn:

Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh được sáp nhập và đi vào hoạt động được gần 4 năm, tuy nhiên, do điều kiện vị trí địa lý của các di tích thuộc Ban không tập trung, phạm vi quản lý các di tích với diện tích tương đối lớn, chức năng chuyên môn của các di tích gắn với những giai đoạn lịch sử khác nhau nên trong công tác quản lý di tích cũng gặp những khó khăn nhất định, như:

BQL phải thường xuyên tổ chức cho cán bộ thuyết minh tuyên truyền học tập chuyên môn tại trụ sở chính (tại Pác Bó, Hà Quảng). Vị trí địa lý giữa các di tích tương đối xa, nên phải đảm bảo bố trí chỗ ăn nghỉ, làm việc cho cán bộ tại các di tích. Đây là khó khăn mà BQL phải thường xuyên đối diện. Những khó khăn này cũng là những nguyên nhân dẫn đến nhiều hạn chế, bất cập trong việc quản lý điều hành hoạt động của BQL.

Do trụ sở chính của BQL xa các điểm di tích nên công tác chỉ đạo, giám sát vệ sinh môi trường, cảnh quan, tu sửa đôi khi chưa kịp thời. Các tổ quản lý tại di tích chưa thực sự chủ động trong việc xử lý các vấn đề phát sinh trong qu trình thực thi nhiệm vụ.

Với nhiệm vụ quản lý ba di tích QGĐB ở ba địa phương cách xa nhau, biên chế được giao chưa đáp ứng được nhu cầu vị trí việc làm. Do vậy,

trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, nhiều vị trí phải kiêm nhiệm dẫn đến chất lượng công việc đạt được chưa cao. Trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc của một số vị trí công tác chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đặc biệt, những năm gần đây, lượng khách đến tham quan, nghiên cứu học tập tại các di tích Quốc gia đặc biệt ngày một tăng, cùng với sự phát triển về du lịch kéo theo đó là những vấn đề phát sinh liên quan đến du lịch như ý thức về du lịch có trách nhiệm, văn hóa du lịch, dịch vụ du lịch... tác động nhất định đến văn hóa bản địa, sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh đó, do điều kiện ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên chưa đầu tư thỏa đáng cho công tác tu bổ, tôn tạo di tích, chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí của Bộ Quốc phòng và Quân khu I.

2.1.4. Cộng đồng dân cư và các tổ chức khác

Di tích Rừng Trần Hưng Đạo do Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng quản lý trực tiếp dưới sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng. Để quản lý và bảo vệ phát huy giá trị di tích bền vững, sự phân công trách nhiệm rõ ràng giữa các cấp chính quyền từ tỉnh, địa phương và sự tham gia, hưởng ứng của doanh nghiệp, đông đảo người dân và du khách thập phương đã góp phần làm nên thành công của bảo vệ và phát huy giá trị di tích, và tạo nên sức sống, sự lan tỏa giá trị của di tích. Di tích là tài sản chung không phải tài sản của riêng ai. Do đó, tinh thần cộng đồng trách nhiệm trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích là vấn đề quan trọng. Vì vậy, Ban quản lý luôn khai thác tính tích cực, chủ động, tự giác của người dân, của cả cộng đồng dân cư về việc quản lý và bảo vệ di tích. Cộng đồng dân cư tại địa bàn có di tích luôn phát huy vai trò là chủ thể phối hợp quản lý, có trách nhiệm bảo tồn giá trị của di tích và các yếu tố văn hóa của cộng đồng các dân tộc tại địa phương. Tuy nhiên, di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm trên địa bàn hai xã Tam Kim

và Hoa Thám, dân cư chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số như: Tày, Nùng, Dao. Trình độ dân trí còn thấp so với mặt bằng trên địa bàn tỉnh. Do vậy, cũng có những hạn chế nhất định trong việc cộng đồng trách nhiệm bảo tồn giá trị của di tích và các yếu tố văn hóa của cộng đồng các dân tộc tại địa phương.

Khi trao đổi với viên chức của tổ quản lý trực tiếp quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo chia sẻ:

"Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm trong khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là đồng bào Dao, trình độ dân trí chưa cao, do đó công tác tuyên truyền vận động đồng bào trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại địa phương còn nhiều hạn chế. Vẫn còn tình trạng một số ít đồng bào do thiếu hiểu biết vi phạm các quy định bảo vệ môi trường di tích. Bên cạnh đó, đa số đồng bào chưa nhận thức rõ về trách nhiệm, chưa thấy được lợi ích của cộng đồng khi tham gia bảo vệ, phát huy giá trị di tích [PVS ông D. tổ quản lý di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo].

Các tổ chức khác

Căn cứ vào Quy định phân cấp quản lý di tích của tỉnh Cao Bằng, theo cấp độ di tích, di tích Rừng Trần Hưng Đạo là di tích quốc gia đặc biệt. Theo đó, di tích Rừng Trần Hưng Đạo không thuộc sự quản lý của UBND huyện Nguyên Bình. Tuy nhiên, đối với các di tích trên địa bàn huyện, UBND huyện Nguyên Bình có trách nhiệm chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng quản lý và bảo vệ di tích, phối hợp xử lý kịp thời các hành vi xâm hại di tích. Đồng thời phối hợp huy động các nguồn kinh phí để trùng tu, tôn tạo di tích. Bên cạnh đó, còn một số cơ quan, tổ chức liên quan đến di tích như Bộ Quốc phòng, Quân khu I luôn tạo điều kiện hỗ trợ đầu tư các nguồn kinh phí để bảo tồn và phát huy giá trị tích hiệu quả. Bên cạnh những thuận lợi, cũng có những vấn đề bất cập phát sinh như sự chông chéo về việc đầu tư kinh phí cho việc trùng tu,

tôn tạo, phát huy giá trị của di tích. Hoặc đầu tư không đồng bộ với quy hoạch đã được tỉnh phê duyệt. Do nguồn kinh phí được đầu tư từ Bộ Quốc Phòng hoặc Quân khu I, dẫn đến việc BQL không chủ động được trong việc trùng tu, tôn tạo các hạng mục, bị phụ thuộc đơn vị đầu tư kinh phí.

2.1.5. Cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý

Để quản lý có hiệu quả các di tích lịch sử văn hóa và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn, tỉnh Cao Bằng đã ban hành quy chế phân cấp quản lý DTLSVH và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh và Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Trong hai văn bản này đã quy định rất rõ về nghĩa vụ, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân. Đối với di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo hiện nay, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý được thực hiện trên cơ sở quy định về chức năng nhiệm vụ của từng tổ chức quản lý. BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Do vậy, BQL chịu sự quản lý về công tác tổ chức cán bộ, sự chỉ đạo định hướng về kế hoạch dài hạn, ngắn hạn của Sở VH-TT-DL. Đồng thời có trách nhiệm báo cáo toàn diện hoạt động của BQL với Sở VH-TT-DL. Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo nằm trên địa bàn xã 02 xã: Tam Kim và Hoa Thám huyện Nguyên Bình. Tuy BQL không chịu sự quản lý về Cơ cấu tổ chức nhưng tất cả các hoạt động của BQL đều ảnh hưởng tới các hoạt động tại địa phương. Do vậy, giữa BQL và chính quyền địa phương luôn có sự trao đổi, phối hợp chặt chẽ trong quá trình hoạt động. BQL tham gia hầu hết các hoạt động văn hóa xã hội, sự kiện chính trị tại địa phương. Chính quyền địa phương luôn quan tâm và tạo điều kiện để BQL hoạt động hiệu quả. Cộng đồng dân cư tại địa phương cũng có ý thức phối hợp tốt với BQL cũng như chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. BQL luôn chủ trương khuyến khích, tạo điều

kiện cho các hộ gia đình trong khu vực di tích tham gia các hoạt động tổ chức dịch vụ phục vụ khách tham quan, nhằm góp phần nâng cao đời sống kinh tế của nhân dân địa phương. Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng, quân khu I, Ban chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Nguyên Bình thường xuyên trao đổi với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung, BQL các di tích QGĐB nói riêng về các nội dung liên quan đến công tác quản lý và phát huy giá trị của di tích. Tăng cường đầu tư kinh phí hỗ trợ BQL trong việc trùng tu, tôn tạo các hạng mục trong di tích.

Nhìn chung, các chủ thể quản lý di tích đã phối hợp tương đối tốt trong việc quản lý di tích. Tuy nhiên hiện tại chưa xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể, các chủ thể quản lý hiện nay phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của di tích.

2.2. Cơ sở vật chất và tài chính của di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo

2.2.1. Cơ sở vật chất

Hiện nay di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo quản lý quản lý 201,7 ha rừng nằm trên địa bàn 2 xã Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Hệ thống trưng bày gồm hai điểm trưng bày là nhà Trưng bày trung tâm với trên 300m² và phòng trưng bày tại Đồn Phai Khắt. Nhà trưng bày trung tâm được Quân khu I đầu tư xây dựng năm 2014. Kiến trúc nhà trưng bày trung tâm được mô phỏng theo hình dáng nhà sàn tại địa phương bằng bê tông giả gỗ kiên cố. Ngoài phần trưng bày còn có các phòng làm việc của cán bộ, viên chức tổ quản lý di tích. tầng 1 được trưng dụng làm trung tâm thông tin của Công viên địa chất Non nước Cao Bằng. Phòng trưng bày tại Đồn Phai Khắt được sử dụng chính ngôi nhà cổ trước đây là đồn Phai Khắt để trưng bày các hiện vật liên quan đến Đội Việt Nam TTGPQ và trận đánh đầu tiên đánh Đồn Phai Khắt. Ngoài ra, cơ sở vật chất của khu di tích còn có nhà tiếp đón khách được xây dựng với hai công năng, tầng âm dành cho nhân viên bảo vệ, tầng trên là nơi thu phí, đón tiếp khách. Các thiết bị

phục vụ công tác chuyên môn như máy tính, máy in, máy foto, máy chiếu, máy quay phim, chụp ảnh, micro không dây phục vụ công tác thuyết minh, tủ lưu trữ bảo quản tài liệu, hiện vật... số lượng rất hạn hẹp và đã được trang bị từ lâu nên chất lượng cũng hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng công việc của cán bộ, viên chức. Đồng thời trong khu di tích còn quản lý một số công trình như Đền thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ trong Đội VNTTGPQ. Đền thờ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ được xây dựng ngay vị trí trung tâm với thiết kế hiện đại, trang trọng. Bên trong Đền thờ có tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Vị trí trung tâm trang trọng nhất là bức phù điêu 34 chiến sĩ trong buổi lễ thành lập. Đây là công trình mỹ thuật hoành tráng, có giá trị như một tượng đài lưu niệm, biểu tượng cao quý, thiêng liêng về sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.

Các điểm di tích khác trong di tích như Đình Slam Cao đã được xây dựng đường lên với bậc bê tông, trên đỉnh có chòi quan sát. Khu lán trại được phục dựng với hai dãy nhà bằng bê tông giả gỗ. Mỏ nước sinh hoạt của Đội khi mới thành lập, địa điểm thành lập Đội, Hang Thảm Khẩu, Đồn Phai Khát, Đồn Nà Ngần, Vạ Phá đều đã được trùng tu, tôn tạo để mở cửa đón khách tham quan.

2.2.2. Tài chính

Di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo thuộc BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng, do đó, tài chính của di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm trong tổng thể ngân sách được cấp của BQL di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng. Kinh phí chủ yếu là lương, phụ cấp của các viên chức, tổng kinh phí năm 2021 được cấp: 496.000.000đ; năm 2022: 500.000.000đ; năm 2023: 510.000.000đ. Hiện nay, di tích Rừng Trần Hưng Đạo thực hiện thu phí tham quan nhưng số lượng khách tham quan đến với di tích chưa nhiều. Mỗi năm trung bình di tích Rừng Trần Hưng Đạo chỉ có tổng thu trên dưới 20 triệu đồng, được trích lại

90%, nộp ngân sách nhà nước 10%. Số kinh phí được trích lại từ lệ phí tham quan chủ yếu chi trả cho các đối tượng hợp đồng thỏa thuận thực hiện các công việc vệ sinh, bảo vệ và tu sửa nhỏ tại di tích. Với nguồn tài chính hạn hẹp, tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo cũng gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý bảo vệ phát huy giá trị di tích. Hầu hết đều trông chờ vào kinh phí của BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng và các nguồn kinh phí hỗ trợ của các tổ chức cá nhân. Từ điều kiện khó khăn về tài chính, tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo cũng khó chủ động trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động diễn ra tại di tích.

2.3. Hoạt động quản lý

2.3.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích

- Ban hành văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích

Trong những năm vừa qua, trong quá trình quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích Rừng Trần Hưng Đạo, Tỉnh Cao Bằng, Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch, UBND huyện Nguyên Bình; BQL các DTQGĐB tỉnh Cao Bằng đã ban hành một số văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích như: Quyết định số 2795/QĐ- UBND ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phân cấp quản lý DTLS và DLTC; Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 18/01/2010 về việc thành lập các tổ chức quản lý di tích đã được xếp hạng và giao cho UBND các xã, thị trấn có di tích lịch sử thành lập tổ quản lý di tích; Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng; Các văn bản xin chủ trương đầu tư các xã ATK trong đó có xã Tam Kim và Di tích Rừng Trần Hưng Đạo; Kế hoạch bảo vệ và phát huy giá trị di tích Rừng Trần Hưng Đạo hàng năm...

- Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý liên quan trực tiếp đến di tích

Triển khai thực hiện Quyết định số 2795/QĐ- UBND ngày 08/12/2008 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phân cấp quản lý DTLS và

DLTC; Nhận thức tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình đã ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND, ngày 18/01/2010 về việc thành lập các tổ chức quản lý di tích đã được xếp hạng và giao cho UBND các xã, thị trấn có di tích lịch sử thành lập tổ quản lý di tích. Đây là những cơ sở quan trọng để huyện thực hiện tốt việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử.

Qua gần 10 năm hoạt động, công tác quản lý các di tích đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, góp phần tích cực trong hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị các di tích. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, công tác quản lý di tích không tránh khỏi những vướng mắc. Hầu hết các Ban quản lý/tổ quản lý vẫn còn lúng túng, chất lượng hiệu quả chưa cao. Các Ban quản lý/tổ quản lý chỉ dừng lại ở công tác tiếp nhận hồ sơ và hiện trạng di tích. Việc phát huy giá trị các di tích còn hạn chế, do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý di tích còn yếu chưa đáp ứng được yêu cầu công tác; Một số điểm di tích nằm xa khu dân cư, giao thông không thuận tiện, khó phát huy tác dụng của di tích. Mặc dù di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng, các di tích khác nói chung được đầu tư tôn tạo nhưng chưa phát huy được giá trị của di tích vẫn chỉ tồn tại như một chứng tích lịch sử, chưa gắn kết với việc phát triển du lịch. Việc xâm hại di tích hầu như không xảy ra nhưng có những trường hợp do ý thức của người dân chưa cao hoặc thiếu hiểu biết về các quy định trong quản lý di tích, chính quyền địa phương chưa thực sự kiên quyết trong các hoạt động bảo vệ di tích nên vẫn xảy ra một vài vụ việc người dân tự ý chặt cây trong các di tích. Các di tích chưa phát huy được giá trị, chưa thu hút du khách đến tham quan, chưa mang lại hiệu quả kinh tế cho địa phương.

Về vấn đề này Lãnh đạo Sở VHTT&DL cho biết:

Việc triển khai phân cấp quản lý nhằm giao quyền chủ động và nâng cao hiệu quả cho các địa phương trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Tiếp thu các nội dung trong quy định để tuyên truyền sâu rộng trên địa bàn do địa phương quản lý. Tuy nhiên, khi phân cấp sẽ có nhiều vấn đề được đặt ra, nhất là vấn đề trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên môn ở cơ sở. Do vậy, trong những năm qua, Sở đã chủ động tăng cường công tác đào tạo, tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác văn hoá nói chung, di tích LSVH nói riêng ở các huyện, thành phố, các xã phường, thị trấn nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH nói chung và DTLSVH. Trong thời gian tới, Sở sẽ tiếp tục phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị DSVH. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về di sản văn hoá trong cộng đồng dân cư để nhân dân hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình, chủ động, tự giác tham gia vào các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị các di tích trên địa bàn [PVS bà T. Sở VH TT & DL Cao Bằng].

Năm 2019, thực hiện Nghị Quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 BCH Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, ngày 22/4/2019, UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng (gồm 03 di tích: Khu di tích Pác Bó, Di tích Rừng Trần Hưng Đạo và Di tích Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng).

Ban Quản lý các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng ra đời làm thay đổi diện mạo của công tác quản lý di tích. Bên cạnh việc quản lý, BQL các di tích QGĐB đã đặt ra mục tiêu tăng cường tuyên truyền, quảng bá du lịch; thúc đẩy chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phát triển du lịch...đồng thời, bổ sung và làm mới các sản phẩm dịch vụ du lịch hiện có, tăng cường công tác vệ sinh môi trường, chỉnh trang khuôn viên. Phối hợp với các lực lượng công an, biên phòng đảm bảo an ninh biên giới, nâng cao chất lượng sản phẩm để thu hút khách du lịch. Số lượng khách đến tham quan tại các di tích tăng lên đáng kể. Năm 2019, cả 3 khu DTQGĐB của tỉnh đón 264.000 lượt khách đến tham quan, trong đó có 2.833 lượt khách quốc tế, tăng 57% so với năm 2018. Mười tháng đầu năm 2020, Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt đón tiếp 1.215 đoàn với 152.612 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan, nghiên cứu, học tập. Trong đó, Khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo, xã Tam Kim (Nguyên Bình) đón 59 đoàn với 2.720 lượt khách. Tuy nhiên, từ mục tiêu đặt ra đến việc triển khai thực hiện trên thực tế cũng còn nhiều bất cập, hạn chế.

Hàng năm, Sở VH TT & DL chỉ đạo BQL các di tích QGĐB xây dựng các chương trình, kế hoạch, bao gồm cả ngắn hạn và dài hạn về các hoạt động liên quan đến quản lý di tích như: Chương trình công tác năm, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể cần triển khai, nêu rõ các nội dung thực hiện theo từng tháng, quý. BQL các di tích QGĐB xây dựng kế hoạch tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị của 03 di tích do Ban quản lý; xây dựng kế hoạch đón tiếp khách tham quan, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường thường xuyên và vào những dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị của tỉnh, của Trung ương như Kỷ niệm ngày giải phóng miền Nam (30/4), kỷ niệm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), kỷ niệm Quốc khánh (02/9); kỷ niệm ngày thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh,...

2.3.2. Bảo tồn di tích

- Hoạt động bảo tồn, tôn tạo

Cao Bằng là tỉnh có nhiều di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh, trong đó có 03 di tích quốc gia đặc biệt. Trong những qua, tỉnh cũng đã quan tâm đến việc phát huy giá trị di tích các khu di tích QGĐB. Thực hiện một số dự án đầu tư, bảo tồn, tôn tạo gắn với các hoạt động tổ chức sự kiện văn hóa, lễ hội, xúc tiến quảng bá đã tạo ra được sản phẩm du lịch mới với dấu ấn sâu đậm, sức lan tỏa rộng, góp phần phát triển du lịch gắn với di tích QGĐB. Qua phỏng vấn sâu và trao đổi với Lãnh đạo Ban Quản lý các DTQGĐB tỉnh, các thông tin về hoạt động của BQL, khu di tích được đánh giá như sau:

Cao Bằng có 3 khu DTQGĐB, việc bảo tồn và phát huy các giá trị DTQGĐB trong những năm qua đạt nhiều kết quả tốt. Năm 2019, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý di tích đã triển khai đồng bộ công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo, tuyên truyền phát huy các giá trị DTQGĐB gắn với phát triển du lịch. Các khu DTQGĐB được đầu tư trang bị cơ sở vật chất, nhân lực, tạo cảnh quan mới, bố trí điều kiện thiết bị phục vụ công tác đón tiếp khách trang trọng, phù hợp với xu hướng phát triển du lịch hiện nay. Đến các khu DTQGĐB, khách du lịch bước vào không gian mới vừa hiện đại, vừa nổi bật văn hóa, lịch sử truyền thống và cũng có nét riêng biệt [PVS bà B, BQL các DTQGĐB tỉnh Cao Bằng].

BQL di tích Quốc gia đặc biệt thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch đề xuất các hạng mục di tích đã bị xuống cấp cần được tu bổ, sửa chữa, đảm bảo an toàn mỹ quan, cảnh quan phục vụ khách tham quan.

Các điểm di tích quan trọng trong khu di tích rừng Trần Hưng Đạo luôn được ưu tiên tu bổ, phục hồi.

Năm 2019, Ban quản lý di tích đã tiến hành thi công các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới tại di tích như: Nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà trưng bày tại khu di tích; cải tạo nâng cấp khu lán trại 34 chiến sĩ; cải tạo nâng cấp đền Phai Khắt; nhà chờ tại khu dâng hương Đại tướng Võ Nguyên Giáp; cải tạo lại bức phù điêu. Xây mới các hạng mục: Đường đi bộ lên chòi quan sát trên đỉnh Slam Cao; nâng cấp làm mới hệ thống cấp nước đảm bảo hoạt động cho khu di tích. Các hạng mục khác như: Bảo tàng 3D nhà trưng bày; bổ sung hiện vật tại nhà trưng bày, nhà tưởng niệm...cắm biển di tích gắn với Công viên địa chất Toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng; Đề tạo điểm nhấn và gây ấn tượng cho khách tham quan, đường từ điểm đầu vào Khu di tích đến khuôn viên Nhà trưng bày và Nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp được trồng rất nhiều hàng hoa, trồng giỏ, bồn hoa treo với nhiều mô hình, tiểu cảnh màu sắc rực rỡ bốn mùa xen lẫn hàng cây xanh tạo nên cảnh vừa tươi sắc, thơ mộng giữa núi non hùng vĩ của rừng Trần Hưng Đạo.

Ngày 21/11/2022, Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 4105/QĐ-BQP phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án công trình phổ thông mở mới năm 2022 của Quân khu I. Trong đó có dự án: Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo, tỉnh Cao Bằng, các thông tin cụ thể của dự án như sau:

Chủ đầu tư: Bộ Tư lệnh Quân khu 1

Mục tiêu đầu tư: Nhằm bảo tồn tôn tạo, phục dựng các điểm di tích, bổ sung các không gian chức năng làm tăng giá trị lịch sử, khai thác và phát huy giá trị khu di tích.

Quy mô đầu tư:

- Nâng cấp, cải tạo bức phù điêu tại sân trung tâm , cải tạo khuôn viên xung quanh
- Cải tạo, nâng cấp nhà bia 34 chiến sĩ; cải tạo cảnh quan xung quanh và đường vào nhà bia, đường lên đỉnh Slam Cao

- Đồn Nà Ngần: Phục dựng nhà sàn 03 gian trung bày hiện vật, cải tạo khuôn viên, sân tường rào; phục dựng chòi gác bằng bê tông giả tre; xây dựng sân, bãi đỗ xe, kè đá, nhà vệ sinh; Hỗ trợ chính quyền địa phương đền bù giải phóng mặt bằng, diện tích khoảng 1.300m²

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách quốc phòng.

Tổng mức đầu tư: 16 tỷ đồng.

Thời gian thực hiện: Năm 2022.

Hiệu quả những bước đổi mới về đầu tư, quản lý các khu DTQGĐB là cơ sở để Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục kêu gọi đầu tư các khu di tích QGĐB, không ngừng nâng cao chất lượng quản lý kinh doanh dịch vụ, làm tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa địa phương gắn với phát triển du lịch. Góp phần tích cực thực hiện Chương trình số 10-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đưa du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế; đưa Cao Bằng trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của khu vực phía Bắc và cả nước.

- Hoạt động sưu tầm, trưng bày:

BQL thường xuyên rà soát, bổ sung, chỉnh sửa các nội dung trưng bày tại nhà Trưng bày các khu di tích thuộc BQL. Tại di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo hiện nay có hai phần trưng bày. Một phòng trưng bày chung và 01 phòng trưng bày tại Đồn Phai Khắt. Nội dung trưng bày tại phòng trưng bày chung gồm 4 chủ đề:

- Chủ đề 1: Cao Bằng - Cái nôi của quê hương cách mạng

- Chủ đề 2: Quá trình hình thành và sự ra đời của đội VNTTGPK

- Chủ đề 3: Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo

- Chủ đề 4: Đại tướng Võ Nguyên Giáp với đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng.

Tại gian khánh tiết - vị trí trung tâm trang trọng nhất của nhà trưng bày, phía trước, là bức tượng khắc hoạ hình ảnh Chủ tịch HCM đang làm việc bên bộ bàn ghế đá ở đầu nguồn suối Lê Nin (Pác Bó) trong những ngày đầu về nước; Phía sau, là bức phù điêu tái hiện hình ảnh Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ đội VNTTGPQ được thành lập tại khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình. Các hình ảnh bật lên ý tưởng khẳng định, sau 30 năm bôn ba hải ngoại, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chọn Pác Bó (Cao Bằng) để trở về xây dựng và phát triển phong trào cách mạng. Tại Pác Bó, Người đã lãnh đạo phong trào cách mạng phát triển lớn mạnh khắp các địa phương trong tỉnh; có những sáng lập quan trọng quyết định tới vận mệnh của dân tộc, một trong những sự kiện đó là thành lập Đội VNTTGPQ. Đội ra đời đã viết tiếp trang sử hào hùng, oanh liệt của dân tộc Việt Nam.

Công trình nhằm tôn vinh, tri ân thế hệ đi trước, đồng thời góp phần bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích. Các hiện vật được trưng bày tập trung, chú thích, hướng dẫn đầy đủ, đảm bảo tính khoa học và giá trị lịch sử chân thực.

Trong phòng trưng bày tại đồn Phai Khắt, khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo hiện nay đang trưng bày 86 hiện vật liên quan đến sự kiện ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, trong đó có một số hiện vật gốc. BQL thường xuyên thực hiện việc kiểm kê, bảo quản tài liệu hiện vật đang trưng bày và lưu trữ tại kho cơ sở. Các hiện vật thường xuyên được chăm sóc, bảo quản theo quy định. Hàng năm phòng Bảo tồn và Thông tin tư liệu rà soát, kiểm kê các hiện vật, bổ sung tư liệu vào hồ sơ di tích. Mỗi hiện vật đều có hồ sơ và phiếu ghi chép thông tin. Bên cạnh đó, các hiện vật đều được đánh số theo nguyên tắc của các bảo tàng bao gồm tên của đơn vị quản lý hiện vật, số kiểm kê, số phân loại. Đối với các hiện vật giấy có nguy cơ xuống cấp, BQL xây dựng kế hoạch bảo quản và phục

ché như: Bức ảnh Lễ xuất quân của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tháng 12/1944, Chi thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do Hồ Chí Minh biên soạn, tháng 12/1944. Tuy nhiên, hiện vật trưng bày tại khu di tích với chất liệu khác nhau, có nhiều hiện vật bằng giấy, vải, không được bảo quản theo chế độ chuẩn, lại phải đối mặt với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm nên bị hủy hoại và xuống cấp nhanh chóng. Nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ công tác bảo tồn vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi thực tế của khu di tích. Chưa thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định.

2.3.3. Nghiên cứu và kế thừa kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tuyên truyền, quảng bá phát huy giá trị di tích

Để công tác quản lý và phát huy giá trị các di tích QGĐB, BQL thường xuyên đẩy mạnh công tác nghiên cứu và tiếp quản, kế thừa các kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến các nội dung, hoạt động của di tích nhằm tuyên truyền, quảng bá phát huy giá trị di tích.

Đảng và Nhà nước ta nói chung, tỉnh Cao Bằng nói riêng đều đặc biệt quan tâm đến công tác văn hóa, trong đó có việc bảo tồn và phát huy giá trị DSVH; vì vậy đã ban hành và cụ thể hóa nhiều chủ trương, chính sách thông qua các bộ Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện. Để các văn bản này được thực hiện hoá, thấm sâu vào cuộc sống của người dân, được người dân tích cực đón nhận. Các Bộ, Ban, ngành chủ động thực hiện, công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi chỉ có tuyên truyền, giáo dục đến người dân thì cộng đồng mới hiểu rõ được vai trò, vị trí của DSVH trong đời sống xã hội từ đó thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích của mình trong việc bảo tồn phát huy các DSVH.

Công tác tuyên truyền, phổ biến có vai trò rất quan trọng trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích, thông qua đó các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thấy được giá trị lịch sử văn hóa, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mình trong việc bảo tồn, gìn giữ di tích. Ý thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác này. Sở VH TT & DL tỉnh Cao Bằng thực hiện đầy đủ công tác chuyên môn của mình trong lĩnh vực quản lý di tích. Hằng năm ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc sở để quản lý, tổ chức hướng dẫn công tác quản lý di tích và tổ chức lễ hội. UBND huyện Nguyên Bình chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài truyền thanh, Trung tâm Văn hóa truyền thông, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện định kỳ, thường xuyên tổ chức tuyên truyền, quán triệt pháp luật về bảo vệ DSVH đến các đoàn thể, xã hội và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức của họ về giá trị của di tích.

BQL các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng luôn chú trọng công tác truyền thông và quảng bá giá trị của các Khu di tích Quốc gia đặc biệt, thông qua nhiều hình thức: Đẩy mạnh công tác quảng bá trên trang thông tin điện tử pacbo.vn và trên các Fanpage của đơn vị; Nâng cao hiệu quả của công tác giới thiệu thuyết minh tại ba khu di tích nói chung, di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng; Xây dựng các bộ triển lãm chuyên đề trưng bày phục vụ các sự kiện lớn, các lễ hội trong và ngoài tỉnh; Xây dựng các video clip, sưu tầm các bài viết về văn hóa, lịch sử gắn với các Khu di tích đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức các buổi ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề, hội thảo khoa học tại các khu di tích quốc gia đặc biệt.

Đồng thời, BQL thường xuyên trao đổi chuyên môn nghiệp vụ với các bảo tàng liên quan như Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam, Bảo tàng lịch sử quốc gia nhằm nâng cao công tác tuyên truyền và phát huy giá trị của di tích. Năm 2018, BQL phối hợp với Bảo

tàng lịch sử quốc gia tổ chức thí điểm mô hình "Câu lạc bộ em yêu lịch sử", BQL đã phát huy tốt mô hình này tại một số trường học trên địa bàn tỉnh, thu hút sự quan tâm của học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh. Từ nhiều năm nay, BQL thường xuyên phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức nhiều đợt triển lãm lưu động tuyên truyền với nhiều chủ đề phong phú như: Cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh; Đại tướng Võ nguyên Giáp với đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân...Phối hợp với Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam triển khai trưng bày bảo tàng 3D tại Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo...

Công tác tuyên truyền, quảng bá về các khu di tích QGĐB nói chung, di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng thường xuyên được đổi mới, đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú đến du khách trong và ngoài nước. BQL các di tích QGĐB tỉnh đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác thuyết minh, hướng dẫn về kỹ năng giao tiếp, nghiên cứu tư liệu, kỹ năng xử lý tình huống, đón tiếp lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến dâng hương, tham quan...Đặc biệt, đối với đội ngũ hướng dẫn viên, BQL hàng năm tổ chức sát hạch về chuyên môn thông qua hình thức tổ chức các cuộc thi Hướng dẫn viên trong nội bộ BQL.

Tuy nhiên, bên cạnh những nội dung trên, các nội dung nghiên cứu khoa học đối với ba khu di tích QGĐB chưa đồng đều. BQL chỉ chủ yếu tập trung vào Di tích Pác Bó. Chưa có các đề tài nghiên cứu khoa học giành riêng cho di tích Rừng Trần Hưng Đạo.

Về vấn đề này, cán bộ phụ trách quản lý trực tiếp tại di tích Quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo cho biết:

Hàng năm BQL các di tích quốc gia đặc biệt vẫn thường xuyên phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh;các bảo tàng, di tích nằm trong hệ thống Bảo tàng Hồ Chí Minh;Bảo tàng lịch sử quốc gia tổ chức các cuộc Hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học về công

tác chuyên môn như "Hội thảo khoa học kỷ niệm 77 năm ngày Bác Hồ về nước" năm 2018; Toạ đàm "Di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng" năm 2020... Tuy nhiên, BQL cũng chưa tổ chức cuộc hội thảo khoa học nào tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo, hoặc có một nội dung toạ đàm riêng về di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo. Bên cạnh đó, cũng chưa tổ chức được các lớp tập huấn về bảo tồn, phát huy giá trị của di tích, công tác bảo quản hiện vật cho các viên chức người lao động làm việc trực tiếp tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Đây cũng là một tác nhân dẫn đến hạn chế của công tác nghiên cứu tại di tích; Công tác tuyên truyền, quảng bá về di tích được lãnh đạo BQL rất quan tâm, được triển khai dưới nhiều hình thức như: Triển lãm ảnh, đăng bài trên trang Thông tin điện tử của BQL, trang fanpage Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo, tổ chức nói chuyện chuyên đề tại các trường học... BQL di tích cũng có mong muốn trong thời gian tới lãnh đạo BQL sẽ quan tâm nhiều hơn đến công tác nghiên cứu, tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học để bổ sung tư liệu cho di tích, đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, quảng bá để tạo điều kiện phát huy tốt hơn giá trị lịch sử của di tích [PVS bà B, tổ QLDT QGĐB rừng Trần Hưng Đạo].

2.3.4. Phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích rừng Trần Hưng Đạo

Trong công tác quản lý, bảo tồn các giá trị di sản văn hoá nói chung, di tích nói riêng, cộng đồng đóng vai trò hết sức quan trọng. Có thể nói DSVH được bảo vệ bằng tình yêu, lòng tự hào, trách nhiệm không chỉ của ngành, đơn vị chức năng, chính quyền địa phương và mà còn của cả cộng đồng thì mới bền vững.

Di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm trên địa bàn hai xã Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyên Bình. Tuy nhiên các điểm di tích chủ yếu nằm

trên địa bàn xã Tam Kim. Năm 2000, Xã Tam Kim được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu xã Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp theo Quyết định số 160KT/CTN ngày 28/4/2000 của Chủ tịch nước và năm 2014, Thủ tướng Chính phủ công nhận là xã An toàn khu theo Quyết định số 988/QĐ-Tg ngày 18/6/2014. Có thể nói, đây là địa phương có truyền thống cách mạng, có nhiều công lao đóng góp, tham gia hoạt động, bảo vệ, nuôi giấu các đồng chí cán bộ cách mạng cốt cán của Trung ương, tỉnh và Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân. Cả hai xã đều được Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu; Thực hiện các chính sách ưu tiên thích hợp nhằm từng bước ổn định và nâng cao đời sống vật chất, văn hoá - xã hội của đồng bào các dân tộc hai xã vùng cao trong khu di tích.

Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo nằm xen kẽ với khu dân cư tại địa phương. Ban quản lý thường xuyên vận động, tuyên truyền nhân dân về ý thức bảo vệ phát huy giá trị của di tích. Phát huy vai trò của người cao tuổi, người có uy tín trong cộng đồng dân cư trong việc truyền truyền bảo vệ môi trường cảnh quan di tích, phát huy truyền thống quê hương cách mạng bảo đảm giữ gìn an ninh trật tự tại di tích. Trong đó, BQL di tích tập trung hai biện pháp cơ bản, không thể thiếu và có tính quyết định là giáo dục, tuyên truyền về di tích và chia sẻ lợi ích từ di tích để không chỉ hạn chế, loại bỏ sự tác động bất lợi của cộng đồng mà còn làm cho cộng đồng tích cực bảo vệ, gìn giữ di tích.

Công tác tuyên truyền về giá trị di tích những năm qua được địa phương phối hợp với BQL thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả. Nhiều hình thức tuyên truyền sâu rộng các văn bản pháp luật như Luật Di sản văn hóa Việt Nam năm 2001 và sửa đổi bổ sung năm 2009 và các văn bản liên quan qua các hoạt động ngoại khoá hoặc các sự kiện chính trị tại địa phương, sinh hoạt cộng đồng.

Đặc biệt là đưa giáo dục di sản nói chung, di tích nói riêng vào trường học bằng các hình thức như phối hợp với Sở Giáo dục và đào tạo biên soạn tài liệu "Lịch sử, địa lý địa phương" giảng dạy trong trường học, tổ chức các buổi ngoại khoá với hình thức "Câu lạc bộ em yêu lịch sử"; phối hợp với BQL công viên địa chất tổ chức thi vẽ tranh, thuyết trình, thuyết minh về di tích...

Bên cạnh công tác tuyên truyền, việc gắn cộng đồng cùng tham gia quản lý, gìn giữ và chia sẻ lợi ích có vai trò hết sức quan trọng trong quản lý bảo tồn và phát huy giá trị di tích rừng Trần Hưng Đạo. UBND huyện Nguyên Bình, phòng Văn hoá và Thông tin huyện, Ban Quản lý di tích QGDB luôn quan tâm, tạo môi trường, điều kiện để cộng đồng tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Từ việc ưu tiên trong tuyển dụng con em địa phương vào làm việc tại ban quản lý đến việc ưu tiên các hộ gia đình nhận giao đất, giao rừng; ưu tiên tuyển dụng công tác bảo vệ đối với nhân sự là người địa phương... Đặc biệt là chia sẻ lợi ích từ việc phát huy giá trị di tích mang lại. Về vấn đề này, Lãnh đạo UBND xã Tam Kim cho biết:

Việc tuyên truyền vận động bà con tại địa phương tham gia trực tiếp vào công tác bảo vệ phát huy giá trị di tích là việc làm thường xuyên của chính quyền địa phương. Tham gia ở đây không chỉ là trực tiếp làm các công việc như hướng dẫn, bảo vệ di tích, quản lý di tích mà còn là sự tham gia gián tiếp. Ví dụ như dạy dỗ, giáo dục ý thức cho con cháu trong việc bảo vệ môi trường, cảnh quan di tích, tham gia sáng tạo các sản phẩm du lịch mang bản sắc địa phương phục vụ du khách... [PVS bà H. đại diện chính quyền địa phương]

Tuy nhiên, hiện nay trình độ dân trí của đồng bào cũng còn nhiều hạn chế. Do đó, cần phải có lộ trình, từng bước tạo điều kiện cho con em

người địa phương được đào tạo chuyên môn về quản lý văn hoá, quản lý di tích, du lịch. Khi có kiến thức sẽ quay trở về đóng góp cho quê hương, vận động tuyên truyền chính những người thân trong gia đình mình tham gia vào các hoạt động bảo vệ di tích, bảo tồn di sản văn hoá của dân tộc gắn với phát triển du lịch; tạo sinh kế cho đồng bào địa phương. Hiện nay, trong BQL di tích cũng đã có con em người địa phương được tuyển dụng vào làm việc. Trước đây BQL cũng đã hợp đồng với người dân địa phương vừa trực tiếp làm bảo vệ, vừa hướng dẫn cho khách tham quan. Hiện tại BQL tiếp tục tuyển dụng một số con em là người địa phương, tạo điều kiện cho đi học tại chức, có người đã trở thành cán bộ quản lý tại di tích. Đây là hướng đi đúng đắn, bởi khi tuyển dụng cán bộ tại địa phương sẽ có nguồn lao động ổn định vì họ sẽ yên tâm công tác. Bà con người dân tộc thiểu số thường bị hạn chế về giao tiếp, dè dặt khi tiếp xúc với người không cùng địa bàn. Do vậy nếu cùng là người địa phương, chắc chắn việc tuyên truyền vận động sẽ thuận lợi và hiệu quả cao hơn.

Ngoài hỗ trợ trực tiếp, các hoạt động hỗ trợ, đóng góp xây dựng đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương xung quanh khu di tích cũng được quan tâm chăm lo thông qua các hoạt động hỗ trợ kinh phí, văn hóa văn nghệ phục vụ khách du lịch... Những biện pháp tích cực và có ý nghĩa trên đã mang lại những kết quả hết sức tích cực. Việc bảo tồn, gìn giữ di tích Rừng Trần Hưng Đạo đã thực sự có sự chung tay, đóng góp của cộng đồng.

Tuy nhiên, do trình độ dân trí của đồng bào địa phương còn nhiều hạn chế do vậy việc phối hợp với cộng đồng trong quản lý di tích hiệu quả chưa cao. Vẫn còn diễn ra nhưng vi phạm về khai thác gỗ trong khu di tích, chăn thả gia súc, gia cầm làm ảnh hưởng tới cảnh quan môi trường của di tích.

Khi được hỏi về việc ý thức tham gia quản lý của cộng đồng dân cư địa phương, đặc biệt là các cư dân ở trong khu vực gần với các điểm di tích, đồng bào người Dao ở đây cũng chia sẻ:

Chúng tôi là người địa phương, sinh ra và lớn lên tại xã Tam Kim. Ông bà, bố mẹ chúng tôi cũng đã sống ở đây nhiều đời. Có ngày hôm nay, nhân dân Tam Kim không quên công ơn của Đảng, Bác Hồ và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Ở Tam Kim, hầu như gia đình nào cũng có một bức ảnh chân dung Đại tướng Võ Nguyên Giáp treo trong nhà, ai cũng yêu quý Đại tướng. Nên bản thân tôi và gia đình luôn có ý thức bảo vệ khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Đây là niềm tự hào của xã Tam Kim, của huyện Nguyên Bình và của người Dao chúng tôi. Nhưng trong cộng đồng cũng có một số ít bà con do thiếu hiểu biết, do khó khăn về kinh tế vẫn vi phạm một số quy định như chặt cây lấy gỗ, chăn thả trâu bò trong khu vực di tích gây mất vệ sinh [PVS bà C người dân địa phương].

2.3.5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính để bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích

Từ khi được công nhận là di tích Quốc gia đặc biệt, các hoạt động của di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo được thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước, chủ yếu để đầu tư vào công tác khảo sát lập hồ sơ, tổ chức các sự kiện quan trọng nhân dịp kỷ niệm năm chẵn và quy hoạch xây dựng di tích. Giai đoạn điều chỉnh, huy động và sử dụng nguồn tài chính đầu tư các hạng mục bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo được đầu tư trọng điểm là từ năm 2013 đến hết năm 2022. Theo Báo cáo số 135/BC-BQL ngày 16/9/2022 của BQL các di tích quốc gia đặc biệt về việc báo cáo công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương, có đưa ra số liệu và kết quả thực hiện các dự án với quy mô tương đối lớn, chủ yếu từ nguồn kinh phí của Bộ Quốc phòng và Quân khu I. Các sửa chữa nhỏ tại di tích sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên của Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 25 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân, rất nhiều hạng mục, công trình liên quan đến khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo tiếp tục được Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng quan tâm, nâng cấp, cải tạo.

- *Chủ đầu tư:* Bộ tư lệnh Quân khu I

- *Kinh phí đầu tư:* Ngân sách quốc phòng

- *Mục tiêu đầu tư:*

+ Bảo tồn, tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử cách mạng gồm khu rừng Trần Hưng Đạo, đồn Phai Khắt, đồn Nà Ngần đã được xếp hạng và xây dựng một số cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ cho khu di tích.

+ Phát triển kinh tế - xã hội ở hai xã vùng cao là Tam Kim và Hoa Thám nhằm từng bước ổn định và nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc vùng ven khu di tích.

- *Tổng mức đầu tư:* 100 tỷ đồng

- *Quy mô đầu tư:* Nâng cấp tuyến đường từ đèo Cao Bắc vào khu rừng Trần Hưng Đạo dài khoảng 21,7 km và tuyến đường từ tỉnh lộ 34 vào khu di tích dài 17 km. Nâng cấp nhà tiếp đón khách diện tích 400m²; nhà dâng hương tưởng niệm, diện tích 150m²; 06 căn nhà tình nghĩa tặng các gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng và xây mộ liệt sĩ đầu tiên của quân đội hy sinh tại đồn Đồng Mu, xã Xuân Trường (Bảo Lạc - Cao Bằng).

- *Đơn vị thi công:* Công ty Xây lắp 86, Bộ Tư lệnh Quân khu 1

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2014.

Đến nay, tất cả các công trình đã và đang được hoàn tất và đưa vào sử dụng.

Đặc biệt, công trình Nhà trưng bày tại Khu di tích được khởi công xây dựng từ ngày 10/3/2014, khánh thành và đưa vào sử dụng đúng dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân.

Có thể nói, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia

rừng Trần Hưng Đạo - nơi ra đời Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân thời gian qua đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Bên cạnh những mặt đã làm được, công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích rừng Trần Hưng Đạo hiện nay vẫn còn gặp một số những hạn chế, bất cập. Việc tu bổ, tôn tạo di tích chưa thường xuyên, liên tục, dứt điểm, chủ yếu được thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá và thông qua các dịp kỷ niệm lớn của đất nước. Đặc biệt là sự quan tâm đầu tư kinh phí của Bộ Quốc phòng. Lực lượng thiết kế, thi công, phục hồi di tích không phải là những đơn vị chuyên nghiệp về bảo tồn, vì vậy khó đảm bảo tính chân thực, khách quan.

Hàng năm, với nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hoá được cấp, BQL xây dựng kế hoạch phân bổ kinh phí cho 03 di tích một cách hợp lý. Ưu tiên các di tích đang có nguy cơ xuống cấp. Trong 03 di tích QGĐB do Ban quản lý trực tiếp, có 02 di tích thực hiện thu phí tham quan, đó là di tích Pác Bó và di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Riêng Pác Bó ngoài thu phí tham quan còn có nguồn thu từ các dịch vụ kinh doanh tại di tích. Còn Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên Giới năm 1950 không thu phí tham quan.

Theo số liệu do BQL các di tích QGĐB, các khoản kinh phí thu chi của BQL các di tích QGĐB trong ba năm 2020, 2021, 2022, được ghi cụ thể trong bảng tổng hợp (xem phụ lục 1, số 19; trang 119).

Về nguồn kinh phí được trích % từ nguồn thu phí cụ thể như sau:

- Năm 2020: BQL các di tích QGĐB được giao thu 3.300.000.000 đồng, thực hiện thu được 2.371.000.000 đồng. Trong đó:

+ Di tích Pác Bó thực hiện 2.359.000.000 đồng; trích nộp ngân sách 35 % (826. 650.000 đồng) còn giữ lại 65 % (1.544.150.000 đồng);

+ Di tích Rừng Trần Hưng Đạo thực hiện thu: 12.000.000 đồng; trích nộp ngân sách 10 % (1.200.000 đồng) còn giữ lại 90 % (10.800.000 đồng);

Số kinh phí trích lại từ % thu phí của hai di tích trong năm 2020 là: 1.544.150.000 đồng.

- Năm 2021: BQL các di tích QGĐB được giao thu 3.900.000.000 đồng, thực hiện thu được 1.132.500.000 đồng. Trong đó:

+ Di tích Pác Bó thực hiện 1.106.500.000 đồng; trích nộp ngân sách 35 % (389. 875.000 đồng) còn giữ lại 65 % (719.225.000 đồng);

+ Di tích Rừng Trần Hưng Đạo thực hiện thu: 26.000.000 đồng; trích nộp ngân sách 10 % (2.600.000 đồng) còn giữ lại 90 % (23.400.000 đồng);

Số kinh phí trích lại từ % thu phí của hai di tích trong năm 2021 là: (742.625.000 đồng);

- Năm 2022: BQL các di tích QGĐB được giao thu 3.000.000.000 đồng, thực hiện thu được 3.000.000.000 đồng. Trong đó:

+ Di tích Pác Bó thực hiện 2.984.000.000 đồng; trích nộp ngân sách 35 % (1.046.000.000 đồng) còn giữ lại 65 % (1.939.600.000 đồng);

+ Di tích Rừng Trần Hưng Đạo thực hiện thu: 16.000.000 đồng; trích nộp ngân sách 10 % (1.600.000 đồng) còn giữ lại 90 % (14.400.000 đồng);

Số kinh phí trích lại từ % thu phí của hai di tích trong năm 2021 là: (1.954.000.000 đồng);

Như vậy ta thấy, đơn vị BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng là đơn vị sự nghiệp có thu và tự chủ một phần kinh phí. Qua biểu thực hiện kinh phí của 03 năm gần đây cho thấy BQL các di tích QGĐB có 02 nguồn kinh phí đó là Ngân sách nhà nước cấp và kinh phí được trích lại từ nguồn thu phí tham quan tại di tích. Nhìn vào số tiền thu được chủ yếu từ thu phí tại Di tích Pác Bó, còn di tích Rừng Trần Hưng Đạo số thu được chỉ là một con số rất nhỏ. Mỗi năm thu trung bình khoảng trên dưới 20 triệu (Không tính những năm bị ảnh hưởng dịch bệnh Covid - 2020). Số phần trăm trích nộp ngân sách của hai di tích cũng không giống nhau. Di tích Pác Bó trích nộp ngân sách 35%; Di tích rừng Trần Hưng Đạo trích nộp ngân sách 10%. Quy định trích nộp căn cứ vào tổng số tiền phí thu được. Đối với nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, BQL chủ yếu chi trả các khoản chi

thường xuyên cho cá nhân như chi lương cho cán bộ, viên chức lao động hợp đồng theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Chi phụ cấp lương; tiền thưởng, phúc lợi tập thể; Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng...Cùng với các khoản chi không thường xuyên như: Chi phí hàng hoá dịch vụ (Thanh toán dịch vụ công cộng, điện nước, công tác phí, hội nghị; vật tư văn phòng; Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng; một số khoản chi khác.

Đối với nguồn kinh phí được trích lại từ thu phí tham quan, đơn vị sử dụng chi cho các nội dung: Chi thanh toán cá nhân (lương và phụ cấp theo lương) đối với các hợp đồng thoả thuận làm các công việc vệ sinh môi trường, bảo vệ, thu phí... hỗ trợ một phần chi phí hàng hoá dịch vụ của đơn vị.

Qua đó ta thấy việc chi các hoạt động sự nghiệp đối với BQL các di tích QGĐB nói chung, di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng chỉ sử dụng kinh phí do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phân bổ hàng năm. Nguồn kinh phí này rất hạn hẹp chủ yếu chi cho công tác quản lý. Còn việc tu bổ tôn tạo di tích phụ thuộc vào các dự án trong chương trình mục tiêu quốc gia, chống xuống cấp di tích và các dự án tu bổ, tôn tạo di tích của Bộ Quốc phòng đối với các di tích liên quan đến quân đội. Với nguồn kinh phí hạn hẹp được phân bổ hàng năm, việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ cho việc bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo được thực hiện theo đúng quy trình, đảm bảo công khai và minh bạch. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thu từ việc phát huy giá trị di tích được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các hướng dẫn của cơ quan chuyên môn cấp trên.

Cùng với nguồn vốn từ ngân sách, việc huy động nguồn lực xã hội được coi là trợ sức rất cần thiết cho hoạt động bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích. Hiện nay nhiều địa phương nhiều đã và đang tăng cường triển khai, thực hiện. Tuy nhiên, đối với các di tích lịch sử cách mạng việc kêu gọi nguồn đầu tư xã hội hoá thường không dễ dàng như các di tích đền, chùa, miếu. Do vậy, kinh phí đầu tư tôn tạo di tích Rừng Trần Hưng Đạo vẫn phụ thuộc rất nhiều vào nguồn ngân sách địa phương và nguồn đầu tư kinh phí của Bộ Quốc phòng. Đây cũng là một vấn đề bất cập dẫn đến BQL di tích QGĐB khó chủ động trong việc tham mưu, đề xuất các nội dung trùng tu, tôn tạo di tích.

2.3.6. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm di tích

Thanh tra, kiểm tra, giám sát là một trong những hoạt động quan trọng trong công tác quản lý nói chung và Quản lý DTLSVH nói riêng. Hoạt động này nhằm đảm bảo việc thực hiện đúng các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực DSVH. Với trên 200 di tích phân bố rải rác trên địa bàn toàn tỉnh thì nguy cơ các di tích bị xâm hại, bị lấn chiếm, hoặc bị hư hại do các tác nhân môi trường, khí hậu là điều khó tránh khỏi. Vì vậy việc kiểm tra, nắm bắt thông tin, phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm nhằm kịp thời bảo vệ các di tích là hết sức quan trọng. Căn cứ chức năng nhiệm vụ của ngành VH TT & DL, Thanh tra sở là phòng chức năng tham mưu chính về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các di tích LSVH và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh. Hàng năm BQL các di tích QGĐB phối hợp với Thanh tra sở xây dựng kế hoạch kiểm tra lễ hội gắn với di tích và nắm bắt tình hình về các vấn đề có liên quan đến việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích LSVH như: Công tác tu bổ, tôn tạo, bảo vệ hiện vật trong di tích; việc lấn chiếm đất đai của di tích. Đồng thời tiến hành kiểm tra công tác vệ sinh

môi trường, bảo vệ cảnh quan di tích, sử dụng, bảo quản các hiện vật, cơ sở vật chất; hiện trạng khai thác tiềm năng của di tích trong phục vụ khách tham quan, phát triển dịch vụ, cách thức đón tiếp khách, thuyết minh giới thiệu các hiện vật tại nhà trưng bày của di tích... thông qua kết quả kiểm tra, thanh tra Sở sẽ xem xét phối hợp với phòng QLVH&GD tham mưu cho lãnh đạo sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện kịp thời việc khắc phục những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý di tích. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế, nhận thấy công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương chưa thực hiện thường xuyên, chủ yếu chỉ là kiểm tra tiến độ trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích và việc thực hiện các quy định của pháp luật. Việc kiểm tra công tác quản lý di tích để đánh giá, phát huy giá trị của di tích nhất là việc tổ chức các hoạt động gắn với phát triển du lịch trên địa bàn để đưa ra các giải pháp nhằm phát huy giá trị di tích trong những năm tiếp theo hầu như chưa được thực hiện.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo của Thanh tra Sở VH&DL và đội thanh tra liên ngành chưa phát hiện vi phạm trong công tác quản lý, bảo vệ phát huy giá trị của di tích. Công tác tu bổ, tôn tạo tại di tích được các chủ đầu tư thực hiện theo đúng các Quyết định đã được phê duyệt, các nội quy, quy định trong công tác tu bổ, tôn tạo. Công tác quản lý hồ sơ lưu trữ, bảo quản các hiện vật đã được tổ quản lý thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cơ sở vật chất cho phép. Tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo thường xuyên nắm bắt thông tin để kịp thời đưa ra các biện pháp hoặc báo cáo kiến nghị với lãnh đạo BQL các di tích QGĐB, với chính quyền sở tại để giải quyết kịp thời.

Cùng với các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. BQL các di tích QGĐB nói chung, tổ quản lý di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo thường xuyên xây dựng các phong trào thi đua, phát động thi đua

hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn trong tới toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị. Kết quả đánh giá, xếp loại hàng năm của BQL các di tích QGĐB những năm gần đây như sau:

Năm 2019: Đơn vị đạt tập thể lao động tiên tiến

Năm 2020: Đạt tập thể lao động xuất sắc, được UBND tỉnh Cao Bằng tặng cờ thi đua.

Năm 2021, 2022: Đạt tập thể lao động tiên tiến

Riêng tổ quản lý di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo hàng năm đều đạt tập thể lao động tiên tiến. 100% viên chức, người lao động trong đơn vị đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có ai vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật.

2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý

2.4.1. Những thành công và nguyên nhân

Công tác quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo hiện nay đang từng bước đi vào nề nếp, tương đối ổn định. Cùng với hệ thống di tích lịch sử văn hóa và kho tàng văn hóa phi vật thể của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn, di tích Rừng Trần Hưng Đạo đã đón nhiều đoàn khách đến tham quan, nghiên cứu học tập tại di tích góp phần tác động mạnh mẽ vào sự phát triển du lịch và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để đạt được những kết quả trên, cán bộ, viên chức người lao động trong đơn vị đã luôn đoàn kết, nỗ lực, sáng tạo, vượt khó để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo BQL luôn chủ động tích cực tham mưu cho lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch các nội dung liên quan đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích. Tranh thủ sự ủng hộ về mọi mặt của các tổ chức, cá nhân. Là di tích quốc gia đặc biệt, do đó di tích cũng nhận được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh và các bộ, ngành liên quan,

2.4.2. Những hạn chế và nguyên nhân

- *Bộ máy quản lý còn chưa hoàn thiện:* Ban lãnh đạo chưa được kiện toàn theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt. Cán bộ quản lý các phòng chuyên môn chưa được trang bị đầy đủ các kiến thức về lý luận chính trị, kỹ năng quản lý lãnh đạo cấp phòng. Viên chức trực tiếp làm công tác hướng dẫn còn hạn chế về các kỹ năng nghề nghiệp như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ...

- *Hệ thống văn bản chưa đồng bộ, thống nhất, chưa có nhiều văn bản trực tiếp về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Rừng Trần Hưng Đạo.*

- *Chưa xây dựng kế hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích* nhằm thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch gắn với bảo tồn bền vững, phát huy giá trị của di tích. Cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo kết nối đến các điểm trong khu di tích, các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ du khách, như nhà tiếp đón, bãi đỗ xe ...chưa đáp ứng nhu cầu của khách tham quan. Chưa tạo được sự liên kết giữa tham quan di tích với văn hóa truyền thống, các làng nghề truyền thống của cư dân bản địa để tạo thành các tour, tuyến du lịch thu hút du khách trong và ngoài nước.

- *Chất lượng công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích chưa thực sự đảm bảo:* Các hiện vật chưa được bảo quản theo các chế độ phù hợp với từng loại chất liệu; Chưa xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình trạng hiện vật, đề xuất kế hoạch bảo quản, tu bổ, sắp xếp hiện vật trong kho bảo quản theo hệ thống đúng quy định.

- *Chưa đầu tư vào công tác nghiên cứu khoa học,* chưa tập trung tổ chức các Hội thảo, diễn đàn riêng cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh về di tích rừng Trần Hưng Đạo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu, ấn phẩm văn hóa còn nhiều hạn chế.

- *Kinh phí đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích hạn hẹp, chưa đồng bộ*; chưa huy động được các nguồn kinh phí xã hội hóa. Chưa phát huy được vai trò của cộng đồng dân cư; Công tác phối hợp liên ngành trong việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích chưa đạt hiệu quả cao.

Tiểu kết

Chương 2, tác giả tập trung đi sâu vào thực trạng quản lý di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo theo nội dung: công tác phối, kết hợp trong công tác quản lý của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với huyện, xã ; sự chỉ đạo điều hành trong quản lý của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch các phòng, đơn vị liên quan ; trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, công tác tu bổ, bảo tồn, tôn tạo di tích; công tác tuyên truyền giáo dục Luật DSVH và giá trị di tích; hoạt động kiểm tra, giám sát cũng như đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực nhằm thực hiện tốt việc quản lý, phát huy giá trị di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo. Từ thực tế trên, qua các hoạt động nghiệp vụ quản lý di tích, đánh giá nhận xét kết quả đạt được, cũng như những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo. Đây là nội dung trọng tâm đưa ra của chương 2, từ đó có thể đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, phát huy vai trò của di tích tại chương 3.

Chương 3

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HUNG ĐẠO

3.1. Các yếu tố tác động đến công tác quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo

3.1.1. Những yếu tố tác động tích cực

Nền kinh tế của tỉnh Cao Bằng ngày càng tăng trưởng, sự kêu gọi đầu tư từ nhiều phía giúp cho nguồn vốn của Cao Bằng có những chuyển biến đáng kể. Vì vậy, ngân sách đầu tư của địa phương cho việc trùng tu, tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa được quan tâm hơn trước.

Nguồn lực xã hội hay của cộng đồng dành cho hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích ở Cao Bằng ngày càng dồi dào, đa dạng. Ngoài nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước và tỉnh vào việc bảo tồn, gìn giữ phát huy giá trị các di tích là sự đóng góp của nhân dân địa phương cùng các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các doanh nhân trong và ngoài tỉnh, các cá nhân và tổ chức kinh tế ở nước ngoài cho hoạt động quản lý di tích này.

Đời sống vật chất của người dân tăng lên, có điều kiện để ủng hộ, hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị di tích tại địa phương. Lợi ích của cộng đồng thay đổi do đó có những ứng xử đối với di tích cũng thay đổi: Gắn kết, đồng hành, quan tâm và bảo vệ di tích của địa phương. Nhận thức của xã hội và nhân dân về vai trò của di sản văn hóa nói chung, về di tích lịch sử văn hóa nói riêng được nâng cao. Cộng đồng xã hội và nhân dân các làng xã ngày càng có vai trò to lớn và tham gia trực tiếp vào việc bảo tồn, phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa. Đó là những điều kiện xã hội quan trọng giúp cho việc tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng và nhiều di tích khác trên địa bàn tỉnh nói chung.

Đối với các di tích lịch sử cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt với những

giá trị tiêu biểu về lịch sử và văn hóa, Cao Bằng ngày càng thu hút sự đầu tư của nhiều tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài cho việc bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của di tích. Đặc biệt, Đề án phát triển du lịch Cao Bằng đến năm 2025 định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt và triển khai thực hiện, trong đó đối với các di tích lịch sử được xếp hạng là di tích quốc gia đều được quan tâm đáng kể. Việc bảo tồn, phát huy giá trị di tích kết hợp chặt chẽ với việc phát triển du lịch đang được sự đầu tư lớn của nhà nước và cộng đồng xã hội trong và ngoài thành phố. Đó là những tác động lớn và là cơ hội thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả quản lý các di tích lịch sử quốc gia trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Đó là những tác động lớn và là cơ hội thuận lợi cho việc nâng cao hiệu quả quản lý các di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh nói chung, di tích rừng Trần Hưng Đạo nói riêng.

3.1.2. Những yếu tố tác động tiêu cực

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế nhanh chóng và ngày càng sâu sắc giữa nước ta với các nước châu Á, các nước trong khối Asean và thế giới trên nhiều lĩnh vực, nhiều hoạt động trong đó có lĩnh vực văn hóa. Sự tác động của cơ chế thị trường làm cho các yếu tố gốc của các di tích lịch sử văn hóa bị biến đổi. Sự thay đổi môi trường sinh thái cũng là một nguy cơ tiềm ẩn đối với các di tích, đặc biệt là di tích có cảnh quan thiên nhiên như di tích Rừng Trần Hưng Đạo.

Bên cạnh đó, với nguồn lực của nhiều thành phần đầu tư cho việc tu bổ, tôn tạo di tích cũng xảy ra nhiều nguy cơ tu bổ, tôn tạo và xây cất tùy tiện, không tuân thủ các quy định của nhà nước và hướng dẫn của cơ quan quản lý. Trong thời điểm hiện tại, di tích Rừng Trần Hưng Đạo đã gặp phải các nguy cơ trên, tuy chưa để lại hậu quả nặng nề nhưng cũng đã có ảnh hưởng. Và không có một sự đảm bảo chắc chắn rằng trong tương lai các nhà quản lý sẽ luôn tuân thủ đúng những quy định của nhà nước và hướng

dẫn của cơ quan quản lý do sự tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ.

Di tích lịch sử quốc gia Rừng Trần Hưng Đạo cùng nhiều di tích khác trên địa bàn đã và đang trở thành một trong những điểm văn hóa du lịch tiêu biểu của tỉnh. Khi lượng khách tham quan đến di tích ngày một tăng có thể sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy như di tích bị xâm hại về môi trường cảnh quan, xu hướng thương mại hóa,... Đặc biệt, vấn đề bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vấn đề quản lý và sử dụng tiền công đức luôn là những thách thức đối với cơ quan quản lý nhà nước. Mặt khác, công nghiệp hóa và đô thị hóa ngoài những thành tựu mang lại cũng tạo ra không ít khó khăn trở ngại cho việc quản lý di tích như môi trường không khí, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng tới cảnh quan, không gian của di tích.

3.2. Định hướng và mục tiêu phát triển di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo

Định hướng của Đảng và Nhà nước ta về Quản lý di tích

Nhận thức rõ tầm quan trọng và giá trị của di tích, trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có những định hướng, quyết sách mang tầm chiến lược cơ bản với mục đích làm tốt công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích LSVH. Nghị quyết Trung ương 5, khoá VIII đã đề ra nhiệm vụ: *Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá "DSVH là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá cách mạng, bao gồm cả văn hoá vật thể và phi vật thể".*

Năm 2021, dưới sự định hướng của Đảng và Nhà nước, Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 phê duyệt chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2030. Với quan điểm: *"Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực*

thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa phải được đặt ngang hàng và phát triển hài hòa với kinh tế, chính trị, xã hội; bảo đảm yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế; thích ứng với xu thế phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các công nghệ mới, hiện đại và biến đổi kinh tế - xã hội, con người do tác động của thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng..."

Đồng thời, tại mục 8, phần nhiệm vụ giải pháp, văn bản đã đề cập: Chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về văn hóa "*Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước, thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa các quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc; hỗ trợ các địa phương có chung đường biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia tổ chức các chương trình giao lưu quảng bá, giới thiệu văn hóa địa phương với các nước bạn"*.

Mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta về Quản lý di tích

Văn kiện Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: "*Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di tích văn hoá vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc; bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá, văn nghệ dân gian; kết hợp hài hoà việc bảo vệ, phát huy các DSVH với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch"*.

Trong Nghị quyết của các Đại hội XI, XII, XIII của Đảng vấn đề bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá luôn được đề cao, nhấn mạnh và cụ thể hoá. Trên cơ sở các Nghị quyết của các kỳ Đại hội của Đảng, Nhà nước ta đã cụ thể hoá bằng các chiến lược, chính sách. Chiến lược phát triển văn hoá đến năm 2020, ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng chính phủ đã chỉ rõ: "*Đầu tư đồng bộ bảo tồn, tôn tạo các DTLSVH tiêu biểu trở thành di sản có chất lượng cao về khoa học bảo tồn và môi trường văn hoá, phục vụ giáo dục truyền thống*

và phát triển kinh tế du lịch. triển khai việc quy hoạch chi tiết đối với các di tích để giải quyết hài hoà, bền vững giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội..."

Trong mục 6, phần nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược đã nêu rõ nhiệm vụ Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc *"Hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Tập trung đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới, di tích lịch sử - văn hóa có giá trị tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch"; "Thực hiện số hóa và lập bản đồ số di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, bảo vật quốc gia, di sản tư liệu"* .

Tại mục 11 trong nội dung nhiệm vụ giải pháp của Chiến lược đã nêu rõ: Phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển trong lĩnh vực văn hóa *"Tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm tôn tạo các di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của Việt Nam; bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị"* .

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách trong công tác quản lý di tích và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các chủ trương, chính sách đã được cụ thể hoá bằng các chương trình dự án mục tiêu quốc gia, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đời sống chính trị - xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đặc biệt là khi Luật Di sản Văn hoá ra đời, các DSVH đã được bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị. Với mục tiêu xây dựng môi trường lành mạnh, giáo dục hình thành các nhân cách văn hoa là những nhân tố quan trọng cho sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Kế thừa đường lối văn hoá của Đảng về phát huy bảo tồn di sản văn hoá, khẳng định giá trị lịch sử văn hoá to lớn của các di tích lịch sử cũng như định

hướng trong công tác bảo tồn, tôn tạo, đặc biệt là phát huy giá trị các di tích gắn liền với phát triển du lịch trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước. Đây là những phương hướng chung cho công tác quản lý di tích.

Định hướng của tỉnh Cao Bằng

Căn cứ những chủ trương, chính sách lớn và các văn bản quản lý của TW cùng với các văn bản của Tỉnh đã ban hành như Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ban hành quy chế quản lý bảo vệ và phát huy giá trị DTLSVH và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; kế hoạch số 339/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện quy định phân cấp quản lý DTLSVH và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng... Cùng với các địa phương trong cả nước, tỉnh Cao Bằng tiếp tục bám sát các quy định trong Luật Di sản Văn hoá tăng cường các hoạt động giám sát thực thi Luật và đầu tư cho bảo tồn DSVH ở các địa phương trong tỉnh. Chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chống lấn chiếm, xây dựng trái phép tại các di tích. Tăng cường việc hỗ trợ và kêu gọi đầu tư xã hội hoá cho việc tu bổ, tôn tạo di tích từ Ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Việc xã hội hoá các hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích được đặt dưới sự kiểm soát, định hướng của của cơ quản lý Nhà nước về văn hoá. Nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí đóng góp đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSVH trên địa bàn tỉnh. UBND các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo hướng dẫn các xã, phường, thị trấn có di tích đã được xếp hạng tiếp tục thành lập, kiện toàn các ban, tổ quản lý và xây dựng quy chế hoạt động, tạo sự đồng bộ và thống nhất cao về các tổ chức quản lý di tích.

Đồng thời Tỉnh sẽ đề xuất, kiến nghị với TW, với Bộ VH TT & DL hỗ trợ một phần kinh phí sự nghiệp để tu bổ, tôn tạo một số di tích Quốc gia đang bị xuống cấp thông qua Chương trình mục tiêu phát triển văn hoá giai đoạn 2020 -2025 và những năm tiếp theo.

Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá về di tích LSVH và Danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh, cùng với đó quảng bá về tiềm năng phát triển du lịch của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tiếp tục phối hợp với Viện nghiên cứu phát triển du lịch xây dựng Đề án phát triển Du lịch tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2020 - 32025 tầm nhìn đến năm 2035. Sau khi Đề án được phê duyệt, Sở VH TT & DL sẽ tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh ký kết liên kết, hợp tác phát triển du lịch với Thành phố Hồ Chí Minh và 8 tỉnh Đông Bắc giai đoạn 2020 -2025 (Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc).

Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật tới các phòng, đơn vị trực thuộc Sở. Tiếp tục công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch. Thường xuyên chỉ đạo thực hiện hoạt động chỉnh trang khuôn viên, tu bổ, tôn tạo các di tích, nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch. Tổ chức các Hội nghị “kích cầu du lịch”, phát động các cuộc thi với nhiều chủ đề, hình thức nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch. Phối hợp với các tổ chức, đối tác thực hiện các chương trình thuộc lĩnh vực văn hóa, du lịch kết hợp với phục vụ các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích luôn thực hiện nguyên tắc bảo tồn tối đa các yếu tố gốc của di tích. Trong quá trình khai thác không làm mất đi hoặc sai lệch những giá trị văn hóa lịch sử đặc trưng của di tích nhằm mục đích bảo tồn giá trị gốc của di tích. Mục tiêu hướng tới là phát huy giá trị di tích phục vụ đời sống văn hóa cho cộng đồng, trong đó có khách du lịch. Tỉnh ủy cũng yêu cầu cần tuân thủ những nguyên tắc phát triển du lịch bền vững. Đây là quan điểm của UNESCO khuyến cáo các nước thành viên phải luôn quan tâm và vận dụng cụ thể vào hoạt động của mỗi quốc gia. Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh

công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi ở trong nước và nước ngoài các giá trị di tích của tỉnh, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ và phát huy giá trị các DSVH trong nhân dân.

Có chính sách vinh danh, khen thưởng, động viên kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân làm tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Đồng thời có cơ chế xử lý, đề nghị xử lý những trường hợp vi phạm của các cá nhân, tổ chức thiếu trách nhiệm để xảy ra vi phạm tại di tích theo luật định.

Có định hướng lớn và cụ thể đối với những mục tiêu phát triển trong lĩnh vực di sản văn hóa. Từ đó nâng cao chất lượng công tác quản lý để bảo tồn, phát huy giá trị của di tích, phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH đất nước. Đây cũng là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh của chính quyền và nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Định hướng của UBND huyện Nguyên Bình

Tiếp tục tăng cường tuyên truyền về Luật di sản văn hóa và các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, của Bộ VHTT&DL, của tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn để nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích của chính quyền địa phương, của cơ sở, của các tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân.

UBND các xã có di tích phối hợp tốt với BQL các di tích QGĐB thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Không tự ý thực hiện việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; thực hiện các biện pháp tích cực, hiệu quả trong hoạt động bảo tồn di tích. rà soát sắp xếp lại hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các di tích; đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường; chấm dứt tình trạng dưng lều quán bán hàng không đúng nơi quy định và bán hàng rong tại di tích bằng cách xây

dụng quy hoạch các khu vực dịch vụ để phục vụ khách tham quan du lịch; thực hiện tốt nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ cho di tích, phòng ngừa ngăn chặn và kịp thời xử lý theo quy định những hoạt động mê tín dị đoan, lợi dụng di tích để thương mại hóa.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo

Để phát huy giá trị các di tích QGĐB của Cao Bằng nói chung, và di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo nói riêng đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hoá và phát triển du lịch bền vững, cần có những giải pháp cụ thể về quản lý, định hướng tầm nhìn chiến lược, các dự án về xúc tiến, quảng bá, bảo tồn, đào tạo nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hoá và phát triển du lịch. Cụ thể:

3.3.1. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đây là giải pháp nhằm khắc phục hạn chế bộ máy quản lý còn chưa hoàn thiện:

Tiến hành kiện toàn lại nguồn nhân lực của BQL để đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý. Phải đảm bảo 100 % cán bộ, viên chức, người lao động trong BQL các di tích QGĐB nói chung, tổ quản lý Di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng được tham gia tập huấn, đào tạo về các lĩnh vực quản lý di sản, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ nhằm đáp thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Để hoàn thiện bộ máy quản lý cần nâng cao chất lượng, tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác thuyết minh hướng dẫn và cán bộ làm việc tại các di tích. Ưu tiên tuyển chọn những người có trình độ chuyên môn về quản lý di sản văn hóa. Di tích Rừng Trần Hưng Đạo là di tích không nằm ở khu trung tâm của huyện và tỉnh. Do đó cần có chính sách đào tạo ưu tiên các đối tượng là người địa phương để họ gắn bó lâu dài và yên tâm công tác.

Xây dựng kế hoạch cụ thể về đào tạo nguồn nhân lực, tạo điều kiện cho cán bộ viên chức trong đơn vị tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác hướng dẫn thuyết minh tại di tích, không chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ mà cả về văn hóa, kỹ năng ứng xử và vốn ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu của khách tham quan.

Đối với cán bộ quản lý cần nâng cao trình độ lý luận chính trị, nâng cao năng lực quản lý, chất lượng tham mưu cho lãnh đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND tỉnh.

Duy trì thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của BQL, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong đơn vị. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra giám sát kết quả triển khai hoạt động của từng phòng, từng tổ, từng bộ phận, từng cá nhân. Xác định cụ thể chế độ thông tin báo cáo theo định kỳ của các bộ phận với lãnh đạo BQL trên cơ sở đó, BQL các di tích QGDB sẽ tổng hợp báo cáo Sở VH TT & DL.

Đề xuất cơ chế hỗ trợ thêm phụ cấp trách nhiệm, làm thêm giờ cho viên chức, người lao động của BQL. Đây là biện pháp động viên, khích lệ cán bộ viên chức rất hiệu quả. Bởi trong thực tế các bộ phận của BQL như tổ thuyết minh, hướng dẫn, tổ bảo vệ, tổ thu phí không chỉ làm việc trong giờ hành chính mà phải làm việc trong các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết và ngoài giờ làm việc theo quy định.

Hiện nay đội ngũ cán bộ quản lý và các cán bộ viên chức thực hiện công việc chuyên môn về cơ bản đáp ứng các yêu cầu trong quá trình triển khai công việc với chất lượng ngày càng nâng cao. Ngoài việc đáp ứng về số lượng thì cần phải đáp ứng cả về chất lượng, được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn đạt yêu cầu chuẩn hóa cán bộ, có năng lực và uy tín. Vì vậy cần quan tâm, bồi dưỡng cho nhân lực, xây dựng các chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhằm bổ sung các kiến thức mới áp dụng vào việc quản lý di tích trong thời kỳ hội nhập quốc tế bằng nhiều hình thức.

Cần hoạch định nhân lực dài hạn để có định hướng trong công tác quy hoạch cán bộ làm công tác quản lý di tích, mạnh dạn đưa ra khỏi quy hoạch các trường hợp không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới có chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện.

Ngoài biên chế được giao cho BQL, có thể huy động các cộng tác viên từ phòng VH-TT, TTVH&TT của huyện Nguyên Bình, các công chức văn hóa, xã hội, đội ngũ giáo viên trên địa bàn là những người có kiến thức về lịch sử, văn hóa, có kinh nghiệm giao tiếp, có trình độ ngoại ngữ, có hiểu biết về nội dung di tích, hiểu biết về lịch sử địa phương, đặc biệt là có năng khiếu hướng dẫn, thuyết minh tham gia vào việc tuyên truyền, hướng dẫn cho khách tham quan tại các điểm di tích.

Bên cạnh đó, mỗi cá nhân viên chức, Người lao động làm việc trong BQL, công chức VH-XH tại địa phương phải không ngừng rèn luyện bản thân, trau dồi, nâng cao kiến thức, trách nhiệm quản lý để có thể đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Kịp thời nắm bắt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực DSVH. Thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng, diễn biến trong đời sống nhân dân tại địa phương để tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đúng các quy định của pháp luật, của Nhà nước và của cơ quan quản lý nhà nước về DSVH.

Ngoài ra cần tổ chức nhiều hoạt động thiết thực tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức người lao động tham gia như: Tổ chức cho cán bộ, viên chức, người lao động trong tổ quản lý đi tham quan thực tế, học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các Bảo tàng Trung ương (Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử quân sự Việt Nam. Bảo tàng lịch sử quốc gia...); tham quan học tập tại các di tích lưu niệm có những nội dung quản lý tương đồng để có cơ hội học hỏi nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm về

các kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hướng dẫn, tuyên truyền để phục vụ có hiệu quả công tác tại BQL.

Các giải pháp trên cần có sự đầu tư về cơ chế, chính sách của tỉnh, sự chỉ đạo sát sao của Sở VH TT & DL Cao Bằng theo chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm nhằm làm cho chất lượng nguồn nhân lực về công tác quản lý di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng và các di tích lịch sử ở Cao Bằng nói chung ngày càng được nâng cao và đảm bảo chất lượng.

3.3.2. Xây dựng và điều chỉnh hệ thống văn bản đồng bộ, thống nhất

Giải pháp này nhằm khắc phục hạn chế hệ thống văn bản chưa đồng bộ, thống nhất đối với công tác quản lý, bảo tồn, tôn tạo di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Do tính chất đặc thù, di tích Rừng Trần Hưng Đạo là di tích lịch sử do Ban Quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh quản lý dưới sự chỉ đạo quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch. Tuy nhiên, di tích nằm trên địa bàn huyện Nguyên Bình, do đó UBND huyện Nguyên Bình cũng có trách nhiệm giám sát công tác quản lý di tích. Đồng thời di tích liên quan đến sự kiện ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam, do đó Bộ Quốc phòng và Bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam cũng thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác quản lý cũng như tu bổ, tôn tạo di tích. Vì những lý do trên, các văn bản liên quan đến việc tu bổ, tôn tạo, chỉ đạo quản lý di tích nhiều khi bị chồng chéo, bất cập. Do vậy cần có sự thống nhất, đồng bộ trong các văn bản về quản lý, tu bổ, tôn tạo di tích giữa các ngành, đơn vị, địa phương liên quan. Ban quản lý di tích có trách nhiệm báo cáo kịp thời các phát sinh về văn bản để tham mưu cho tỉnh, cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để có công tác quản lý đồng bộ và hiệu quả.

BQL các di tích QGĐB có thể tham mưu cho UBND tỉnh có văn bản đề nghị Quân khu I xây dựng cơ chế phối hợp trong công tác quản lý, phát huy giá trị di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Trong đó có những nội dung quy định rõ về thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của UBND tỉnh, của Bộ tư

lệnh Quân khu. Những vấn đề hai bên cần tham khảo ý kiến của Bộ Quốc phòng, của Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du Lịch trong quá trình triển khai. Xây dựng các kế hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích dài hạn, có trọng tâm, trọng điểm, đúng với quy hoạch Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt. Tôn trọng các ý kiến, nguyện vọng của địa phương, của cơ quan chuyên môn về các hạng mục đầu tư cho di tích. Đảm bảo tính thống nhất, nhất quán của các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện từ Trung ương đến địa phương. Có sự phối hợp chặt chẽ, có sự trao đổi đa chiều, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, ngang cấp...

UBND huyện Nguyên Bình cũng cần thường xuyên trao đổi với ngành VH TT & DL để thống nhất nội dung các văn bản liên quan đến quản lý di tích rừng Trần Hưng Đạo trước khi ban hành. Phối hợp với Sở VH TT & DL nói chung, BQL các di tích QGDB nói riêng tham mưu đề xuất các nội dung, các hạng mục di tích cần tu bổ, tôn tạo với UBND tỉnh, Bộ VH TT & DL, Bộ Quốc phòng trình Thủ tướng chính phủ xem xét phê duyệt. Tạo được sự đồng thuận, nhất quán giữa chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn quản lý về di tích.

3.3.3. Xây dựng kế hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa của di tích theo quy hoạch đã được phê duyệt

Trong quá trình khảo sát nghiên cứu, tác giả nhận thấy năm 2012, Tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 phê duyệt nhiệm vụ thiết kế quy hoạch xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, việc triển khai theo Quy hoạch thực hiện rất chậm. BQL các di tích QGDB tỉnh Cao Bằng là đơn vị chủ thể quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo chưa triển khai xây dựng kế hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đây là quy hoạch tổng thể phát triển du lịch gắn với bảo tồn bền vững, phát

huy giá trị của di tích. Chưa kết nối có hiệu quả giữa các điểm di tích và các tài nguyên văn hoá liên quan (kho tàng văn hoá vật thể phi vật thể tại địa phương). Khi xây kế hoạch bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích theo quy hoạch đã được phê duyệt là sẽ góp phần thực hiện từng phần quy hoạch tổng thể.

Năm 2014, Di tích Rừng Trần Hưng Đạo được xếp hạng là di tích QGDB. Theo quy định của Luật DSVH đối với các di tích QGDB việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phải được Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Do vậy, Quy hoạch tổng thể UBND tỉnh phê duyệt năm 2012 cần phải được trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt lại mới đảm bảo tính pháp lý. Những việc mà BQL di tích cần làm đó là tham mưu cho Sở VH TT & DL trình UBND tỉnh sớm trình Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể Di tích QGDB Rừng Trần Hưng Đạo. Xác định rõ vùng lõi của di tích vì di tích Rừng Trần Hưng Đạo phân bố trên phạm vi rộng, với diện tích 207,1 ha. Nếu quy hoạch không phù hợp sẽ ảnh hưởng đến các khu vực là địa bàn dân cư. Việc quy định vùng lõi cũng cần linh hoạt theo từng phân khu của di tích, vì mỗi di tích lại ở một địa bàn khác nhau, thậm chí là không cùng 1 xã. Tiếp nữa là phải quy định vùng bao quanh vùng lõi, trong bối cảnh hiện nay, vùng bao quanh vùng lõi cũng cần quy định phù hợp với từng phân khu. Như vậy trong quy hoạch cần làm rõ các điểm di tích để phù hợp không quy hoạch tràn lan ảnh hưởng đến đời sống phát triển kinh tế xã hội. Từ việc quy định vùng lõi, vùng bao quanh vùng lõi trong quy hoạch cần có các dự án thành phần để thực hiện việc tu bổ, tôn tạo và phục hồi di tích,

Đồng thời, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch phải gắn với bảo tồn bền vững, phát huy giá trị của di tích. Đầu tư đồng bộ, xây dựng cơ sở hạ tầng, đảm bảo kết nối đến các điểm di tích và xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ du khách, như nhà tiếp đón, bãi đỗ xe ở

điểm di tích thuộc khu di tích rừng Trần Hưng Đạo nói riêng như: bãi đỗ xe ở điểm di tích đồn Phai Khắt, đồn Nà Ngần.

Phát triển du lịch cộng đồng, các điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, làng nghề truyền thống để tạo tuyến tham quan trên địa bàn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa gắn với phát triển kinh tế địa phương. Có thể khai thác, quản lý sử dụng khu di tích gắn với Khu du lịch sinh thái Phja Oắc, Phja Đén; làng nghề dệt thổ cẩm của người Dao Tiền ở xã Hoa Thám; Làng du lịch cộng đồng Hoài Khao (Quang Thành),...tạo thành các tour, tuyến du lịch thu hút du khách trong và ngoài nước.

Hợp tác với các công ty du lịch lữ hành xây dựng các tour du lịch kết nối các di tích QGDB, danh lam thắng cảnh nổi tiếng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng tuyến tham quan du lịch về nguồn, ví dụ như: ATK Định Hóa Thái Nguyên- Hồ Ba Bể- rừng Trần Hưng Đạo- Khu di tích Pác Bó tạo thành một lộ trình tham quan liên hoàn, thu hút du khách đến tìm hiểu, khám phá.

Quy hoạch tổng thể là hoạt động quan trọng mang tầm chiến lược. Là định hướng, phương án phát triển phân bố hợp lý. Đối với di tích QGDB Rừng Trần Hưng Đạo, ngoài việc quy hoạch tổng thể cần sớm có kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong vùng di tích để khai thác có hiệu quả các giá trị của di tích gắn với phát triển du lịch cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống kinh tế của người dân trong vùng di tích.

3.3.4. Nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích

Để bảo tồn lâu dài và bền vững các di tích trên địa bàn tỉnh, trong những năm qua các cấp, các ngành cũng như chính quyền địa phương luôn quan tâm đến việc đầu tư cho các dự án bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, đây thực sự là vấn đề cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, qua thực tế cho thấy bên cạnh những di tích đã được triển khai tốt các dự án quy hoạch, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo thì vẫn còn có những di tích khi

thực hiện tu bổ, tôn tạo chưa thực hiện đúng các nguyên tắc bảo tồn, các quy trình khoa học trong quá trình triển khai dự án. Do đó, ít nhiều cũng dẫn tới nhưng hậu quả như ảnh hưởng đến tính bền vững của di tích, làm thay đổi cảnh quan, môi trường, thậm chí làm suy giảm tính chân thực, hấp dẫn của di tích. Ngay cả di tích Rừng Trần Hưng Đạo cũng có một số điểm di tích khi tôn tạo, tu bổ, phục hồi cũng chưa đáp ứng nguyên tắc của các quy định về tu bổ, phục hồi di tích.

Trong quá trình bảo tồn, tu bổ, tôn tạo tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo vẫn còn tồn tại việc hợp đồng với những đơn vị chưa thực sự chuyên nghiệp về bảo tồn di sản văn hoá, vì vậy khó đảm bảo tính chân thực, khách quan. Do đó, trong thời gian tới cần nâng cao chất lượng công tác bảo tồn, tu bổ, tôn tạo di tích. Cần hợp tác với những đơn vị chuyên nghiệp hơn, có bề dày kinh nghiệm về công tác tu bổ, tôn tạo di tích.

Đồng thời, cần thực hiện nghiêm túc việc quản lý di tích. Một vấn đề có tính chất căn cốt và nền tảng cho công tác quản lý di sản văn hóa là phải xây dựng được ngân hàng dữ liệu khoa học về tất cả các điểm di tích, tích hợp mọi nguồn thông tin có liên quan tới di tích đã, đang và sẽ được triển khai “Ngân hàng dữ liệu” đó bao gồm:

- Hồ sơ khoa học về di tích
- Các bản vẽ kỹ thuật;
- Ảnh chụp hiện vật, di tích (đen trắng và màu), băng, đĩa ghi hình...;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;
- Các quy hoạch, kế hoạch, dự án tu bổ, tôn tạo di tích;

Khi đã được số hóa bằng công nghệ tin học cho phép dễ dàng kết nối các báo cáo thì ngân hàng dữ liệu như trên sẽ được phát huy sức mạnh lớn lao trong đời sống xã hội, phục vụ thiết thực cho công tác quản lý di tích. Khi nghiên cứu về công tác quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo, tác giả nhận thấy, để phục vụ cho hoạt động này, BQL di tích cũng như Sở

VHTT&DL Cao Bằng, Bảo tàng Cao Bằng chỉ có Hồ sơ xếp hạng di tích chứ không có cách thức quản lý nào khác đặc biệt là bằng công nghệ tin học để lưu giữ một cách an toàn và lâu dài. Hiện vật trong di tích chưa được bảo quản theo đúng quy định. Để khắc phục thực trạng này, thiết nghĩ nên bổ sung phương án quản lý di tích bằng công nghệ tin học. Như thế sẽ giúp hiện vật ảnh cùng tư liệu về di vật, hiện vật của di tích được bảo quản một cách bền vững hơn.

Các hiện vật, tài liệu của di tích cần phải thường xuyên thực hiện kiểm kê, bảo quản, bảo dưỡng, vệ sinh. Cần có giải pháp bảo quản áp dụng cho các tài liệu, hiện vật hiện nay đang trưng bày tại phòng trưng bày chung của di tích và trưng bày tại Đồn Phai Khắt. Có thể nhờ sự hỗ trợ của các chuyên gia bảo quản tại Bảo tàng lịch sử quân sự, Bảo tàng Hồ Chí Minh. Áp dụng những phương pháp bảo quản mới đối với từng loại chất liệu hiện vật.

Đồng thời cần tăng cường hoạt động sưu tầm các tài liệu hiện vật bổ sung cho trưng bày tại di tích, để công tác sưu tầm tư liệu, tài liệu hiện vật có liên quan đến sự kiện và nhân vật lịch sử tại khu di tích góp phần làm phong phú nội dung trưng bày cần có các biện pháp cụ thể. Trước hết cần xây dựng kế hoạch sưu tầm theo giai đoạn 2 năm hoặc 5 năm và kế hoạch sưu tầm hàng năm. Cần xác định địa chỉ sưu tầm tài liệu hiện vật, trong đó có các đơn vị quân đội, bảo tàng lịch sử quân sự, các bảo tàng binh chủng quân đội, các cựu chiến binh, các lão thành cách mạng... để phát hiện các tài liệu, hiện vật có liên quan đến sự kiện lịch sử của di tích, Có thể xây dựng kế hoạch trao đổi tài liệu, hiện vật với các bảo tàng để trưng bày theo từng đợt kỷ niệm. Bên cạnh đó cần hướng tới các viện nghiên cứu lịch sử, lịch sử quân sự, cách mạng để khai thác các tư liệu liên quan. Ban hành các văn bản, thư ngỏ phát động trong quần chúng nhân dân, vận động hiến tặng các hiện vật, tài liệu họ đang lưu giữ.

Trong hoạt động kiểm kê, bảo quản hiện vật có mấy vấn đề cần quan tâm, đó là trước hết phải tiến hành kiểm kê khoa học, đánh số cho các tài liệu hiện vật. Công tác kiểm kê cần thực hiện theo hướng dẫn trong quy chế kiểm kê hiện vật bảo tàng để đảm bảo tính thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Thứ hai là, cần phân loại chất liệu hiện vật để áp dụng chế độ bảo quản thích hợp với từng chất liệu. Cùng với đó là cần trang bị các thiết bị bảo quản như: Máy điều hòa không khí, máy hút ẩm, camera giám sát an ninh, hệ thống cứu hỏa, phòng cháy, báo cháy...

Các hiện vật trong trưng bày cũng cần nghiên cứu thiết kế các loại tủ, bục bệ...đảm bảo kỹ thuật và mỹ thuật. Hệ thống chiếu sáng phải đảm bảo kỹ thuật, tránh làm ảnh hưởng trực tiếp đến tài liệu, hiện vật.

Đối với các hoạt động này BQL cũng cần phải có kế hoạch bố trí kinh phí để đảm bảo thực hiện. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước cấp BQL cần sử dụng hợp lý một phần nguồn thu từ lệ phí tham quan để hỗ trợ hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích. Nhất là các hạng mục sửa chữa, tu sửa nhỏ chứ không trông chờ, ỷ lại vào các nguồn ngân sách cấp. Đây là những nội dung quan trọng cần ưu tiên trong quá trình vận hành di tích.

3.3.5. Nâng cao chất lượng tuyên truyền quảng bá về di tích

Trong thời kỳ cách mạng 4.0, công nghệ số hiện nay thì Truyền thanh, truyền hình, báo chí, sách giới thiệu, tờ rơi... là một trong những cách quảng bá, giới thiệu nhanh nhất, tiện lợi nhất, tới đông đảo công chúng mà không bị giới hạn về không gian lại có đối tượng và phạm vi rộng. Hiện nay, Khu di tích đã xây dựng một chương trình giới thiệu về Khu Di tích trên mạng internet (fanpage) để khách trong nước và quốc tế có thể hiểu sâu hơn về Khu Di tích. Bên cạnh đó cần phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam... xây dựng các chương trình giới thiệu về các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng nói chung, di tích rừng Trần Hưng Đạo nói riêng.

Trước hết cần thiết kế chương trình hướng dẫn khách tại các điểm di tích phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách tham quan. Biên tập nội dung thuyết minh phù hợp với từng đối tượng. Có thể xác định các đối tượng cơ bản như: Đối tượng nghiên cứu, lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, các tướng lĩnh cao cấp trong quân đội, đối tượng khách du lịch, các em học sinh, sinh viên, các cựu chiến binh của Việt Nam, của nước ngoài, nhất là đối tượng CCB Pháp. Lượng thông tin trong nội dung thuyết minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu của các đoàn khách tham quan. Việc biên soạn các bài giới thiệu cũng phải được nghiên cứu kỹ, thường xuyên bổ sung, cập nhật qua các nguồn thông tin và nhu cầu của khách tham quan. Trong thực tế, di tích rừng Trần Hưng Đạo những năm vừa qua đã tiếp đón rất nhiều đoàn lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước, các cơ quan đơn vị, các lực lượng binh chủng trong quân đội đến tham quan và báo công tại di tích. Do đó Ban lãnh đạo BQL cần nhận thức việc nâng cao chất lượng đón tiếp khách, chất lượng thuyết minh, hướng dẫn là việc làm cần thiết và quan trọng đối với việc quản lý di tích và bảo vệ, phát huy giá trị của di tích. Cần chú trọng nâng cao chất lượng, ý thức trách nhiệm, trau dồi kiến thức nhằm thực hiện hiệu quả cao nhất trong công tác đón tiếp khách, để lại ấn tượng tốt đẹp cho các đoàn khách đến tham quan, nghiên cứu, học tập tại di tích.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã nhấn mạnh: Đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Cao Bằng trở thành trung tâm du lịch của khu vực trung du và miền núi phía Bắc là một trong ba nội dung đột phá của tỉnh. Có thể thấy rõ được vị trí vai trò của phát triển du lịch trong sự phát triển toàn diện chung về kinh tế - xã hội của tỉnh. Nguồn tài nguyên du lịch chính là hệ thống DSVH, trong đó di tích đóng vai trò quan trọng. Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh nhiều di tích đã được đưa vào khai thác giá trị phục vụ du khách, thúc đẩy nhiều

hoạt động dịch vụ phát triển làm thay đổi bộ mặt đời sống kinh tế của người dân địa phương. Lượng khách du lịch đến với di tíchQGĐBRừng Trần Hưng Đạo ngày một tăng, năm sau cao hơn năm trước, tạo tiền đề cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú trọng các ngành nghề dịch vụ. Đây là một trong những nguồn lực kinh tế quan trọng tạo ra nguồn thu nhập cho cộng đồng địa phương, tạo sinh kế cho người dân vùng di tích. Đó đó cần đẩy mạnh, tăng cường các hoạt động xuất bản các ấn phẩm, nghiên cứu khoa học, tổ chức các buổi tọa đàm khoa học về nâng cao chất lượng phục vụ khách tham quan tại Di tích; Tổ chức hội thảo, triển lãm chuyên đề, hội nghị khoa học với quy mô lớn, chất lượng cao hơn, nhằm thu hút các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu về trong và ngoài tỉnh hiến kế cho Ngành văn hoá và BQL các giải pháp nâng cao chất lượng công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tíchQGĐBRừng Trần Hưng Đạo.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh các di tíchQGĐB của tỉnh, trong đó có Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Xây dựng các tài liệu, ấn phẩm, video tuyên truyền về khu di tích. Quảng bá những hình ảnh, hoạt động của khu di tích trên các trang thông tin điện tử của Ban quản lý, các trang mạng xã hội,...thu hút khách tham quan đến di tích, góp phần phát huy những giá trị của di tích. Một điều cũng rất quan trọng nữa, đó là khi xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu về di tích cần ngắn gọn, thông tin đầy đủ và được viết bằng nhiều thứ tiếng (ưu tiên tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc). Trong đó cần có sơ đồ các điểm di tích, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách tham quan.

Tăng cường và đẩy mạnh hoạt động xã hội hoá và đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền giáo dục như: Tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức nhiều buổi sinh hoạt truyền thống: Báo công, kết nạp đội, kết nạp đoàn, kết nạp đảng, gặp mặt các thế hệ cựu chiến binh,

thanh niên xung phong, tổ chức trại hè cho các cháu thiếu nhi, các buổi lễ phát động thi đua...; các buổi gặp mặt những người đã từng phục vụ Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp để nghe nói chuyện và khai thác, sưu tầm thêm các nguồn tư liệu quý phục vụ cho công tác tuyên truyền giáo dục... Đặc biệt, cần nghiên cứu đề xuất, sáng tạo các hình thức, nội dung tổ chức để thu hút nhiều đơn vị, tổ chức tham gia và tổ chức các sự kiện tại Khu di tích.

Đặc biệt, việc xây dựng điểm đến và các nội dung gắn với việc quảng bá về các di tích có ý nghĩa quan trọng nhằm thu hút khách đến với di tích. Vì vậy, cần phối hợp tốt việc quảng bá, thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng các tour du lịch gắn với các di tích lưu niệm, di tích lịch sử. Đồng thời nghiên cứu xây dựng các sản phẩm du lịch gắn liền với nội dung lịch sử của di tích và đặc trưng độc đáo, đặc sắc của vùng núi Nguyên Bình.

Chủ động phối hợp với các trường học để xây dựng các chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp nhằm thu hút một lượng khách tiềm năng đến khu di tích, để nơi đây trở thành trường học thực tiễn, sinh động cho học sinh, sinh viên, học viên các trường, các trung tâm đào tạo trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, có thể cử các cán bộ đến các trường để nói chuyện chuyên đề lịch sử nhằm tuyên truyền sâu rộng về di tích Rừng Trần Hưng Đạo và các di tích liên quan. Tạo điều kiện và chủ động phối hợp với các trường học tổ chức các buổi ngoại khoá, kết nạp đoàn viên, đội viên, dâng hương tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ. Khuyến khích các trường học trên địa bàn tổ chức các hoạt động bảo vệ môi trường tại di tích như chăm sóc cây cảnh, khuôn viên di tích, trồng cây lưu niệm, tổng vệ sinh vào các kỳ nghỉ cuối tuần...nhằm giáo dục cho các em ý thức bảo vệ phát huy giá trị di tích. Nâng cao niềm tự hào về truyền thống lịch sử cách mạng của quê hương, có ý thức xây dựng quê hương, đất nước.

Bên cạnh các giải pháp trên cần tổ chức thăm dò từ công chúng về hiệu quả của cơ quản lý di tích, công tác đón tiếp, phục vụ, hướng dẫn thuyết minh tại di tích. Có thể xây dựng phiếu hỏi hoặc phiếu trưng cầu ý kiến. Xây dựng nội dung các phiếu hỏi cho từng đối tượng khác nhau. Tuy nhiên, trong bảng hỏi cần có những nội dung cơ bản như:

- Thông tin cá nhân
- Những nhận thức mới khi đến tham quan tại di tích
- Đánh giá tinh thần phục vụ của cán bộ chuyên môn của di tích
- Đề xuất, kiến nghị của khách tham quan nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong việc quản lý và phát huy giá trị di tích

3.3.6. Đẩy mạnh xã hội hoá, tăng cường phối hợp liên ngành, nâng cao vai trò của cộng đồng dân cư

Hoạt động xã hội hoá, huy động sức mạnh của nhiều nguồn lực để tu bổ, tôn tạo di tích ngày càng được các cấp, các ngành quan tâm. Trong khi nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, việc đầu tư xã hội hoá là một trong những giải pháp nhiệm vụ then chốt để tăng cường nguồn lực cho việc tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di tíchQGĐB Rừng Trần Hưng Đạo. Do đó cần đa dạng hoá các hình thức thu hút đầu tư của các nguồn lực xã hội, từ các tổ chức, doanh nghiệp, các cá nhân. Không chỉ tiếp nhận bằng kinh phí trực tiếp mà cần tiếp nhận các hình thức gián tiếp như tiếp nhận các vật phẩm như các loại giống cây phù hợp thổ nhưỡng di tích, các bộ bàn ghế đá phục vụ nhu cầu nghỉ chân của du khách, các hệ thống đèn chiếu sáng trong di tích, những công trình phụ trợ cho việc phục vụ du khách (nhà vệ sinh, đường đi nội bộ trong di tích). Tuy nhiên, cần định hướng để những đóng góp này phù hợp với cảnh quan môi trường, phù hợp với nội dung lịch sử của di tích.

Bên cạnh đó có thể vận động sự hỗ trợ nguồn lực của các tổ chức đoàn thể, xã hội như Hội CCB, UB MTTQ ... Những hỗ trợ từ các nguồn xã hội hoá

sẽ góp phần hỗ trợ tích cực, hiệu quả trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo.

Để khuyến khích và tri ân sự đóng góp của các tổ chức cá nhân cần xây dựng cơ chế, chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với những tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, ủng hộ, hỗ trợ công tác xã hội hoá tu bổ, tôn tạo di tích. Di tích được đầu tư sẽ tạo được sức hấp dẫn thu hút khách đến với di tích, tạo điều kiện phát triển các dịch vụ kinh doanh phục vụ du khách cho cộng đồng địa phương.

Để làm tốt công tác xã hội hoá cần tăng cường trách nhiệm các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ngành chức năng đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ để có thể hiểu được giá trị, ý nghĩa của khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc bảo vệ giá trị di tích. Thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động tại khu di tích, kết hợp giữa nhà trường với di tích, gắn việc học tập tại trường với học tập ngoại khóa tại khu di tích cho học sinh trên địa bàn tỉnh để khơi dậy lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa của địa phương.

Bên cạnh đó, cần tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư lớn từ nhiều nguồn khác nhau đặc biệt là kinh phí từ xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội vào xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại khu di tích, xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi, cơ sở lưu trú, các dịch vụ sinh hoạt cộng đồng... để thực hiện tốt công tác bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị của di tích, góp phần tích cực vào phát triển du lịch bền vững của địa phương.

Tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của Bộ Quốc phòng, của Bộ Tư lệnh Quân khu I trong thực hiện các dự án quy mô lớn nhằm bảo tồn, tôn tạo, tu bổ di tích. Nghiên cứu tham mưu đề xuất các hạng mục cần đầu tư, ưu tiên

các hạng mục đang xuống cấp, các hạng mục đã được phục hồi nhưng chưa đảm bảo các nguyên tắc về tu bổ, tôn tạo di tích. Lựa chọn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm không tràn lan gây lãng phí, kém hiệu quả trong việc bảo tồn, tôn tạo di tích. Chú ý vận động các đơn vị, các binh chủng quân đội để huy động sự đóng góp cho di tích. Với di tích QGDB Rừng trần Hưng Đạo, là di tích lưu niệm gắn liền với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và sự ra đời của quân đội nhân dân Việt Nam, đây là hướng đi đúng đắn, để nhận được sự ủng hộ chung tay đóng góp cho việc bảo tồn, tôn tạo di tích.

Để thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan, giữa các cấp, các ngành thực sự có chất lượng, hiệu quả trong quá trình quản lý di tích QGDB Rừng Trần Hưng Đạo, cần xây dựng và ban hành quy chế phối hợp quản lý di tích và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Các đơn vị trực tiếp tham gia vào công tác quản lý di tích như: BQL các di tích QGDB, Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Thanh tra Sở VH TT & DL, Bảo tàng tỉnh, UBND xã Tam Kim và Hoa Thám có trách nhiệm phối hợp thực hiện. Nội dung của quy chế phối hợp cần xác định rõ những công việc cần phối hợp thực hiện, cơ chế phối hợp công tác, giải pháp xử lý những vướng mắc trong quá trình phối hợp, trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị, bộ phận trong việc thực hiện quy chế phối hợp, đặc biệt là trách nhiệm của những người trực tiếp quản lý tại di tích. Những hoạt động trên nếu được thực hiện một cách nghiêm túc sẽ giúp tăng cường hiệu quả quản lý di tích và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Bên cạnh đó, cần tiếp tục huy động sức mạnh của cộng đồng, nhất là vai trò của chính quyền địa phương, các đoàn thể chính trị - xã hội và quần chúng nhân dân địa phương tham gia vào việc bảo tồn, phát huy giá trị của di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo.

UBND huyện Nguyên Bình và các phòng chuyên môn như Phòng VH TT, TTVH & TT chủ động phối hợp có hiệu quả với các đơn vị trực tiếp

quản lý di tích trong việc tuyên truyền quảng bá, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích.

Sở VH TT&DL cần tăng cường, kiểm tra định kỳ và đột xuất các nội dung sau: Công tác quản lý di tích; trách nhiệm của chính quyền, các đoàn thể ở huyện, xã phải gắn với việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích; Tăng cường giám sát chuyên môn để nâng cao chất lượng các dự án tu bổ di tích. Đồng thời, tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các chủ đầu tư dự án thực hiện nghiêm Luật Di sản văn hóa, Quy định về Bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các quy định về đầu tư xây dựng cơ bản khi triển khai các dự án tu bổ di tích (bất kể các dự án được triển khai bằng nguồn vốn đầu tư nào). Bên cạnh đó, cần tăng cường kiểm tra hoạt động bảo quản, bảo vệ, tu bổ và phục hồi di tích; nhằm kịp thời phát hiện, điều chỉnh các sai sót có thể xảy ra trong quá trình triển khai các dự án. Cần phát huy trách nhiệm giám sát của cộng đồng, tránh để xảy ra sai phạm rồi mới xử lý nhằm bảo vệ tối đa các yếu tố gốc cấu thành di tích trong quá trình bảo quản, tu bổ. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện đúng các quy trình, quy định, thủ tục triển khai các dự án tu bổ di tích. Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền rộng rãi về giá trị của di tích, lý do bảo quản, tu bổ, phục dựng di tích và nội dung dự án tu bổ di tích trước khi triển khai. Mục đích của việc này là để nhân dân được biết, tham gia, đóng góp ý kiến nhằm thống nhất, nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của xã hội về việc thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích. Khi hoàn thành dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích cần có hình thức thích hợp để giới thiệu giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật của di tích; ngày khởi công, ngày hoàn thành; những tổ chức, cá nhân đóng góp tài chính; đơn vị thi công.

Nâng cao vai trò hiệu quả của thanh tra liên ngành, nhằm kiểm tra giám sát tất cả các hoạt động liên quan đến công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá

trị của di tích, đặc biệt là trong các hoạt động tu bổ, tôn tạo; kinh doanh dịch vụ; khai thác các sản phẩm văn hoá liên quan đến di tích...nhằm phát hiện sớm các vi phạm và xử lý kịp thời khi có các sai phạm xảy ra trong quản lý DSVH nói chung. Nhờ đó, đơn đốc các cơ quan quản lý di tích thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý, bảo vệ, không để xảy ra các sai phạm lớn đến mức phải xử lý hình sự hoặc xử phạt hành chính, nhất là đối với các di tích quan trọng đã được công nhận là di tích QGĐB.

Một nội dung khá quan trọng mà nhiều BQL di tích ít quan tâm, đó là công khai đường dây nóng ở vị trí trung tâm của di tích để kịp thời tiếp nhận những thông tin và xử lý những vi phạm có thể xảy ra tại di tích. Đồng thời tạo điều kiện để du khách đóng góp ý kiến nhằm phát huy vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý, bảo vệ phát huy giá trị di tích. Nâng cao ý thức tự giác của cộng đồng, của từng công dân trong việc giám sát các hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực thi nhiệm vụ theo quy định nói chung, của BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng nói riêng.

Tiểu kết

Để phát huy giá trị các di tích QGĐB của Cao Bằng nói chung, và di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo nói riêng đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị Di sản Văn hoá và phát triển du lịch bền vững, cần có những giải pháp cụ thể và đồng bộ về quản lý, định hướng tầm nhìn chiến lược, các dự án về xúc tiến, quảng bá, bảo tồn, đào tạo nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hoá gắn với phát triển du lịch. Những giải pháp tác giả ra nêu ra dựa trên kết quả nghiên cứu, tiếp thu những kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý về di tích lịch sử văn hóa ở Cao Bằng nói chung, BQL các di tích Quốc gia đặc biệt nói riêng trong những năm vừa qua, nhất là từ khi BQL các di tích QGĐB được thành lập. Một số giải pháp nêu trên nhằm góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập đang xảy ra đồng thời hy vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý đối với di tích

Rừng Trần Hưng Đạo trong giai đoạn hiện nay. Những giải pháp này cũng được luận văn lý giải rõ ràng và tập trung vào những hạn chế trong quá trình quản lý. Tác giả hy vọng, những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động quản lý di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo trong tương lai, góp phần làm cho di tích Rừng Trần Hưng Đạo trở thành một điểm du lịch thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương trong thời gian tới.

KẾT LUẬN

1. Di sản văn hoá hàm chứa những giá trị về lịch sử, văn hoá và khoa học. Xét dưới góc độ phát triển, đây là nguồn tài nguyên, nguồn lực đặc biệt có thể khai thác để góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Việc khai thác các DSVH, các DTLS văn hoá khẳng định được vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hệ thống di tích trong bối cảnh phát triển hiện nay. Qua nghiên cứu hệ thống văn bản quản lý nhà nước về DSVH nói chung, DTLS văn hoá nói riêng, tác giả nhận thấy, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, trong đó chú trọng việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, về DSVH. Thời gian qua, trên cả nước nói chung, công tác quản lý nhà nước về văn hóa đã đạt được nhiều kết quả khả quan. Việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa ở nước ta đã và đang tiếp tục được hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa, tích cực bảo vệ các quyền và nghĩa vụ của nhân dân, tác động sâu rộng đến đời sống văn hóa của đất nước. Xác định rõ tầm quan trọng của các DTLS văn hoá, tỉnh Cao Bằng cũng đã xây dựng một số văn bản nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về Di sản văn hoá nói chung, các di tích lịch sử văn hoá và Danh lam thắng cảnh nói riêng.

2. Các chủ thể quản lý di tích lịch sử văn hoá được quy định cụ thể từ Trung ương đến địa phương. Cao Bằng là tỉnh có bề dày, lịch sử văn hóa, giàu truyền thống cách mạng. Hệ thống di tích Lịch sử - Văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh đa dạng và phong phú. Để các địa phương trong tỉnh có cơ sở pháp lý chủ động trong việc quản lý và phát huy giá trị di tích, tích cực xã hội hóa trong hoạt động đầu tư, tôn tạo di tích. UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quy định phân cấp quản lý di tích

Lịch sử - Văn hóa và Danh lam thắng cảnh; Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3. Di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo là nơi ghi dấu sự ra đời và hoạt động của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là nơi gắn liền với cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo có giá trị đặc biệt quan trọng trong hệ thống các di tích về lịch sử quân sự và cách mạng Việt Nam nói chung, hệ thống di tích lịch sử văn hoá của Cao Bằng nói riêng. Nơi đây lưu giữ một hệ thống các di tích gắn liền với giai đoạn lịch sử đặc biệt quan trọng của cách mạng Việt Nam và đến nay đã trở thành địa chỉ đỏ trên hành trình về nguồn Cao Bằng. Vì vậy, công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Rừng Trần Hưng Đạo là vấn đề cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sát sao của các cấp chính quyền, sự liên kết, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các ngành, địa phương nơi có di tích, trong đó trước hết phải nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý trực tiếp di tích đó là Ban quản lý các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng. Từ khi thành lập BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng, BQL cũng đã phát huy tương đối tốt vai trò quản lý và bảo tồn phát huy giá trị của di tích Rừng Trần Hưng Đạo. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được BQL vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế. Để quản lý tốt di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo, việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng, tìm ra những hạn chế, tồn tại trong công tác quản lý để đề ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý là vấn đề cấp thiết. Những nhiệm vụ, giải pháp quản lý trong luận văn mang tính định hướng, đảm bảo sự hợp lý, hài hòa, phù hợp với quá trình phát triển, đảm bảo tính bền vững trong việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Rừng Trần

Hung Đạo trước những ảnh hưởng của xã hội đương đại đã được tác giả xác định là nhiệm vụ trọng tâm và được nghiên cứu phản ánh trong luận văn.

4. Tỉnh Cao Bằng không có Ban quản lý di tích mà thực hiện phân cấp quản lý di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh. Di tích Rừng Trần Hưng Đạo là di tích Quốc gia đặc biệt chịu sự quản lý của BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng, là đơn vị trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài hy vọng sẽ giúp cho hoạt động quản lý di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo hiệu quả hơn, khắc phục được những hạn chế; góp phần thúc đẩy sự phát triển của hoạt động du lịch tỉnh Cao Bằng nói chung và huyện Nguyên Bình nói riêng trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Bài (2005), *Tiếp cận thực tế công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo tinh thần của Luật di sản Văn Hóa, trong Một con đường tiếp cận di sản văn hóa, tập 1*, Nxb Cục Di sản Văn hóa, Hà Nội.
2. Đặng Văn Bài (2007), *Bảo tồn di tích và cuộc sống đương đại, Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học*, Hà Nội.
3. Đặng Văn Bài (2001), *Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn Di sản văn hóa*
4. Ban quản lý di tích QGDB tỉnh Cao Bằng (2014), *Lý lịch di tích Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*.
5. Trương Quốc Bình (2016), *Bảo tồn kho tàng di sản văn hóa Việt Nam*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
6. Bảo tàng tỉnh Cao Bằng (2013) *Đại tướng Võ Nguyên Giáp với quê hương cách mạng Cao Bằng* (kỷ yếu hội thảo).
7. Bảo tàng tỉnh Cao Bằng (2017), *Giới thiệu di tích lịch sử văn hoá và Danh lam thắng cảnh tỉnh Cao Bằng* (tư liệu tổng hợp).
8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Cục Di sản Văn hóa (2019), *Văn bản Quản lý nhà nước về Di sản văn hóa*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
9. Cục Di sản văn hoá (2012), *Tuyển tập văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động bảo tàng* (tuyển dịch), người dịch: Nguyễn Đạt Thức, biên soạn: Cục văn vật quốc gia Trung Quốc, Hiệp hội bảo tàng Trung Quốc.
10. Cục Di sản văn hoá (2007), *Bảo vệ di sản văn hoá phi vật thể tập 1*, Hà Nội
11. Lê Ngọc Dũng (2005), *Tổ chức, quản lý và khai thác các di tích và danh thắng ở Việt Nam trong cơ chế thị trường*, Nxb VH TT, Hà Nội.
12. Nguyễn Đăng Duy, Trịnh Thị Minh Đức (1993), *Bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
13. Phạm Duy Đức (2010), *Phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2011 -*

- 2020 xu hướng và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Đảng cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Đảng về phát triển kinh tế - xã hội đổi mới (1986) đến nay (2014)*, Nxb chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
 15. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 16. Trịnh Thị Minh Đức, Phạm Thu Hương (2007), *Bảo tồn Di tích lịch sử Văn hóa*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
 17. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (đồng chủ biên) (2011), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 18. Võ Nguyên Giáp (1977), *Những chặng đường lịch sử*, Nxb văn học, Hà Nội.
 19. Nguyễn Thị Thu Hà, *Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở đô thị cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.
 20. *Hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu* (2004), Nxb Xây dựng.
 21. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3* (2011), Nxb chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.
 22. Hội Di sản văn hoá Việt Nam - Ban quản lý Danh thắng Hà Nội (2011) *Giá trị lịch sử miếu Phùng Khoang, xã Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội* (Kỷ yếu Hội thảo).
 23. Hội đồng quốc gia (2005), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa.
 24. Nguyễn Thế Hùng (2007), “Phát huy giá trị di tích phục vụ sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước”, *Tạp chí Di sản văn hóa số 20 - 2007*, Hà Nội.
 25. Hoàng Đạo Kính (2002), *Di sản văn hóa bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

26. Mai Hữu Khuê (2003), Quản lý hành chính nhà nước., Nxb Hà Nội.
27. Nông Thị Liễu (2023) "*Quản lý di tích quốc gia đặc biệt Địa điểm chiến thắng chiến dịch Biên Giới 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng*" luận văn thạc sĩ trường Đại học sư phạm nghệ thuật TW.
28. Hoàng Thị Lê (2023) "*Quản lý di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng*", Luận văn thạc sĩ trường Đại học sư phạm nghệ thuật TW.
29. Lục Thị Minh Ngọc (2014), *Nâng cao vai trò của Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh Cao Bằng*, Luận văn thạc sĩ trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn.
30. Nguyễn Tri Nguyên (2006), *Văn hóa - Tiếp cận lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
31. Trần Đức Nguyên (2015), *Quản lý di tích lịch sử văn hóa ở Bắc Ninh trong quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa*, Luận án tiến sĩ văn hóa học, chuyên ngành quản lý văn hóa, Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam, Hà Nội
32. Lý Thị Hương Nhân (2017), *Quản lý Di tích lịch sử - văn hoá đình Lạc Giao, thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Như (2018), *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa Đền Mỗ, xã Ngũ Phúc huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành quản lý văn hóa, Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
34. Hoàng Văn Phương, *Giá trị lịch sử - văn hóa của quần thể di tích Phố Hiến (2014)*, Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.

35. Quốc hội (2001), *Luật Di sản Văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Quốc hội (2001), *Luật sửa đổi bổ sung Luật Di sản văn hóa và Nghị định hướng dẫn thi hành* (2001), Nxb Chính trị Quốc gia.
37. Quốc hội (2009), *Luật Di sản văn hóa và một số văn bản có liên quan* (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), Nxb Văn hóa thông tin.
38. Quốc hội (2009), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật di sản*, Nxb Lao động, Hà Nội.
39. Dương Văn Sáu (2008), *Di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
40. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng (2012), *Thuyết minh tổng hợp Quy hoạch xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng*, Nxb Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng, Cao Bằng.
41. Trần Ngọc Thêm (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
42. Nguyễn Hữu Thụ (2016), *Tâm lý học quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
43. Lưu Trần Tiêu (2002), “Bảo tồn và phát huy DSVH Việt Nam”, *Tạp chí VHNT*, (5), tr.34-37.
44. Tỉnh Ủy Cao Bằng (2021), *Kỷ yếu tọa đàm Đại Tướng Võ Nguyên Giáp với quê hương cội nguồn cách mạng Cao Bằng kỷ niệm 110 năm Ngày sinh của Đại tướng Võ Nguyên Giáp (25/8/1991-25/8/2021)*, Nxb Tỉnh ủy Cao Bằng, Cao Bằng.
45. Tỉnh Ủy, Hội đồng nhân dân ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Viện sử học Việt Nam (2009), *Lịch sử tỉnh Cao Bằng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh Cao Bằng, *Địa chí Cao Bằng (2000)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Xuân Trung (2016), *Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*, Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành quản lý văn

- hóa, Trường đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương, Hà Nội.
48. Phạm Văn Tú (1999), *Đại cương về khoa học quản lý*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
 49. UNESCO (1972), *Công ước về bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới*, (nguồn whc.unesco.org).
 50. UNESCO, *Hướng dẫn thực hiện công ước di sản thế giới*.
 51. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (2010), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Từ điển Bách khoa.
 52. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (2020), *Từ điển Anh- Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
 53. Hoàng Vinh (1997), *Một số vấn đề bảo tồn và phát triển di sản văn hóa dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 54. Hoàng Vinh (1999), *Thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
 55. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin.
 56. Arthur Perdesen, *Quản lý du lịch tại các khu di sản thế giới: Tài liệu hướng dẫn thực tiễn cho các nhà quản lý Khu di sản thế giới*.
 57. Brian Garrod, Alan Fyall Brian Garrod, (2000), *Managing heritage Annals of tourism research*.
 58. Peter Howard, *Di sản: Quản lý, diễn giải và bản sắc*.(2003), *Heriatge: Mangement, Interpretation, Identity*; Continuum, London - New York.
 59. Zhan Chang Yuan (2010), *Culture Industrial management (Quản lý công nghiệp văn hóa)*, Tsinghua university.
 60. Trang thông tin điện tử Sở thông tin và Truyền thông Cao Bằng, *Truyền thống Văn hóa - Lịch sử Cao Bằng*, (www.sottht.caobang.gov.vn), (2021)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

BÙI CẨM ANH

**QUẢN LÝ DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO (HUYỆN NGUYÊN BÌNH,
TỈNH CAO BẰNG)**

**PHỤ LỤC
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA**

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

Phụ lục 1: MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG.....	128
Phụ lục 2: DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ NỘI DUNG PHỎNG VẤN.....	221
Phụ lục 3: ẢNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI KHU DI TÍCH QGĐB RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO.....	225

Phụ lục 1
MỘT SỐ VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG
VÀ ĐỊA PHƯƠNG

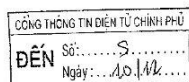
1. *Quyết định số 2383/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, Hà Nội.*

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2383 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH
Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại tờ trình số 285/TTr-BVHTTDL ngày 03 tháng 12 năm 2013; ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia tại công văn số 25/BC-HĐDSVHQG ngày 12 tháng 11 năm 2013 và công văn số 31/BC-HĐDSVHQG ngày 02 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (đợt 4) các di tích sau:

1. Di tích lịch sử Đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh (các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước).

2. Di tích lịch sử Đền Hai Bà Trưng (huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội).

3. Di tích lịch sử Đền Hát Môn (huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội).

4. Di tích lịch sử Khu di tích Nhà Trần tại Đông Triều (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh).

5. Di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo (huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng).

6. Di tích lịch sử Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải (huyện Vĩnh Linh và huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị).

7. Di tích lịch sử Thành cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972 (thị xã Quảng Trị, huyện Hải Lăng và huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị).

8. Di tích lịch sử Chiến thắng Chương Thiện (thành phố Vị Thanh và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang).

9. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Đền Phù Đổng (huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội).

10. Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Hồ Hoàn Kiếm và Đền Ngọc Sơn (quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

11. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tây Đằng (huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội).

12. Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Bút Tháp (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

13. Di tích kiến trúc nghệ thuật Chùa Dâu (huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh).

14. Danh lam thắng cảnh Quần đảo Cát Bà (huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng)

Khu vực bảo vệ di tích được xác định theo Biên bản và Bản đồ các khu vực bảo vệ di tích trong hồ sơ.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di tích được xếp hạng tại Điều 1 của Quyết định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước đối với di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

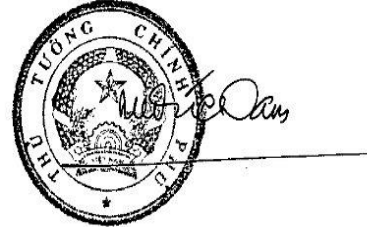
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di tích được xếp hạng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

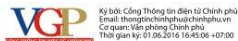
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục DSVH, TCDL (Bộ VH-TT-DL);
- Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TĐT, các Vụ: V.III, KTN, KTTH, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). *gr*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



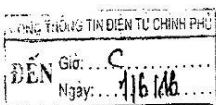
Vũ Đức Đam

2. *Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 27/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành tiêu chí, quy trình thủ tục công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu.*



TTĐT (2)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **897** /QĐ-TTgHà Nội, ngày **27** tháng 5 năm 2016**QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành tiêu chí, quy trình thủ tục công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí, quy trình thủ tục công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu như sau:

1. Đối tượng

a) Đơn vị hành chính cấp xã (theo địa bàn hiện nay) có các sự kiện lịch sử cách mạng liên quan đến tiêu chí xác định xã An toàn khu.

b) Vùng (gồm các đơn vị hành chính cấp xã theo địa bàn hiện nay ở trong vùng) có các sự kiện lịch sử cách mạng liên quan đến tiêu chí xác định vùng An toàn khu.

2. Tiêu chí xác định xã An toàn khu, vùng An toàn khu

a) Xã An toàn khu phải có 03 trong 05 tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Được cấp ủy đảng từ Khu ủy, Quận ủy trở lên chỉ đạo xây dựng An toàn khu cách mạng (nơi có các điều kiện về địa hình, địa thế, chính trị, quân sự, kinh tế - xã hội, dân cư và bảo đảm an toàn cho các hoạt động lãnh đạo cách mạng của Đảng trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ).

- Tiêu chí 2: Nơi ở (nuôi, giấu, giữ bí mật), làm việc và hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phong trào cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ của các đồng chí cán bộ của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp Khu và Quân khu trở lên.

- Tiêu chí 3: Nơi diễn ra các sự kiện đặc biệt quan trọng, có các quyết sách chiến lược của Đảng mang tính chất bước ngoặt trong các giai đoạn của 02 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ hoặc nơi đóng trụ sở các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp Khu và Quân khu trở lên, trụ sở ngoại giao (Sứ quán, Tổng Lãnh sự quán,...) của nước ngoài, cơ quan Bộ Chỉ huy Mặt trận cấp chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

- Tiêu chí 4: Nơi đóng quân, đào tạo, huấn luyện, tập kết, trung chuyển của các lực lượng vũ trang (quân đội, công an) từ cấp đại đội trở lên; nơi có kho cất trữ lương thực, thực phẩm, vũ khí, khí tài, quân trang, quân dụng,... trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ phục vụ cho Mặt trận cấp chiến dịch hoặc cấp Quân khu trở lên.

- Tiêu chí 5: Nơi có cơ sở và phong trào cách mạng vững mạnh trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; đồng thời, lực lượng vũ trang của địa phương đã chủ động hoặc phối hợp với lực lượng vũ trang chính quy tổ chức các trận đánh địch để bảo vệ an toàn cho cán bộ, cơ quan, tổ chức của Đảng và Nhà nước đóng trên địa bàn hoặc là nơi đã diễn ra trận đánh thắng lợi quan trọng góp phần tạo ra cục diện chiến trường lợi thế cho cách mạng và kháng chiến tại địa bàn và khu vực lân cận.

b) Vùng An toàn khu phải có đủ 02 tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Vùng có địa bàn thuộc 01 hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện liền kề của 01 hoặc một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các đơn vị hành chính cấp xã trong vùng này có cơ sở và phong trào cách mạng vững mạnh trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

- Tiêu chí 2: Có từ 30% trở lên số đơn vị hành chính cấp xã trong vùng được công nhận xã An toàn khu, trong đó có đơn vị hành chính cấp xã được phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc có các Di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia, các công trình di tích lịch sử cách mạng được các tổ chức, cơ quan từ cấp Khu ủy, Quân khu trở lên đầu tư xây dựng trên địa bàn.

3. Quy trình thủ tục, hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu:

a) Quy trình thủ tục công nhận xã An toàn khu:

Căn cứ các tiêu chí xác định xã An toàn khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trực thuộc có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu theo quy trình thủ tục như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ khoa học công nhận xã An toàn khu, báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp, lập tờ trình kèm theo hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận xã An toàn khu.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu của Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ, báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp, lập tờ trình (kèm theo hồ sơ) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hội đồng thẩm định cấp huyện có từ 05 đến 07 người, gồm: Đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, các phòng, ban, đoàn thể liên quan thuộc huyện và đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã có hồ sơ đề nghị.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu của Ủy ban nhân dân cấp huyện bảo đảm theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ (Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định), báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp, lập tờ trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo hồ sơ), gửi Bộ Nội vụ để tổ chức thẩm định.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm theo đúng quy định, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các Bộ, cơ quan liên quan tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Trong trường hợp hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, các cơ quan nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và hướng dẫn để địa phương, cơ sở biết, thực hiện.

b) Quy trình thủ tục đề nghị công nhận vùng An toàn khu:

- Trường hợp vùng An toàn khu thuộc địa bàn của 01 tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ tiêu chí xác định vùng An toàn khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ theo quy định đề nghị công nhận vùng An toàn khu thuộc địa bàn của địa phương, báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp, lập tờ trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo hồ sơ), gửi Bộ Nội vụ để tổ chức liên ngành thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Trường hợp vùng An toàn khu thuộc địa bàn của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ hồ sơ đề nghị của các địa phương liên quan và tiêu chí xác định vùng An toàn khu, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ, lập tờ trình và danh sách các xã An toàn khu trong vùng (hồ sơ của các địa phương kèm theo) trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Trong trường hợp hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Nội vụ có văn bản trả lời và hướng dẫn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh biết, thực hiện.

c) Hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu, gồm có:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu.

- Hồ sơ khoa học của xã An toàn khu, vùng An toàn khu, bao gồm: Phân lý lịch (trong đó nêu rõ tên gọi trước đây và hiện nay của xã, các xã trong vùng; vị trí, diện tích và dân số hiện nay của xã, các xã trong vùng; nêu rõ và phân tích các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng, thành tích phục vụ cách mạng được cấp có thẩm quyền ghi nhận,... diễn ra trên địa bàn); bảng tổng hợp các sự kiện, di tích lịch sử cách mạng; các tài liệu, tư liệu, hình ảnh, xác nhận của nhân chứng lịch sử,...

+ Báo cáo tóm tắt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các xã đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn (biên bản thẩm định hồ sơ của cấp tỉnh và văn bản liên quan kèm theo).

+ Công văn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gửi kèm theo hồ sơ) gửi Bộ Nội vụ đề nghị thẩm định.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí lập hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan và địa phương liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu của các địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

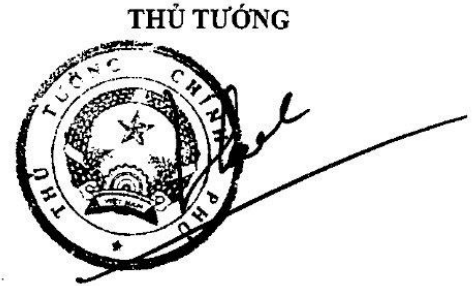
2. Đối với các địa phương: Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh (Sở Nội vụ là cơ quan thường trực) để thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị công nhận xã An toàn khu, vùng An toàn khu theo đúng tiêu chí, quy trình thủ tục quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, V.III (3b). M 180



3. *Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng,*

12 *phần 10*
phần 10 gửi: phần 10 < câu - 10 >
định

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *34* /2016/QĐ-UBND Cao Bằng, ngày *20* tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử -
văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

BẢO TÀNG TỈNH CAO BẰNG	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
ĐẾN SỐ: <i>799</i>	Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Ngày: <i>28/12/2016</i>	Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Chuyên	Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
LƯU HỒ SƠ SỐ:	Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

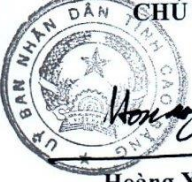
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ VHTTDL;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX (TT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa
và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34 /2016/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa bao gồm di tích lịch sử, di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ và danh lam thắng cảnh (sau đây gọi tắt là di tích) đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, nghiên cứu, khai thác, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Mục đích công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Bảo vệ các di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng trước những tác động xấu của môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng; giữ gìn, bảo tồn yếu tố gốc vốn có của di tích ở địa phương;

2. Phát huy giá trị của các di tích nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, lòng tự hào dân tộc; đáp ứng nhu cầu tham quan, nghiên cứu, học tập, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; khai thác, phát triển du lịch, dịch vụ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Góp phần "xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH

Điều 4. Các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, bảo vệ di tích khi phát hiện di tích bị lấn chiếm, hủy hoại hoặc có dấu hiệu xuống cấp phải

có biện pháp ngăn chặn và kịp thời báo cáo cho cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp, chính quyền địa phương, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

2. Các di tích đã được xếp hạng và được phân cấp quản lý nhưng chưa có điều kiện đầu tư và phát huy giá trị cần được bảo vệ nguyên trạng. Khi có dấu hiệu xuống cấp hoặc bị xâm hại, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý trực tiếp phải có phương án bảo vệ kịp thời và báo cáo cơ quan chức năng cùng phối hợp bảo vệ, tu bổ;

3. Các di tích đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia, cấp tỉnh đều phải khoanh vùng bảo vệ và cấp giấy phép sử dụng đất cho di tích; gắn bia, biển giới thiệu về di tích để mọi người biết;

4. Việc tổ chức các hoạt động dịch vụ tại khu vực di tích phải đưa ra ngoài khu vực bảo vệ di tích và phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

5. Thực hiện nếp sống văn minh tại các điểm di tích, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; đảm bảo an ninh trật tự tại các điểm di tích;

6. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia công tác xã hội hóa trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

7. Tiền vé tham quan, tiền công đức, tiền thu từ các dịch vụ tại các điểm di tích phải có sổ sách ghi chép đầy đủ và sử dụng theo quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Có hình thức thích hợp để ghi nhận sự đóng góp của các cơ quan, đoàn thể và cá nhân đối với di tích;

8. Đối với các di tích là cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo phải tuân thủ các quy định của Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

9. Đối với các di tích có tổ chức lễ hội phải tuân thủ theo Quy chế tổ chức lễ hội của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các hoạt động tại lễ hội phải phù hợp với truyền thống lịch sử, văn hóa của di tích, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của địa phương;

10. Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải tuân thủ theo Nghị định 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 12 tháng 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Nghị định số: 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định điều kiện kinh doanh, giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định hiện hành.

Điều 5. Đào tạo, bồi dưỡng

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích từ tỉnh đến cơ sở phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ bằng các hình thức ngắn hạn và dài hạn để đáp ứng các yêu cầu thực tiễn.

Điều 6. Quản lý, hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác nghiên cứu và bảo vệ, phát huy giá trị các di tích

1. Các tổ chức, cá nhân là công dân Việt Nam có nhu cầu tiến hành các hình thức nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

2. Các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức hợp tác khoa học đa quốc gia có nhu cầu nghiên cứu khoa học tại các di tích trên địa bàn tỉnh phải đăng ký qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh;

3. Việc nghiên cứu khoa học của các tổ chức, cá nhân chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều này và phải chịu sự quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Chương III

**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CHỨC NĂNG
VÀ CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP TRONG VIỆC QUẢN LÝ, BẢO VỆ
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH**

Điều 7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; đồng thời xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền;

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt và công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh; xếp hạng và cấp bằng xếp hạng di tích cấp tỉnh hoặc hủy bỏ xếp hạng di tích cấp tỉnh; lập hồ sơ khoa học trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích quốc gia; lập hồ sơ khoa học trình Thủ tướng Chính Phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt.

4. Kiểm kê, phân loại, lập hồ sơ và quản lý hồ sơ di tích trên địa bàn tỉnh;

5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

6. Thẩm định các dự án bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo thẩm quyền;

7. Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức và những người làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

8. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tổ chức, khai thác giá trị di tích phục vụ cho việc phát triển du lịch;

9. Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc nghiên cứu, sưu tầm tư liệu về di tích của các tổ chức, cá nhân là người Việt Nam, người nước ngoài (hoặc có quốc tịch nước ngoài) vào nghiên cứu, sưu tầm tại tỉnh Cao Bằng;

10. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Di sản văn hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến di tích theo thẩm quyền;

11. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh việc khuyến khích, huy động các nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh

12. Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong việc quản lý bảo vệ và phát huy giá trị di tích;

13. Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến di tích.

Điều 8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tổng hợp và cân đối vốn đầu tư hằng năm cho các dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh;

2. Thẩm định các dự án quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo thẩm quyền trên cơ sở các quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 9. Sở Tài chính

1. Căn cứ ngân sách của tỉnh và các chế độ quản lý tài chính của nhà nước hiện hành đảm bảo kinh phí phục vụ cho hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di tích;

2. Kiểm tra việc cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật;

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các quy định về phí, lệ phí và sử dụng các nguồn thu trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo phân cấp của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 10. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

1. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giữ gìn an ninh trật tự trong các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn;

2. Tổ chức phòng ngừa, đấu tranh, xử lý các vi phạm trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Căn cứ chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng các chương trình giảng dạy ngoại khóa đưa di sản văn hóa vào trường học phù hợp với từng cấp học phổ thông về kiến thức lịch sử - văn hóa của các di tích.

2. Tổ chức các hoạt động chăm sóc, bảo vệ và phát huy giá trị di tích cho học sinh trong các trường phổ thông; Tiếp tục triển khai và thực hiện phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực".

Điều 12. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai, quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

Điều 13. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành đề xuất các phương án quy hoạch sử dụng đất, hướng dẫn việc lập bản đồ và xác nhận bản đồ khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích; tổng hợp xây dựng Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, thành phố hàng năm theo đăng ký của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Điều 14. Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng tại các di tích là cơ sở tôn giáo;

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương tổ chức quản lý các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng tại các di tích là cơ sở tôn giáo trên địa bàn.

Điều 15. Các cơ quan báo chí của tỉnh

Phối hợp với Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Các sở, ban, ngành, đoàn thể khác

Các Sở, ban, ngành, đoàn thể khác căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quá trình thực hiện các quy định của Luật Di sản Văn hóa và các quy định hiện hành đối với các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước của sở, ngành mình.

Điều 17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chịu trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo phân cấp quản lý; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức ngăn chặn và xử lý vi phạm về di tích trên địa bàn quản lý.

Điều 18. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Tổ chức tuyên truyền, bảo vệ và phát huy giá trị di tích tại địa phương; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc quản lý di tích;

2. Tiếp nhận những thông tin liên quan đến di tích và báo cáo cơ quan cấp trên khi cần thiết;

3. Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi làm ảnh hưởng tới di tích. Xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Chương IV**THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 19. Thanh tra, kiểm tra**

Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Sau mỗi đợt thanh tra phải có báo cáo chi tiết về kết quả kiểm tra và xử lý theo chức năng, quyền hạn được giao.

Điều 20. Các hình thức khen thưởng và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích

1. Có chính sách đãi ngộ, tôn vinh đối với các cá nhân, tập thể có thành tích trong công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích bằng các hình thức khen thưởng của các cấp theo Luật Thi đua - Khen thưởng;

2. Có chế độ ưu đãi khác đối với người có công và trực tiếp thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di tích theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị các di tích thì tùy theo tính chất mức độ hành vi vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

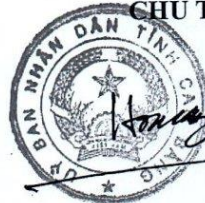
Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích thực hiện theo trình tự của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo theo quy định.

Chương V**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ đã được giao.

Điều 24. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*đ*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

4. *Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 8/12/2008 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Quy định phân cấp Quản lý di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.*

<p>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG</p> <p>Số: 2795/2008/QĐ-UBND</p>	<p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p>Cao Bằng, ngày 08 tháng 12 năm 2008</p>
--	---

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử- văn hoá
và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá;

Căn cứ quyết định số 1706/2001/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 7 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá- Thông tin phê duyệt tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh đến năm 2020;


Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

<p>Nơi nhận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Như Điều 3; - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; - Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); - Thường trực Tỉnh uỷ; - Thường trực HĐND tỉnh; - CT UBND tỉnh; các PCT UBND tỉnh; - Các Ban HĐND tỉnh; - PCVP (VX, TH); - Trung tâm Công báo tỉnh (02b); - Các CV; - Lưu: VT, VX (P.60b). <i>uyh</i> 	<p>TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH</p> <div style="text-align: right;">  Lô Ích Giang </div>
--	--



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2795 /2008/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh cùng toàn bộ các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng đối với mọi di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh; các địa điểm, công trình xây dựng, công trình kiến trúc, quần thể kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên có dấu hiệu là di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh thuộc sở hữu của nhà nước, tổ chức, cá nhân và các hình thức sở hữu khác trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Giữ gìn nguyên trạng và đầy đủ các di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh.
2. Nâng cao nhận thức, bảo tồn, phát huy giá trị di tích trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá của dân tộc.
3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh; mở rộng quá trình xã hội hoá bảo vệ và phát huy giá trị di tích, gắn với quản lý bằng pháp luật.
4. Nâng cao trách nhiệm của các ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

5. Củng cố, kiện toàn và thành lập các tổ chức quản lý di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh.

6. Thực hiện xã hội hoá công tác quản lý dich đối với các hình thức tổ chức quản lý phù hợp với cấp độ, giá trị lịch sử, quy mô di tích.

Chương II PHÂN CẤP QUẢN LÝ

Điều 4. Cấp độ di tích

1. Di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia đặc biệt.
2. Di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia.
3. Di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh cấp tỉnh.

Điều 5. Thành lập các tổ chức quản lý

1. Di tích quốc gia đặc biệt:
 - a) Thành lập các tổ chức quản lý di tích phù hợp với từng cấp độ, giá trị lịch sử, quy mô của di tích;
 - b) Thành lập các Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
2. Đối với các di tích còn lại, căn cứ vào tình hình cụ thể ở từng huyện, thị thành lập các tổ chức quản lý phù hợp.
 - a) Những di tích có giá trị, yêu cầu chuyên môn cao được thành lập các tổ hoặc Ban Quản lý trực thuộc Phòng Văn hoá và Thông tin huyện, thị;
 - b) Những di tích có quy mô rộng, phức tạp được thành lập Ban Quản lý liên ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị.
3. Các di tích khác giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ra quyết định thành lập (các tổ) Ban Quản lý.

Chương III QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ VÀ DANH LAM THẮNG CẢNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh:
 - a) Tổ chức chỉ đạo, cấp giấy phép cho hoạt động bảo vệ và phát huy di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

b) Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch, các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích theo quy định của pháp luật;

c) Quyết định thành lập các Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị:

a) Căn cứ vào hướng dẫn của Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xây dựng đề án thành lập các tổ chức quản lý di tích của địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định thành lập các tổ quản lý hoặc các Ban Quản lý di tích có giá trị, yêu cầu chuyên môn cao, quy mô rộng và phức tạp;

c) Giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thành lập các tổ hoặc Ban Quản lý các di tích khác;

d) Chịu trách nhiệm bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh trong phạm vi địa phương; tổ chức ngăn chặn kịp thời, xử lý các hành vi xâm hại đến di tích, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc xếp hạng di tích và xây dựng kế hoạch bảo vệ, bảo quản tu bổ, phát huy giá trị di tích;

đ) Tổ chức kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát huy và khai thác các di tích trên địa bàn;

e) Chủ động phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch để xử lý các hành vi xâm hại đến di tích.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Quyết định thành lập các Ban (tổ) hoặc giao cho tổ chức, cá nhân quản lý di tích theo thẩm quyền;

b) Tổ chức bảo vệ, bảo quản cấp thiết di tích;

c) Tiếp nhận khai báo về di tích, kiến nghị việc xếp hạng di tích lên cơ quan cấp có thẩm quyền;

d) Phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi làm ảnh hưởng tới sự an toàn và cảnh quan môi trường của di tích;

đ) Ngăn chặn và xử lý các hoạt động mê tín dị đoan tại di tích theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn các cấp

1. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý

nhà nước về hoạt động bảo tồn phát huy giá trị di tích lịch sử- văn hoá và danh lam thắng cảnh, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

2. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Văn hoá và Thông tin các huyện, thị, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan trong việc bảo tồn phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị quản lý hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di tích theo Luật Di sản văn hoá;

c) Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các dự án về bảo tồn phát huy giá trị di tích; thẩm định dự án cải tạo, xây dựng các công trình nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích có khả năng ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường di tích;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thuộc địa phương quản lý sau khi được phê duyệt.

đ) Quản lý, hướng dẫn các hoạt động lễ hội truyền thống, tín ngưỡng gắn với di tích;

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm xâm hại, bảo vệ di tích, các hoạt động quản lý trên địa bàn toàn Tỉnh;

g) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo tồn, phát huy giá trị di tích.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị có trách nhiệm:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện, thị tổ chức thực hiện Quy định này theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, thị về quản lý, phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xếp hạng, xây dựng kế hoạch bảo quản, bảo vệ, tu bổ và phát huy giá trị di tích.

Điều 8. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu di tích có các quyền và nghĩa vụ:

1. Sở hữu hợp pháp di tích, ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di tích và những hiện vật thuộc di tích.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di tích, thông báo kịp thời cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi di tích có nguy cơ bị làm sai lệch giá trị, bị huỷ hoại, bị mất.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham quan, học tập, nghiên cứu tại di tích.

4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý di tích có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Bảo vệ, gìn giữ và phát huy giá trị di tích.
2. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại di tích trong trường hợp phát hiện di tích bị lấn chiếm.
3. Thông báo kịp thời cho chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất khi di tích bị mất hoặc có nguy cơ bị huỷ hoại.
4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham quan, du lịch, nghiên cứu về di tích.
5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này và theo hướng dẫn của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.
3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có vướng mắc; các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, phản ánh về Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Cao Bằng để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lô Ích Giang

5. *Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 450 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 22 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Đề án số 12-ĐA/TU ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 13/TTr-SVHTTDL ngày 22 tháng 01 năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 394/TTr-SNV ngày 13 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng (gọi tắt là Ban Quản lý) trên cơ sở sáp nhập, tổ chức lại Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ban Quản lý Khu di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình và Tổ Quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Thạch An, Ủy ban nhân dân huyện Thạch An.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Giám đốc Sở Văn hóa,

Thể thao và Du lịch công tác quản lý, tu bổ và phát huy giá trị các di tích theo thẩm quyền được giao và theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực và hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý gồm: Giám đốc, không quá 03 Phó Giám đốc và 03 phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Số lượng người làm việc của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án thành lập Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng, Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án thành lập Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân huyện Thạch An về việc thành lập Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan triển khai thực hiện các phương án tiếp nhận quản lý nguyên trạng viên chức, người lao động hợp đồng, tài chính, tài sản, trụ sở, cơ sở vật chất và các vấn đề khác liên quan của Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 theo quy định.

b) Dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Ủy ban nhân dân huyện Thạch An có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chuyển giao nguyên trạng viên chức, người lao động hợp đồng, tài chính, tài sản, trụ sở, cơ sở vật chất và các vấn đề khác liên quan của Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chuyển giao nguyên trạng viên chức, người lao động hợp đồng, tài chính, tài sản, trụ sở, cơ sở vật chất và các vấn đề khác liên quan của Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng, Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao và sử dụng tư cách pháp nhân của đơn vị thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí và các công việc khác liên quan để tiến hành chuyển giao sáp nhập trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

6. Ban Quản lý tiếp nhận tất cả các quyền, nghĩa vụ về tài chính, tài sản và tiếp tục thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ mà Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng, Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo, Tổ quản lý Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng biên giới 1950 đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành; giao nộp con dấu của Khu di tích Pác Bó tỉnh Cao Bằng, Ban Quản lý Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo cho cơ quan Công an để thu hồi trong thời gian 30 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Thạch An, Nguyên Bình và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Cao Bằng;
- Các PCVP UBND tỉnh (bảnĐT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Thạch An;
- Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Nguyên Bình;
- Lưu: VT, NV, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh

6. *Quyết định số 1049/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cao Bằng Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của BQL các di tích QGDB tỉnh Cao Bằng trực thuộc sở Văn hoá, thể thao và Du lịch.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1049/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 09 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc thành lập Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng;

Thực hiện Đề án số 12-ĐA/TU ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo Nghị quyết 19-NQQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 68/TTr-SVHTTDL ngày 21 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng giúp Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý, tu bổ và phát huy giá trị các di tích theo thẩm quyền được

giao và theo quy định của Nhà nước hiện hành. Nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và tuyên truyền giáo dục, nói chuyện chuyên đề, triển lãm lưu động thông qua các tài liệu, hiện vật liên quan đến cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thời kỳ 1941 - 1945 và cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, truyền thống chiến đấu anh dũng của quân và dân ta giai đoạn 1944 - 1950.

Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham mưu Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày và phát huy giá trị các di tích nhằm giới thiệu, tuyên truyền các sự kiện liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng thời kỳ 1941 - 1945 và cuộc đời, sự nghiệp hoạt động cách mạng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, truyền thống chiến đấu anh dũng của quân và dân ta giai đoạn 1944 - 1950.

2. Tổ chức đón tiếp khách trong và ngoài nước đến tham quan, học tập, nghiên cứu, các đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị dâng hương, dâng hoa, báo công. Kết hợp hình thức tuyên truyền giáo dục như: triển lãm lưu động, tổ chức nói chuyện chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam; biên soạn tài liệu tuyên truyền.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến phát triển du lịch trong khu di tích.

4. Xây dựng chương trình, kế hoạch toàn diện về các hoạt động của di tích, trình Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt và triển khai thực hiện.

5. Cụ thể hóa các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên có liên quan lĩnh vực được phân công phụ trách.

6. Phối hợp với chính quyền địa phương về công tác đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích.

7. Tiếp nhận, quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả các hạng mục công trình thuộc khu di tích theo thẩm quyền được giao.

8. Tổ chức việc kiểm kê, bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích được giao; huy động các nguồn lực, xã hội hóa hoạt động bảo vệ, tôn tạo di tích theo quy định của Nhà nước và của tỉnh.

9. Phối hợp với các ngành chức năng lập dự án quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội thảo, tọa đàm, nghiên cứu, sưu tầm, tuyên truyền phát huy giá trị của các di tích được giao quản lý.

10. Quản lý sử dụng đất đai, tài sản, kinh phí theo phân cấp và quy định của Nhà nước.

11. Tổ chức kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra giữ gìn và phát huy giá trị di tích. Lập biên bản kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong khu vực được giao quản lý.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Quản lý: Có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

- Giám đốc Ban Quản lý là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm điều hành chung công việc của Ban Quản lý.

- Phó Giám đốc: là người giúp Giám đốc Ban Quản lý chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ban Quản lý về nhiệm vụ được phân công. Được thay mặt Giám đốc điều hành mọi hoạt động của Ban khi Giám đốc đi vắng và được ủy quyền.

- Việc bổ nhiệm Giám đốc và Phó Giám đốc Ban Quản lý do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và quy định của pháp luật. Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Ban Quản lý thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Phòng Hành chính - Tổng hợp.
- b) Phòng Bảo tồn di tích và Thông tin tư liệu.
- c) Phòng Quản lý di tích.

3. Số lượng người làm việc của Ban Quản lý được giao trên cơ sở vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng số lượng người làm việc của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.

Điều 4. Quản lý viên chức, người lao động

1. Lãnh đạo, viên chức và người lao động thuộc Ban Quản lý chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trước thủ trưởng cơ quan, đơn vị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Biên chế sự nghiệp và biên chế hợp đồng theo Nghị định số 68/2000-CP, số lượng người làm việc trong các phòng thuộc Ban Quản lý do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định trong tổng số biên chế sự nghiệp và hợp đồng được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm vào ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động của Ban Quản lý do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định theo phân cấp hiện hành.

4. Việc bố trí công tác đối với viên chức của Ban Quản lý phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh viên chức, theo phẩm chất, năng lực, sở trường, bảo đảm các quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất, khối lượng công việc thực tế tại Ban Quản lý, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định hoặc phân cấp cho Giám đốc Ban Quản lý ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể tại Ban Quản lý.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo Ban Quản lý xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng thuộc Ban Quản lý trình Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt; tổ chức triển khai các hoạt động của Ban Quản lý theo đúng nội dung của Quyết định này và các quy định của pháp luật khác liên quan.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quyết định này.

4. Trong quá trình hoạt động nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Ban Quản lý có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

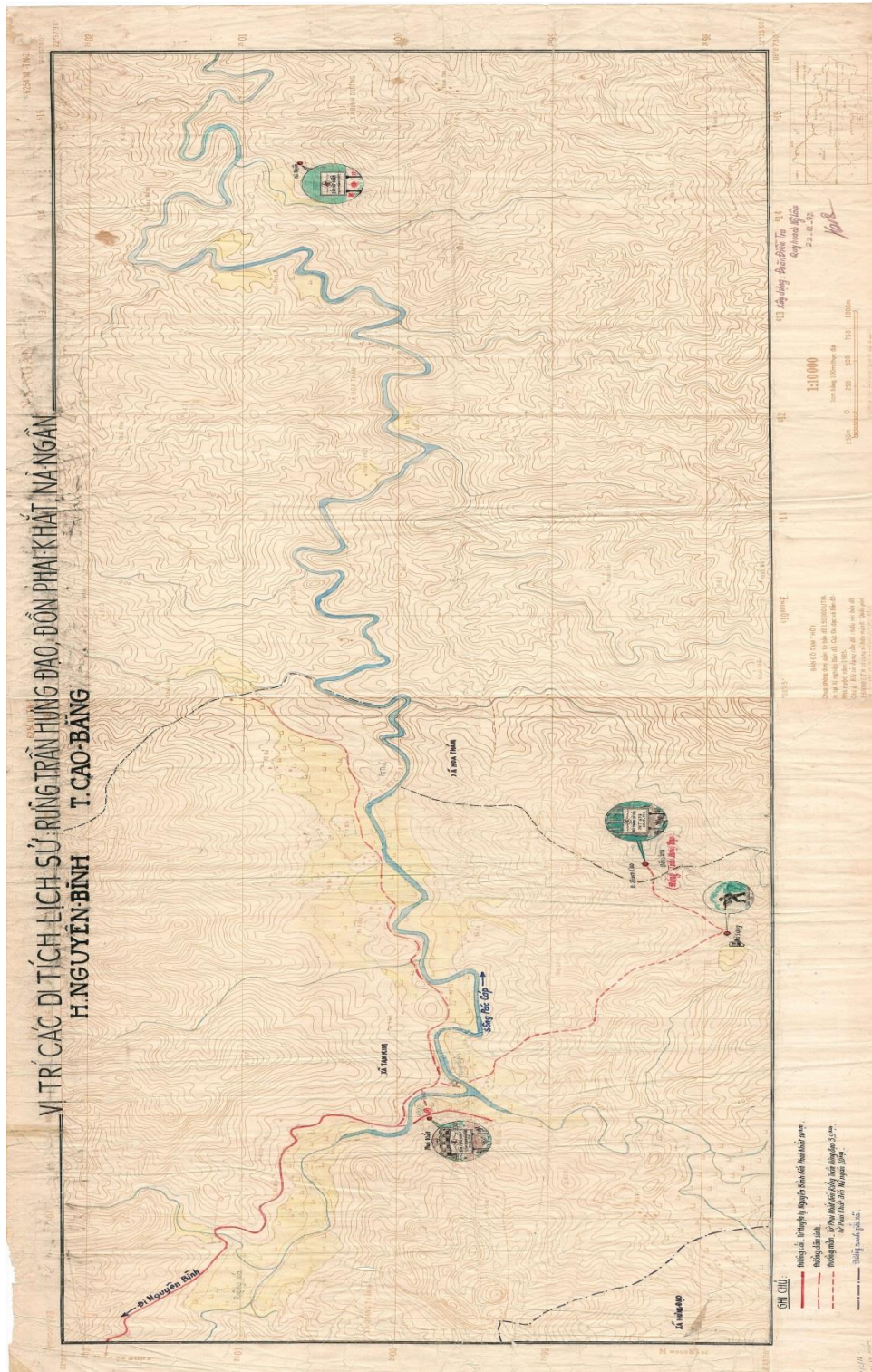
- Như Điều 6;
 - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các PCVP UBND tỉnh;
 - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
 - Sở Nội vụ;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VT, NC.
- (b/c)
- (bản ĐT)



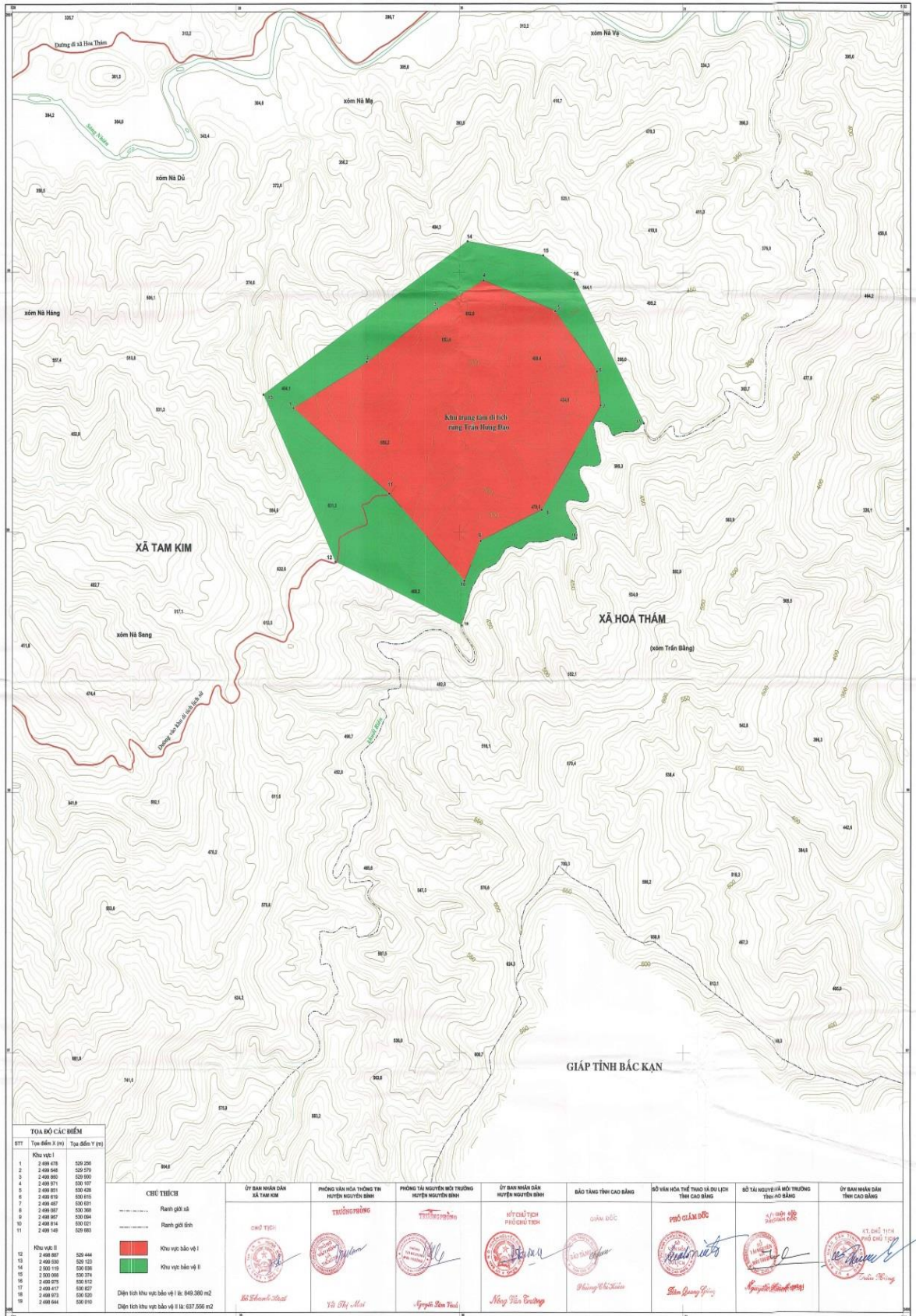
CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Ánh

7. Bản đồ khoanh vùng khu vực bảo vệ cụm di tích Rừng Trần Hưng Đạo; Bản đồ vị trí các di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo - Đồn Phai Khắt - Nà Ngần di tích Rừng Trần Hưng Đạo; Bản đồ đường dẫn tới khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo.



BẢN ĐỒ KHOANH VÙNG KHU VỰC BẢO VỆ CỤM DI TÍCH RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO
ĐỊA ĐIỂM: KHU DI TÍCH LỊCH SỬ RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO, XÃ TAM KIM - HUYỆN NGUYỄN BÌNH - TỈNH CAO BẰNG



TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM

STT	Tọa độ điểm X (m)	Tọa độ điểm Y (m)
Khu vực I		
1	2 499 478	529 558
2	2 499 548	529 579
3	2 499 590	529 590
4	2 499 571	530 107
5	2 499 591	530 590
6	2 499 619	530 615
7	2 499 627	530 531
8	2 499 627	530 368
9	2 499 627	530 094
10	2 499 514	530 051
11	2 499 149	529 083
Khu vực II		
12	2 499 087	529 444
13	2 499 050	529 523
14	2 500 119	530 036
15	2 500 080	530 214
16	2 499 375	530 512
17	2 499 417	530 527
18	2 499 073	530 020
19	2 499 044	530 010

CHỨC THỨC	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TAM KIM	PHÒNG VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH HUYỆN NGUYỄN BÌNH	PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG HUYỆN NGUYỄN BÌNH	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYỄN BÌNH	BẢO TÀNG TỈNH CAO BẰNG	SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH CAO BẰNG	SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH CAO BẰNG	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
Ranh giới xã Ranh giới tỉnh Khu vực bảo vệ I Khu vực bảo vệ II Diện tích khu vực bảo vệ I là: 949.280 m ² Diện tích khu vực bảo vệ II là: 637.556 m ²								

TỶ LỆ 1 : 5.000
 1 cm trên bản đồ bằng 50 m ngoài thực địa

Số: 01/SL-TH/ST-Đ-TH-TS-Đ-VN.200, ngày 04/10/2015, theo chức năng
 - Bản đồ in bằng công nghệ số năm 2015.
 - Thành lập từ ngày 7 năm 2015.

8. Bản thống kê tài liệu, ảnh, hiện vật tại khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

BẢN THỐNG KÊ TÀI LIỆU ẢNH
THUỘC KHU DI TÍCH LỊCH SỬ RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO, NGUYỄN BÌNH
Xã Tam Kim và Hoa Thám, huyện Nguyễn Bình, tỉnh Cao Bằng

STT	Tên hiện vật	Mã số	Nguồn gốc	Thời kỳ/miền đại	Loại hiện vật	Chất liệu	Kích thước, trọng lượng	Miêu tả hiện vật	Tình trạng bảo quản	ghi chú
01	Ảnh tượng Các Mác trong hang Pác Bó, Cao Bằng nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc trong thời gian hoạt động tại Pác Bó năm 1941.	TBĐT.01			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ	Trung bày
02	Ảnh lán Khuổi Nặm, Hà Quảng, Cao Bằng nơi họp Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941	TBĐT.02			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ	Trung bày
03	Ảnh Lũng Cát, Hà Quảng, Cao Bằng nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập đội VNTTGPO	TBĐT.03			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ	Trung bày

1

04	Ảnh Hang Kéo Quảng xã Minh Tâm, Nguyễn Bình, Cao Bằng nơi đ/c Võ Nguyên Giáp mở lớp huấn luyện cho cán bộ cách mạng huyện Nguyễn Bình. Có các học viên Tam Kim học tập, tháng 1 năm 1942	TBĐT.04			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ	Trung bày
05	Ảnh Nà Dù xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi đ/c Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng mở lớp huấn luyện cán bộ cách mạng cho đồng bào Tây, Dao năm 1942	TBĐT.05			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ, ó	Trung bày
06	Ảnh Nà Sang Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi hàng trăm hội viên cứu quốc xã Tam Kim, Hoa Thám xem triển lãm chống Nhật Tây và luyện tập tự vệ địa phương.	TBĐT.06			Di vật	Giấy	30 x 40 cm		Cũ, ó	Trung bày

07	Ảnh Hang Phia Phứt xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi thành lập chi bộ Tam Kim tháng 9 năm 1943 sau đó là chi bộ Nam Tiên	TBĐT.07			Di vật	Giấy	30 x 40 cm	Cũ, ó	Trung bày
08	Ảnh bản Pác Cáp xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi nhân dân Tam Kim, Hoa Thám mít tinh chống đế quốc ủng hộ Việt Minh	TBĐT.08			Di vật	Giấy	30 x 40 cm	Cũ	Trung bày
09	Ảnh Roồng Bó xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi đ/c Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng mở lớp huấn luyện cho cán bộ cốt cán xã Tam Kim đầu năm 1942	TBĐT.09			Di vật	Giấy	30 x 40 cm	Cũ	Trung bày
10	Ảnh đ/c Võ Nguyên Giáp hoạt động cách mạng ở xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng đầu năm 1942	TBĐT.10			Di vật	Giấy	30 x 40 cm	Cũ	Trung bày

11	Ảnh đ/c Lê Thiết Hùng (Đình) hoạt động ở xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng đầu năm 1942	TBĐT.11					30 x 40 cm	Cũ	Trung bày
12	Ảnh đ/c Nguyễn Văn Lạc một trong những cán bộ cốt cán của xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng năm 1942	TBĐT.12					30 x 40 cm	Cũ	Trung bày
13	Ảnh Dương Thị Thiên xóm Nà Vạ xóm Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng mẹ nuôi của đ/c Võ Nguyên Giáp	TBĐT.13					30 x 40 cm	Cũ, ó	Trung bày
14	Ảnh Dương Văn Long một trong những cán bộ cốt cán xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng năm 1942	TBĐT.14					30 x 40 cm	Cũ	Trung bày
15	Ảnh đ/c Lý Văn Thượng (Tuyên Truyền) là chủ nhiệm ban Việt Minh khu Quang Trung	TBĐT.15					30 x 40 cm	Cũ	Trung bày

16	Ảnh ông Nông Văn Quang, Lô Quang Kháng, Nông Thị Hữu, Nông Văn Lạc là những cán bộ Nam Tiên năm 1942	TBĐT.16			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
17	Ảnh Vạ Phấn Xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng. Nơi mở các lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ trong vùng và cán bộ Nam Tiên năm 1942	TBĐT.17			Di vật	30x40 cm	Cũ	
18	Ảnh đội VNTTGPQ trong ngày thành lập 22/12/1944 tại núi Dền Sinh, dãy Khau Giàng, Trần Hưng Đạo xã Tam Kim, Nguyễn Bình, Cao Bằng.	TBĐT.18			Di vật	30 x 40 cm	Cũ, ó	
19	Ảnh Bữa cơm đầu tiên của đội VNTTGPQ	TBĐT.19			Di vật	30 x 40 cm	Cũ, ó	
20	Khung Ảnh 34 chiến sỹ Đội VNTTGPQ trong ngày thành lập	TBĐT.20			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	

21	Ảnh nhà ông Nông Văn Lạc Bị địch chiếm làm đồn năm 1944	TBĐT.21			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
22	Ảnh bia di tích trên núi Slam Cao Nơi đ/c Võ Nguyên Giáp (Văn) quan sát đề quyết định đánh đồn Phai Khắt	TBĐT.22			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
23	Ảnh Góc cây công làng nơi đội VNTTGPQ bố trí đội viên và tự vệ địa phương phục kích trong trận đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944	TBĐT.23			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
24	Ảnh Đội VNTTGPQ tập kích chuẩn bị đánh Đồn Phai Khắt	TBĐT.24			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
25	Tranh Quân ta giải phóng và chiếm đồn (họa sỹ Trọng Điện)	TBĐT.25			Di vật	30x40 cm	Cũ	

26	Ảnh Đ/c Lương Quân, tự vệ địa phương tham gia đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944	TBĐT.26			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
27	Ảnh Bé Hồng (Nông Văn Xương) Người trình sát đồn Phai Khắt	TBĐT.27			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	
28	Ảnh Góc sân đồn Phai Khắt nơi tên đồn trưởng Xi Mô Nô bị tiêu diệt	TBĐT.28			Di vật	30 x 40 cm	Cũ, ó	
29	Ảnh Bìa di tích đồn Nà Ngân, xã Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng	TBĐT.29			Di vật	30 x 40 cm	Cũ	

9. Biên bản bàn giao hiện vật của Bảo tàng tỉnh và BQL di tích Rừng
Trần Hưng Đạo

SỞ VĂN HÓA, TT & DLTỈNH CAO BẰNG
BẢO TÀNG TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO

Căn cứ lệnh xuất số 01/BTT, ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Bảo tàng tỉnh.

Hôm nay, ngày 17 tháng 9 năm 2014 tiến hành bàn giao hiện vật cho Bảo tàng Quân Khu I

Thành phần gồm:

I. Bên giao:

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Ông Đàm Quang Gióng- Phó Giám đốc Sở
- Ông Phùng Chí Kiên- Giám đốc Bảo tàng tỉnh

II. Bên nhận:

Bảo tàng Quân khu I:

Thỏa thuận giao, nhận cho Bảo tàng Quân khu I:

Sử dụng tạm thời những hiện vật thống kê dưới đây nhằm mục đích phục vụ trưng bày tại khu di tích Khu Rừng Trần Hưng Đạo.

Thời gian mượn hiện vật kể từ ngày 17/9/2014 đến hết tháng 12 năm 2014 Hai bên thỏa thuận nhận đủ số hiện vật theo yêu cầu.

Bảo tàng Quân Khu I có trách nhiệm:

Bảo quản hiện vật trong thời gian mượn và trả đúng thời gian quy định. Nếu hư hỏng mất mát, Bảo tàng Quân Khu I chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Biên bản được lập thành hai bản mỗi bên giữ một bản.

STT	Tên hiện vật	Số lượng	Số đăng ký	Số phân loại	Tình trạng
1	Xẻng đá	01	5708	Đ/ 3478	nguyên, cũ
2	Công cụ chặt thô	01	1135	Đ/100	nguyên, cũ

Tổng số tài liệu hiện vật trong biên bản là:

Bảng số: 02 hiện vật

Bảng chữ: hai hiện vật

Biên bản được lập thành 02 bản. Bên giao giữ 01 bản, Bên nhận giữ 01 bản

Cao Bằng, Ngày 17 tháng 9 năm 2014

BÊN GIAO
BẢO TÀNG TỈNH CAO BẰNG

[Handwritten signature]

BÊN NHẬN
BẢO TÀNG QUÂN KHU I

[Handwritten signature]
Đại tá Phạm Đình Tiến

10. Biên bản khoanh vùng bảo vệ di tích Rừng Trần Hưng Đạo

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ VĂN HOÁ THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KHOANH VÙNG CÁC KHU VỰC BẢO VỆ CÁC DI TÍCH

Trong Khu Di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo

Huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản Văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ nghị định số 98/2010/NĐ - CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá.

Hôm nay, Ngày 28 Tháng 7 Năm 2013, hồi 8 giờ 00'

*** Chúng tôi gồm:**

- + Ông Đàm Quang Gióng, Phó Giám đốc Sở VH-TT-DL: Chủ trì cuộc họp
- + Ông Đào Văn Mùi, Giám đốc Khu di tích Pác Bó: Thư ký cuộc họp

*** Cùng các đại biểu:**

+ Sở văn hoá thể thao và Du lịch:

- Ông Đàm Quang Gióng, Phó Giám đốc Sở.
- Ông Phùng Chí Kiên, Giám đốc Bảo tàng tỉnh.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ông Trương Minh Hải, Phó trưởng phòng Quản lý Đất đai

+ UBND huyện Nguyên Bình:

- Ông Nông Văn Trường, Phó Chủ tịch UBND huyện
- Ông Nguyễn Lương Vinh, Trưởng phòng TNMT
- Bà Vũ Thị Mai, Trưởng phòng VH-TT.

+ UBND xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình:

- Ông Tô Thanh Hoạt, Chủ tịch UBND xã.

+ UBND xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình:

- Ông Hoàng Tồn Sao, Chủ tịch UBND xã.

Cùng đại diện các đoàn thể trong (thôn Phai Khắt, thôn Nà Ngần) họp tại hội trường UBND huyện Nguyên Bình để thống nhất về việc khoanh vùng các khu vực bảo vệ các di tích trong Khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo.

Sau khi nghe Đại diện Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình bày tóm tắt nội dung, giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thẩm mỹ của di tích và dự kiến khoanh vùng

các khu vực bảo vệ di tích, toàn thể đại biểu dự họp đã thống nhất khoanh vùng các khu vực bảo vệ các di tích trong Khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo như sau:

I. KHOANH VÙNG CÁC KHU VỰC BẢO VỆ DI TÍCH

Việc khoanh vùng các khu vực bảo vệ di tích được áp dụng theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Điều 13, 14 Nghị định số 98/2010/NĐ - CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa, cụ thể:

1. Cụm di tích rừng Trần Hưng Đạo

a. Khu vực bảo vệ I: Là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, gồm: (ghi rõ các công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia nằm ngoài các công trình xây dựng thuộc khu vực bảo vệ I)

* Khu vực này gồm:

- Thửa đất số: Bản đồ giao đất lâm nghiệp, tờ số 02 diện tích 849.380 m²

* Thuộc Tờ bản đồ số 02 tỉ lệ 1/25.000.

- Phía Bắc giáp: rừng Trần Hưng Đạo;

- Phía Nam giáp: rừng Trần Hưng Đạo;

- Phía Đông giáp: rừng Trần Hưng Đạo;

- Phía Tây giáp: rừng Trần Hưng Đạo.

(Đối với những diện tích thuộc khu vực bảo vệ I nhưng không nguyên thửa, di tích nằm trên khu vực chưa có bản đồ địa chính, di tích nằm trên địa hình rộng lớn, phức tạp, thì phải xác định toạ độ các điểm cần thiết để thể hiện rõ Khu vực bảo vệ I.
Ví dụ:

* Khu vực này có diện tích 849.380 m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D... có toạ độ như sau:

A.1 (x: 2499478; y: 529256);

B.2 (x: 2499648; y: 529579);

C.3 (x: 2499860; y: 529900);

D.4 (x: 2499971; y: 530107);

E.5 (x: 2499851; y: 530428);

F.6 (x: 2499619; y: 530615);

G.7 (x: 2499487; y: 530631);

H.8 (x: 2499087; y: 530368);

I.9 (x: 2498967; y: 530094);

K.10 (x: 2498814; y: 530021);

L. 11 (x: 2499149; y: 529683).

b. Khu vực bảo vệ II: Là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số: Bản đồ giao đất lâm nghiệp, tờ số 02 diện tích 637.556 m²

* Thuộc Tờ bản đồ số 02 tỉ lệ 1/25.000.

- Phía Bắc giáp: rừng Trần Hưng Đạo, xóm Nà Mạ, xóm Nà Vạ;

- Phía Nam giáp: đường vào khu rừng Trần Hưng Đạo, suối Khuổi Riễn;

- Phía Đông giáp: rừng Trần Hưng Đạo, xã Hoa Thám;

- Phía Tây giáp: rừng Trần Hưng Đạo, xóm Nà Sang, xóm Nà Háng;

(Đối với những diện tích thuộc khu vực bảo vệ II nhưng không nguyên thửa, di tích nằm trên khu vực chưa có bản đồ địa chính, di tích nằm trên địa hình rộng lớn, phức tạp, thì phải xác định tọa độ các điểm cần thiết để thể hiện rõ Khu vực bảo vệ II.
Ví dụ:

* Khu vực này có diện tích 637.556m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D... có tọa độ như sau:

- A.12 (x: 2498887; y: 529444);
- B.13 (x: 2499530; y: 529123);
- C.14 (x: 2500119; y: 530036);
- D. 15 (x: 2500066; y: 530374);
- E.16 (x: 2499975; y: 530512);
- F.17 (x: 2499417; y: 530827);
- G.18 (x: 2498973; y: 530520);
- H.19 (x: 2498644; y: 530010);

2. Di tích đồn Phai Khắt

a. **Khu vực bảo vệ I:** Là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số 119, diện tích 687,9 m²
- * Thuộc Tờ bản đồ số 66 tỉ lệ 1/1000.
- Phía Bắc giáp: thửa đất 108;
- Phía Nam giáp: đường quy hoạch nông thôn mới và thửa số 135, 136;
- Phía Đông giáp: tỉnh lộ 202;
- Phía Tây giáp: đường quy hoạch nông thôn mới và các thửa đất 105, 107.

* Khu vực này có diện tích 687,9 m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D... có tọa độ như sau:

- A.1 (x; 2500785; y: 527318);
- B.2 (x: 2500784; y: 527320);
- C.3 (x: 5200778; y: 527354);
- D.4 (x: 5200761; y: 527353);
- E.5 (x; 2500766; y; 527314);
- F.6 (x; 5200770; y; 527314)
- G.7 (x; 2500770; y; 527315).

- Phía Bắc giáp: thửa đất 108;
- Phía Nam giáp: đường quy hoạch nông thôn mới và thửa số 135, 136;
- Phía Đông giáp: tỉnh lộ 202;
- Phía Tây giáp: đường quy hoạch nông thôn mới và các thửa đất 105, 107;

b. **Khu vực bảo vệ II:** Là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số 108, diện tích 368,5 m²
- Thửa đất số 110, diện tích 167,0 m²
- Thửa đất số 111, diện tích 277,7 m²
- Thửa đất 118, diện tích 336,1 m².
- *Thuộc Tờ bản đồ số 66-tỉ lệ .1/1000.

- Phía Bắc giáp: đường quy hoạch nông thôn mới;
- Phía Nam giáp: khu vực bảo vệ I;
- Phía Đông giáp: tỉnh lộ 202;
- Phía Tây giáp: đường quy hoạch nông thôn mới.

* Khu vực này có diện tích 1.149,3 m² được xác định bởi các điểm A, B, C,

D... có toạ độ như sau:

- A.8 (x: 2500796; y: 527322);
- B.9 (x: 2500789; y: 527735);
- C.10(x: 2500795; y: 527358);
- D.11 (x: 2500792; y: 527380);
- E. 12 (x: 2500792; y: 527384);
- F. 13 (x: 2500787; y: 527383);
- G. 14 (x: 2500773; y: 527382);
- H. 15 (x: 2500774; y: 527379);
- I. 16 (x: 25007756; y: 527376);
- K. 17 (x: 2500753; y: 527371);
- L. 18 (x: 2500744; y: 527367).

- Phía Bắc giáp: đường quy hoạch nông thôn mới;
- Phía Nam giáp: khu vực bảo vệ I;
- Phía Đông giáp: tỉnh lộ 202;
- Phía Tây giáp: đường quy hoạch nông thôn mới.

3. Di tích hang Thảm Khẩu

a. Khu vực bảo vệ I: Là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số: Bản đồ địa chính. Diện tích 10.108,5 m²

* Thuộc Tờ bản đồ số 01 tỉ lệ 1/10.000.

- Phía Bắc giáp: Suối Nà Mạ;
- Phía Nam giáp: Núi Phja Dẻ;
- Phía Đông giáp: Roỏng Bó;
- Phía Tây giáp: Núi đá Roỏng Bó;

* Khu vực này có diện tích 10.108,5 m² được xác định bởi các điểm A, B, C,

D... có toạ độ như sau:

- A.1 (x: 2501002; y: 526806);
- B.2 (x: 2501002; y: 526907);
- C.3 (x: 2500902; y: 526907);
- D.4 (x: 2500902; y: 526806);
- Phía Bắc giáp: Suối Nà Mạ;
- Phía Nam giáp: Núi Phja Dẻ;
- Phía Đông giáp: Roỏng Bó;
- Phía Tây giáp: Núi đá Roỏng Bó;

b. Khu vực bảo vệ II: Là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số: Bản đồ địa chính. Diện tích 30.108,6 m²

* Thuộc Tờ bản đồ số 01 tỉ lệ 1/10.000

B.2 (x:2496520; y: 527412);

C.3 (x:2496350; y: 527412);

D.4 (x:2496350; y: 527241).

- Phía Bắc giáp: Khu rừng Trần Hưng Đạo;

- Phía Nam giáp: Dãy núi SLam Khẩu, Khẩu Giáng;

- Phía Đông giáp: Khe suối Lũng Chí;

- Phía Tây giáp: Đồi Pú An.

5. Di tích đồn Nà Ngần

a. **Khu vực bảo vệ I:** Là vùng có các yếu tố gốc cấu thành di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số 346, diện tích 687,2 m²

* Thuộc Tờ bản đồ địa chính số 85 tỉ lệ 1/1.000.

- Phía Bắc giáp: đất nhà ông Đặng Văn Chi và đất nhà ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Nam giáp: đất nhà ông Đặng Văn Dền;

- Phía Đông giáp: đất nhà ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Tây giáp: đất và nhà ông Đặng Văn Chi.

* Khu vực này có diện tích 687,2 m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D... có toạ độ như sau:

A.1 (x: 2501702; y: 536847);

B.2 (x: 2501704; y: 536884);

C.3 (x: 2501686; y: 536885);

D.4 (x: 2501683; y: 536848);

- Phía Bắc giáp: đất nhà ông Đặng Văn Chi và đất nhà ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Nam giáp: đất nhà ông Đặng Văn Dền;

- Phía Đông giáp: đất nhà ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Tây giáp: đất và nhà ông Đặng Văn Chi.

b. **Khu vực bảo vệ II:** Là vùng bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực bảo vệ I của di tích, Khu vực này gồm:

- Thửa đất số 346, diện tích ... m²

- Thửa đất số 146, diện tích ... m²

- Thửa đất số 198, diện tích ... m²

- Thửa đất số 200, diện tích ... m²

- Thửa đất số 264, diện tích ... m²

* Thuộc Tờ bản đồ số 85 tỉ lệ 1/1000

* Khu vực này có tổng diện tích 1.849,6 m² được xác định bởi các điểm A, B, C, D... có toạ độ như sau:

A.5 (x: 2501717; y: 536846);

B.6 (x: 2501720; y: 536898);

C.7 (x: 2501672; y: 536901);

D.8 (x: 2501668; y: 536849).

- Phía Bắc giáp: đất ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Nam giáp: đất ông Đặng Văn Dền;

- Phía Đông giáp: đất ông Đặng Văn Tiến;

- Phía Tây giáp: đất và nhà ông Đặng Văn Tiến.

II. KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào những nội dung đã nêu trên, tổng thể Hội nghị nhất trí đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét xếp hạng Khu di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo là di tích cấp quốc gia đặc biệt.

Biên bản này đã được thông qua và các đại biểu nhất trí ký tên:

Chủ trì cuộc họp

Thư ký cuộc họp


Đàm Quang Giảng

Nguyễn Văn Hải

III. XÁC NHẬN CỦA CÁC CƠ QUAN

UBND Xã Hoa Thám

UBND Xã Tam Kim

Phòng văn hoá thông tin
huyện Nguyên Bình


Hoàng Tôn Sao


Lê Thanh Hoat


Vũ Thị Mai

4. Phòng Tài nguyên MT,
huyện Nguyên Bình

5. UBND Huyện
Nguyên Bình

6. Bảo tàng tỉnh
Cao Bằng


Nguyễn Đình Vinh


Nông Văn Trường


Phùng Chí Kiên

Sở văn hoá thể thao và Du lịch
Cao Bằng

7. Sở Tài nguyên và Môi trường
Cao Bằng


Đàm Quang Giảng


Nguyễn Thành Hải

8. UBND tỉnh Cao Bằng


Trần Hồng

Nguyễn Thành Hải

11. Biên bản kiểm kê hiện vật tại đồn Phai Khắt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ HIỆN VẬT TRUNG BÀY
TẠI DI TÍCH ĐỒN PHAI KHẮT

Vào lúc 9h, ngày 17 tháng 9 năm 2014

Tại nhà trưng bày di tích đồn Phai Khắt

Chúng tôi gồm các thành viên đại diện của:

Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch

Ông: Đàm Quang Gióng – Phó Giám đốc Sở

Ông: Phùng Chí Kiên – Giám đốc Bảo tàng tỉnh

Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình

- Ông: Nông Văn Trường – Phó chủ tịch UBND huyện

- Ông: Lê Văn Trường – Giám đốc khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng

Đạo

- Bà: Nông Thị Thủy – Phó phòng VH TT

Ủy ban nhân dân xã Tam Kim

Ông: Nông Hữu Chung – Bí thư Đảng xã

Cùng kiểm kê các tài liệu, hiện vật trưng bày tại di tích đồn Phai Khắt như sau:

STT	CHI TIẾT NỘI DUNG	Tình trạng
I	TÀI LIỆU ẢNH	
01	Ảnh tượng Các Mác trong hang Pác Bó, Cao Bằng nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ở và làm việc trong thời gian hoạt động tại Pác Bó năm 1941.	cũ
02	Ảnh lán Khuổi Nặm, Hà Quảng, Cao Bằng nơi họp Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941	cũ
03	Ảnh Lũng Cát, Hà Quảng, Cao Bằng nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập đội VNTTGPK	cũ
04	Ảnh Hang Kéo Quảng xã Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng nơi đ/c Võ Nguyên Giáp mở lớp huấn luyện cho cán bộ cách mạng huyện Nguyên Bình. Có các học viên Tam Kim học tập, tháng 1 năm 1942	cũ
05	Ảnh Nà Dù xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi đ/c Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng mở lớp huấn luyện cán bộ cách mạng cho đồng bào Tây, Dao năm 1942	cũ, ó

06	Ảnh Nhà Sang Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi hàng trăm hội viên cứu quốc xã Tam Kim, Hoa Thám xem triển lãm chống Nhật Tây và luyện tập tự vệ địa phương.	cũ, ó
07	Ảnh Hang Phia Phứt xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi thành lập chi bộ Tam Kim tháng 9 năm 1943 sau đó là chi bộ Nam Tiến	cũ, ó
08	Ảnh bản Pác Cáp xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi nhân dân Tam Kim, Hoa Thám mít tinh chống đế quốc ủng hộ Việt Minh	cũ
09	Ảnh Ruồng Bó, xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi đ/c Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng mở lớp huấn luyện cho cán bộ cốt cán xã Tam Kim đầu năm 1942	cũ
10	Ảnh đ/c Võ Nguyên Giáp hoạt động cách mạng ở xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng đầu năm 1942	cũ
11	Ảnh đ/c Lê Thiết Hùng (Đình) hoạt động ở xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng đầu năm 1942	cũ
12	Ảnh đ/c Nông Văn Lạc một trong những cán bộ cốt cán của xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng năm 1942	cũ
13	Ảnh Dương Thị Thiên xóm Nà Vạ xóm Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng mẹ nuôi của đ/c Võ Nguyên Giáp	cũ, ó
14	Ảnh Dương Văn Long một trong những cán bộ cốt cán xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng năm 1942	cũ
15	Ảnh đ/c Lý Văn Thượng (Tuyên Truyền) là chủ nhiệm ban Việt Minh khu Quang Trung	cũ
16	Ảnh ông Nông Văn Quang, Lô Quang Kháng, Nông Thị Hữu, Nông Văn Lạc là những cán bộ Nam Tiến năm 1942	cũ
17	Ảnh Vạ Phá xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng. Nơi mở các lớp huấn luyện quân sự cho cán bộ trong vùng và cán bộ Nam Tiến năm 1942	cũ
18	Ảnh đội VNNTGQP trong ngày thành lập 22/12/1944 tại núi Dền Sinh, dãy Khau Giáng, Trần Hưng Đạo xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	cũ, ó
19	Ảnh bữa cơm đầu tiên của đội VNNTGQP	cũ, ó
20	Khung Ảnh 34 chiến sỹ đội VNNTGQP trong ngày thành lập	cũ
21	Ảnh nhà ông Nông Văn Lạc bị địch chiếm làm đồn năm 1944	cũ

22	Ảnh bìa di tích trên núi Slam Cao nơi đ/c Võ Nguyên Giáp (Văn) quan sát để quyết định đánh đồn Phai Khắt	cũ
23	Ảnh góc cây công làng nơi đội VNTTGPQ bố trí đội viên và tự vệ địa phương phục kích trong trận đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944	cũ
24	Ảnh đội VNTTGPQ tập kích chuẩn bị đánh đồn Phai Khắt cách đồn 500m	cũ
25	Bức tranh vẽ quân ta giải phóng và chiếm đồn (họa sỹ Trọng Điền)	cũ
26	Ảnh đ/c Lương Quân, tự vệ địa phương tham gia đánh đồn Phai Khắt ngày 25/12/1944	cũ
27	Ảnh đ/c Nông Văn Xương (bé Hồng) người trinh sát đồn Phai Khắt	cũ
28	Ảnh góc sân đồn Phai Khắt nơi tên đồn trưởng Xi Mô Nô bị tiêu diệt	cũ, ó
29	Ảnh bìa di tích đồn Nà Ngần, xã Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng	cũ
II	TÀI LIỆU HIỆN VẬT GIẤY	
1	Lịch sử nước ta	Cũ, ó
2	Phép dùng binh của ông Tôn tử	Cũ, sòn, rách mép
3	Chương trình Việt minh và điều lệ Tài liệu do Tổng bộ Việt Minh biên soạn để tuyên truyền cách mạng	Cũ, rách
4	Cờ hồng Việt Nam độc lập đồng minh vạn tể (vạn tuế) Tài liệu do Tổng bộ Việt Minh biên soạn để tuyên truyền cách	Cũ, rách mép, hũ mờ
5	Điều lệ cứu quốc hội Tài liệu do Tổng bộ Việt Minh biên soạn để tuyên truyền cách	Cũ, chữ còn rõ
6	Sổ biên các lịch sử làm cách mạng bí mật Tài liệu đ/c Đặng Tuần Quý ghi chép về tình hình cách mạng ở xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	Cũ, rách, sòn các mép
7	Sổ chép tay Tài liệu đ/c Đặng Tuần Quý ghi chép về tình hình cách mạng ở xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	Cũ, sòn mép
8	Sổ chép tay Tài liệu đ/c Đặng Tuần Quý ghi chép về tình hình cách mạng ở xã Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	Cũ, sòn
9	Báo Việt Nam độc lập Do Tổng bộ Việt Minh biên soạn để giác ngộ tập hợp nhân dân tham gia cách mạng	Cũ, rách
10	Kinh năm chữ Tài liệu do đ/c Võ Nguyên Giáp biên soạn để tuyên truyền vận	Cũ, rách

	động nhân dân tham gia cách mạng	
11	Việt minh ngũ tự kinh Tài liệu do đ/c Võ Nguyên Giáp biên soạn để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia cách mạng	Cũ
12	Kinh năm chữ Tài liệu do đ/c Võ Nguyên Giáp biên soạn để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia cách mạng-dịch sang tiếng Tây	Cũ
13	Kinh năm chữ Tài liệu do đ/c Võ Nguyên Giáp biên soạn để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia cách mạng	Cũ
III	HIỆN VẬT THỂ KHỐI	
1	Nồi của ông Nông Ngọc Đình dùng nấu cơm phục vụ đ/c Võ Nguyên Giáp và các đ/c hoạt động ở Tam Kim	Méo, vá nhiều chỗ
2	Bát các đ/c Võ Nguyên Giáp, Nông Văn Lạc, Lê Thiết Hùng dùng đựng thức ăn khi hoạt động ở Hoa Thám	Cũ
3	Dao quắm của ông Bàn Tiến Ban ở Nà Coóc, Tam Kim dùng làm lán cho cuộc mít tinh ở Pò Mán, Khuổi Khoang, Hoa Thám	Cũ
4	Túi của Dương Văn Long đựng tài liệu dẫn đường cho các đ/c Võ Nguyên Giáp, Lê Thiết Hùng về Tam Kim xây dựng cơ sở cách mạng	Rách, vá nhiều chỗ
5	Đèn dầu của ông Nông Ngọc Đình phục vụ các đ/c Võ Nguyên Giáp, Nông Văn Lạc, Dương Văn Long	Nấp dưới bị rời ra
6	Quần của ông Nông Ngọc Đình ở Tam Kim đưa cho đ/c Võ Nguyên Giáp mặc để che mắt địch	Vá nhiều chỗ
7	Đánh lửa của ông Hoàng Văn Hoan dùng lấy lửa	cũ
8	Màn của ông Bàn Văn Toàn ở Hoa Thám đưa cho đ/c Võ Nguyên Giáp dùng ở Sân Đạo	cũ, rách
9	Tay nải của ông Bàn Tài Uyển ở Khuổi Điện, xã Hoa Thám lấy củ mài để tiếp tế cho đ/c Võ Nguyên Giáp	cũ, rách
10	Đá tên đồn trưởng đồn Phai khắt dùng đàn áp cách mạng	cũ
11	Dây thừng tên đồn trưởng đồn Phai khắt dùng chối cán bộ, quần chúng cách	cũ

	mạng	
12	Kéo của ông Công Lý dùng cắt tóc cho các đội viên đội VNTTGPO	cũ
13	Nồi của bà Dương Thị Ngâm ở Nà Dù, Tam Kim nấu cơm tiếp tế cho đ/c Võ Nguyên Giáp và các cán bộ ở khu rừng Trần Hưng Đạo	Đáy không còn
14	Nồi gang của ông Bàn Tài Quyên (Trung Thành) dùng nấu cơm cho các đ/c Nông Văn Lạc, Dương Văn Long khi hoạt động ở Tam Kim	Rỉ
15	Chiên đ/c Đặng Tuấn Hỷ (Tranh Đấu) dùng đắp khi công tác ở khu rừng Trần Hưng Đạo	Rách, vá nhiều
16	Bao đựng gạo của ông Nông Ngọc Đình đựng lương khô, bấp tiếp tế cho đội VNTTGPO đánh đồn Phai Khắt	Cũ, ó
17	Tay nải của ông Triệu Thạch Thanh xã Hoa Thám dùng tiếp tế lương thực cho đ/c Võ Nguyên Giáp, Hoàng Sâm...	Vá nhiều chỗ
18	Quả bầu đ/c Lạc, đ/c Thơ dùng đựng nước uống khi hoạt động ở Tam Kim, Hoa Thám	Cũ
19	Súng ngắn + đạn đ/c Võ Nguyên Giáp giao cho ông Dương Văn Long (Trọng Khánh)	Cũ
20	Màn ông Tô Đình Túy dùng khi hoạt động cách mạng ở Tam Kim	Cũ
21	Nồi đồng ông Ma Văn Thái (Võ) dùng nấu cơm phục vụ các đ/c hoạt động cách mạng ở Khuổi Tát, Thôm Dằm	Cũ, méo, vá nhiều chỗ
22	Siêu đồng ông Nông Văn Thử dùng đun nước uống cho 34 chiến sỹ ở khu rừng Trần Hưng Đạo	Méo, mất 1 quai
23	Phích nước ông Đặng Tuấn Hỷ (Tranh Đấu) dùng đựng nước phục vụ đ/c Võ Nguyên Giáp, đ/c Nông Văn Lạc ở Khuổi Khoang	Rỉ
24	Áo Đặng Tuấn Quý mặc cải trang khi đánh đồn Nà Ngần, Hoa Thám, Nguyên Bình, Cao Bằng	Cũ, rách
25	Nồi đồng ông Đặng Tiến dùng nấu cơm phục vụ các đ/c hoạt động cách mạng ở xã Hoa Thám	Cũ, đáy vá
26	Đoản kiếm	Cũ

	ông Mã Văn Thái (Võ) tham gia đánh đồn Phai Khắt trừ khử việt gian	
27	Mũ nhân dân Tam Kim sắm cho đội VNTTGPQ cải trang thành lính đồng đánh đồn Phai Khắt	Cũ
28	Súng kíp đội VNTTGPQ dùng trong trận Phai Khắt	
29	Súng kíp ông Bàn Tài Quyên tham gia đánh đồn Nà Ngần lần 1, lần 2	
30	Súng kíp ông Đặng Tiến Hình (Tự do) tham gia đánh đồn Phai Khắt và Nà Ngần	
31	Chai ông Nông Văn Xương (bé Hồng) mua rượu cho lính trong đồn Phai Khắt để dò la tin tức đánh đồn Phai Khắt	
32	Cối xay ông Nông Văn Viên dùng xay ngô phục vụ đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng các cán bộ hoạt động ở Tam Kim	
33	Giường sắt	Ri
34	Kiểm chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Ri
36	Lưỡi lê chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ
37	Lưỡi lê chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ
38	Thắt lưng bao đạn chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ
39	Bao súng có túi đựng đạn chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Rách
40	Mũ chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ
41	Áo chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ, sờn, rách, vá
42	Áo dạ chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận đánh đồn Phai Khắt	Cũ, rách
43	Bộ bàn ghế Chiến lợi phẩm của ta thu được sau trận Phai Khắt	Mọt
44	Bộ bể lò rèn	Nguyên

45	Súng côn	Nguyên
----	----------	--------

Tổng số tài liệu hiện vật trong nhà trưng bày di tích đồn Phai Khắt là: 87 hiện vật. Trong đó:

Tài liệu ảnh: 29

Tài liệu, hiện vật giấy: 13

Hiện vật thể khối: 45

SỞ VH, TT&DL

UBND HUYỆN NGUYÊN BÌNH

ĐẢNG ỦY XÃ TAM KIM



Đàm Quang Liêng



Nông Văn Trường



Nông Hữu Chung

*12. Biên bản thống nhất xử lý hiện vật, tài liệu hiện đang trưng bày tại
đền Phai Khắt*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

**Thống nhất xử lý hiện vật, tài liệu hiện đang trưng bày
tại di tích Đền Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình.**

Căn cứ công văn số 2312/UBND-VX ngày 20 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc chuyển nội dung trưng bày tại di tích chiến thắng đền Phai Khắt sang trưng bày tại nhà trưng bày mới thuộc khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo.

Hôm nay, ngày 17 tháng 9 năm 2014, tại di tích chiến thắng đền Phai Khắt chúng tôi gồm có:

Thành Phần:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Ông Đàm Quang Gióng- Phó Giám đốc Sở
- Ông Phùng Chí Kiên- Giám đốc Bảo tàng tỉnh

Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình

- Ông: Nông Văn Trường – Phó chủ tịch UBND huyện
- Ông: Lê Văn Trường – Giám đốc khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo

- Bà: Nông Thị Thủy – Phó phòng VH TT

Bảo tàng Quân khu I

- Ông: Phạm Đình Tiến – Đại tá – Giám đốc

Ủy Ban nhân dân xã Tam Kim

- Ông: Nông Hữu Chung – Bí thư Đảng uỷ xã

Nội dung làm việc được thống nhất cụ thể như sau:

1. Kiểm kê hiện trạng hiện vật đang trưng bày tại di tích chiến thắng đền Phai Khắt (có biên bản kèm theo).

2. Bàn giao hiện vật:

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bàn giao hiện vật cho UBND huyện Nguyên Bình (có biên bản kèm theo).

- UBND huyện Nguyên Bình bàn giao cho Bảo tàng Quân Khu I toàn bộ tài liệu hiện vật trưng bày tại di tích chiến thắng đền Phai Khắt (có biên bản kèm theo); Số tài liệu hiện vật còn lại bàn giao cho Ban quản lý di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo quản lý, bảo quản.

3. Để lại trưng bày tại di tích gốc (Đồn Phai Khắt) 02 hiện vật thuộc di tích (01 bộ bàn ghế và 01 giường)

Các thành viên trong thành phần cuộc họp đều thống nhất với nội dung trên. Biên bản được lập thành 04 bản.

Cao Bằng, ngày 17 tháng 9 năm 2014

SỞ VH,TT&DL

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đàm Quang Lương

BẢO TÀNG QUÂN KHU I

gadm
Đa, Tạ phay Đình Tiếu

UBND

HUYỆN NGUYỄN BÌNH



Nông Văn Cường

ĐẢNG ỦY
XÃ TAM KIM



Nông Hữu Chung

13. Báo cáo số 93/BC-TBND ngày 31/7/2014 Báo cáo tiến độ chuẩn bị tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt khu rừng Trần Hưng Đạo

BTC LỄ KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY
THÀNH LẬP QĐND VIỆT NAM, CÔNG BỐ DI
TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT KHU RỪNG
TRẦN HƯNG ĐẠO
TIÊU BAN NỘI DUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 31 tháng 7 năm 2014

Số: **93** /BC- TBND

BÁO CÁO

Tiến độ chuẩn bị tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo

Thực hiện Kế hoạch số 931/KH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ban Tổ chức Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo;

Tiêu ban nội dung trên cơ sở tổng hợp nắm tình hình và báo cáo của các Tiêu ban, báo cáo tiến độ thực hiện như sau:

1. Tiêu Ban nội dung:

- Vào ngày 11/6/2014, Tiêu ban nội dung tổ chức họp thống nhất về nội dung kế hoạch triển khai nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ các thành viên Tiêu ban nội dung; Ban hành Kế hoạch V/v Tổ chức Lễ kỷ niệm (số 43/KH-TBND ngày 11/6/2014) và Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên Tiêu ban nội dung Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo(Số 41/TB-TBND ngày 11/6/2014);

- Ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo nội dung Kịch bản (*kịch bản văn học và kịch bản nghệ thuật*) Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố Quyết định di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo; giao nhiệm vụ cho Tổ soạn thảo có trách nhiệm tham mưu, giúp xây dựng Kịch bản chi tiết Lễ kỷ niệm. Đồng thời, tổ chức cho một số thành viên Tổ soạn thảo kịch bản đi khảo sát, thực địa Di tích rừng trần Hưng Đạo.

* - Chỉ đạo xây dựng Báo cáo quá trình Khu di tích lịch sử Rừng Trần Hưng Đạo được xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt và các bài phát biểu cho lãnh đạo Đảng và nhà nước, phát biểu khai mạc của lãnh đạo tỉnh tại buổi Lễ kỷ niệm

* - Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, đón tiếp, hướng dẫn khách đến thăm quan Khu di tích trước, trong và sau Lễ kỷ niệm; Chỉ đạo các khách sạn nhà hàng, cơ sở lưu trú, khu điểm du lịch chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện đảm bảo an toàn cho đại biểu và khách du lịch

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng Lễ kỷ niệm trên địa bàn toàn tỉnh

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch chi tiết bắn pháo hoa tầm thấp tại 02 điểm (Thành phố Cao Bằng và huyện Nguyên Bình), dự kiến 15';

- Lập dự toán kinh phí gửi Tiểu ban Hậu cần - vận động tài trợ với tổng dự toán theo dự kiến là: 3.804.944.000 (*Ba tỷ tám trăm linh bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn*);

* - Chỉ đạo có kế hoạch phối hợp, đôn đốc chính trang Khu di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo.

- Tổ chức họp Hội đồng nghệ thuật thẩm định Kịch bản văn học Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo (vào ngày 22/ 7/2014)

2. Tiểu ban Hậu cần - Vận động tài trợ:

Tiểu ban đã tổ chức cuộc họp vào ngày 13/6/2014, thông qua nội dung Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Tiểu ban và phân công chi tiết nhiệm vụ các thành viên Tiểu ban Hậu cần - Vận động tài trợ Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố Quyết định di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo.

Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ lập danh sách và chuẩn bị giấy mời đại biểu dự lễ; xây dựng kế hoạch chính trang khu vực tổ chức sự kiện, kế hoạch công tác hậu cần và các điều kiện khác để tổ chức lễ kỷ niệm...

Chỉ đạo, phân công nhiệm vụ vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ, tài trợ tổ chức sự kiện buổi lễ; tổng hợp toàn bộ kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm.

Chỉ đạo các ngành, đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí; tổng hợp tổng dự toán kinh phí thực hiện Lễ kỷ niệm.

3. Tiểu ban Tuyên truyền - Khánh tiết:

Đã tổ chức họp Tiểu ban vào chiều ngày 19/6/2014, thông qua nội dung Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Tiểu ban và phân công chi tiết nhiệm vụ các thành viên Tiểu ban Tuyên truyền - Khánh tiết Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố Quyết định di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo.

Ban hành Kế hoạch số 102- KH/BTGTU, ngày 19/6/2014 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy V/v Tuyên truyền - Khánh tiết kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố Quyết định di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo

4. Tiểu ban ninh trật tự:

Cơ quan thường trực tiểu ban (Công an tỉnh) đang xây dựng dự thảo Kế hoạch đào tạo công tác an ninh trật tự, phòng, chống cháy, nổ; an toàn giao thông... nơi tổ chức các hoạt động liên quan đến lễ kỷ niệm.

Sau khi Kịch bản tổng thể chương trình Lễ kỷ niệm được phê duyệt, Tiểu ban sẽ tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết phân công nhiệm vụ các thành viên tiểu ban; chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện các

phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn địa điểm tổ chức lễ kỷ niệm, trước, trong và sau thời gian tổ chức sự kiện.

*** Đánh giá chung:**

Căn cứ Kế hoạch và Thông báo phân công nhiệm vụ, các đồng chí thành viên các Tiểu ban, các cơ quan, đơn vị liên quan đã quan tâm triển khai nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian theo kế hoạch chung của Ban tổ chức.

Trên đây là báo cáo tiến độ chuẩn bị cho Lễ kỷ niệm 70 năm ngày thành lập QĐND Việt Nam và công bố di tích quốc gia đặc biệt Khu rừng Trần Hưng Đạo của Tiểu Ban nội dung./.

Nơi nhận:

- Đ/c Trần Hùng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh,
- Phó Trưởng ban Thường trực BTC(Báo cáo);
- Các thành viên Tiểu Ban nội dung;
- Lưu VT.

TRƯỞNG TIỂU BAN NỘI DUNG



GIÁM ĐỐC SỞ VHTTDL
Hà Văn Hiến

14. Danh sách Đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân

DANH SÁCH ĐỘI VIỆT NAM TUYÊN TRUYỀN GIẢI PHÓNG QUÂN

I. Danh sách 34 chiến sỹ dự buổi lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân Ngày 22 tháng 12 năm 1944.

T T	HỌ VÀ TÊN	BÍ DANH	DÂN TỘC	QUÊ QUÁN	GHI CHÚ
1	Trần Văn Kỳ	Hoàng Sâm, Trần Sơn Hùng	Kinh	Lệ Sơn, Tuyên Hoá, Quảng Bình	Đội trưởng liệt sỹ
2	Dương Mạc Thạch (Cam)	Xích thắng	Tày	Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	Chính trị viên
3	Ngô Quốc Bình	Hoàng Văn Thái	Kinh	Tây An, Tiên Hải, Thái Bình	Tình báo KH-TC
4	Bế Bằng	Kim Anh	Tày	Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng	
5	Nông Văn Bát	Đàm Quốc Chung, Đàm Tịch	Tày	Bình Long, Hoà An, Cao Bằng	
6	Bế Văn Bôn	Bế Văn Sắt Hồng Quân, Mậu	Tày	Bình Long, Hoà An, Cao Bằng	<i>ở Bình Long.</i>
7	Tô Văn Cẩm	Tiến Lực Đình Lực	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	
8	Nguyễn Văn Càng	Thu Sơn	Tày	Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng	
9	Nguyễn Văn Cơ	Đức Cường	Kinh	Đê Thám, Hoà An, Cao Bằng	
10	Trương Văn Cù	Trương Đắc, Đồng	Tày	Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	
11	Hoàng Văn Cùn	Quyên, Thịnh	Tày	Tràng Xá, Võ Nhai, Thái Nguyên	
12	Võ Văn Dánh	Luận	Kinh	Đức Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Bình	
13	Tô Vũ Dấu	Thịnh Nguyên	Tày	Vĩnh Quang, Hoà An, Cao Bằng	
14	Dương Văn Dấu	Đại Long	Nùng	Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	
15	Chu Văn Đế	Nam	Tày	Minh Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	Liệt sỹ
16	Hoàng Thế Hậu	<i>Hoàng Thế Hậu</i>	Tày	Đào Ngạn, Hà Quảng, Cao Bằng	
17	Nông Văn Kiếm	Liên	Tày	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	Liệt sỹ
18	Đình Văn Kính	Đình Trung Lương	Tày	Lê Lợi, Thạch An, Cao Bằng	
19	Hà Hưng Long		Tày	Nam Tuấn, Hoà An, Cao Bằng	

20	Lộc Văn Lùng	Văn Tiên	Tày	Mai Pha, Cao Lộc, Lạng Sơn	Quản lý
21	Hoàng Văn Lương	Kinh Phát	Nùng	Đức Văn, Ngân Sơn, Bắc Cạn	
22	Hầu A Lý	Hồng Cò	Mông	Mình Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	
23	Long Văn Mẫn	Ngọc Trinh	Nùng	Bình Long, Hoà An, Cao Bằng	Liệt sĩ
24	Lâm Cẩm Như	Lâm Kính	Kinh	Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng	Công tác chính trị.
25	Hoàng Văn Nhung	Xuân Trường	Tày	Sóc Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	Liệt sĩ
26	Bế Ích Nhân	Bế Ích Vạn	Tày	Vân Tùng, Ngân Sơn, Bắc Cạn	
27	Hoàng Văn Ninh	Thái Sơn	Nùng	Thượng Ân, Ngân Sơn, Bắc Cạn	
28	Giáp Ngọc Páng	Thân Nông Văn Bê	Nùng	Hà Quảng, Cao Bằng	Liệt sĩ
29	Nguyễn Văn Phán	Kế Hoạch	Tày	Hồng Việt, Hoà An, Cao Bằng	
30	Ma Văn Phiêu	Mạc Văn Phiêu Bắc Hợp, Đường	Tày	Mình Tâm, Nguyên Bình, Cao Bằng	Liệt sĩ
31	Đặng Tuấn Quý		Dao	Tam Kim, Nguyên Bình, Cao Bằng	
32	Lương Quý Sâm	Lương Văn Ích	Nùng	Nà Sác, Hà Quảng, Cao Bằng	
33	Hoàng Văn Súng	La Thanh	Nùng	Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	
34	Mông Văn Vấy	Mông Phúc Thơ	Nùng	Tràng Xá, Võ Nhai.	Liệt sĩ

2. Danh sách cán bộ đại đội và trung đội của Đại đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đầu tiên.

CÁN BỘ ĐẠI ĐỘI:

Hoàng Sâm	-	Đại đội trưởng.
Xích Thắng	-	Chính trị viên.
Hoàng Văn Thái	-	Tình báo và kế hoạch tác chiến.
Lâm Kính	-	Công tác chính trị.
Văn Tiên	-	Quản lý.

Trung đội 1:

Nam Tuấn	-	Trung Đội trưởng.
Vũ Lập	-	Chính trị viên.
Bế Văn Sắt	-	Trung đội phó.

Trung đội 2:

Đàm Quốc Chung	-	Trung đội trưởng.
Nam Long	-	Chính trị viên.
Mai Trung Lâm	-	Chính trị viên.
Bế Sơn Cương	-	Trung đội phó.

Trung đội 3:

Đàm Quang Trung	-	Trung đội trưởng.
Hoàng Thịnh	-	Chính trị viên.
Mông Phúc Thơ	-	Trung đội phó.
Đào Mạnh Vy	-	Trung đội phó.

< member >

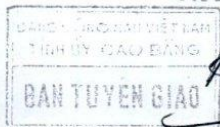
Trung đội 4:

Lĩnh Thành	-	Trung đội trưởng.
Nam Long	-	Chính trị viên.
Nông Quốc Sùng	-	Trung đội phó.

Trích trong cuốn : *Đội VH TT GPQ*
 Nhà xuất bản QĐND - Năm 2003
 trang 86 - 87 - 317.

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị An

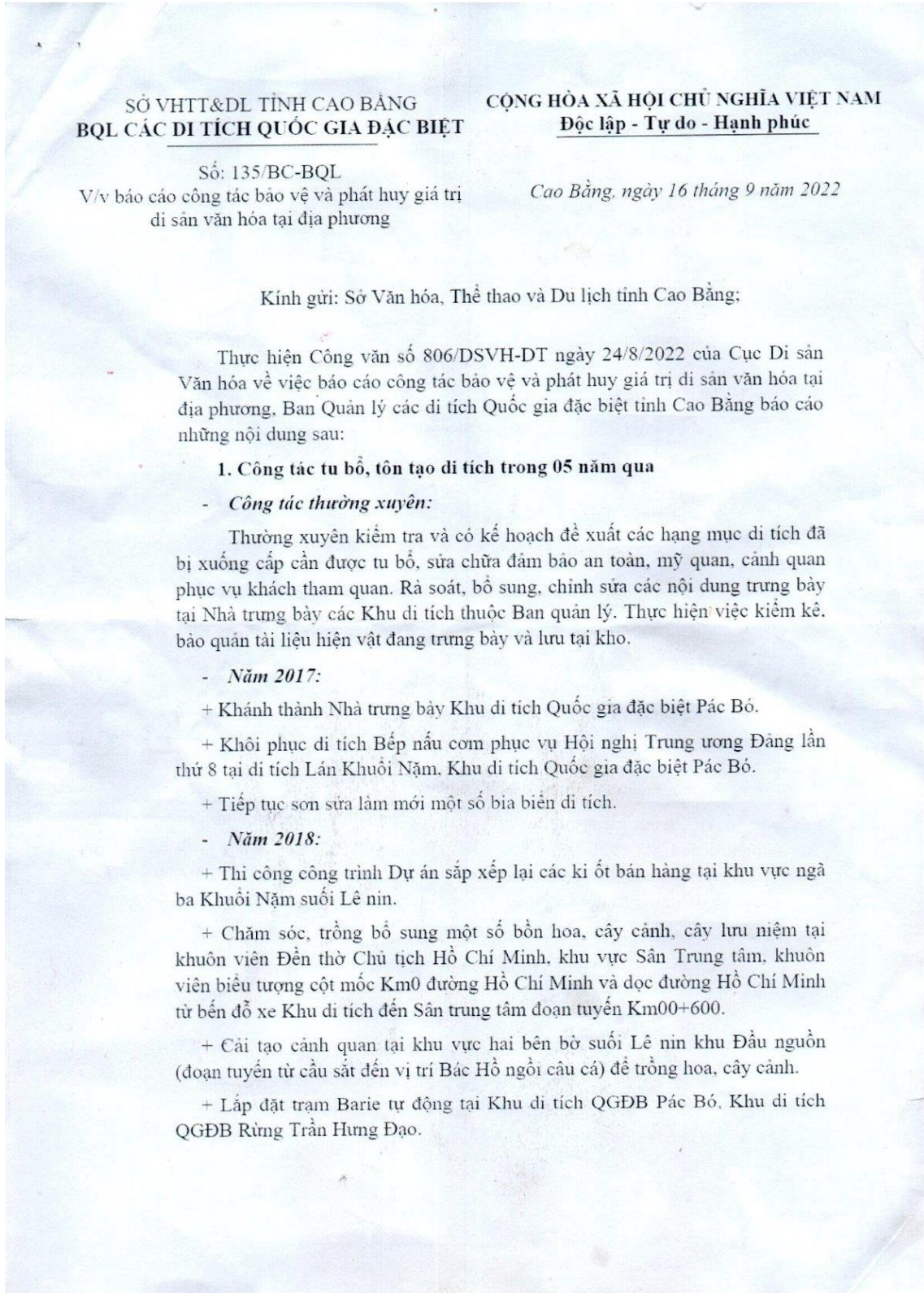
SỞ VĂN HOÁ THÔNG TIN.

GIÁM ĐỐC



Lê Chí Thành

15. Văn bản số 135/BQL ngày 16/9/2022 của BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng Báo cáo về việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá tại địa phương.



- Năm 2019:

Năm 2019, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, ngày 22/4/2019, UBND tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng (gồm 03 di tích: Khu di tích Pác Bó, Di tích Rừng Trần Hưng Đạo và Di tích Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950 huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng).

+ Ban Quản lý được sự nhất trí chủ trương của UBND tỉnh và Sở VH-TT-DL đã tiến hành sửa chữa nhỏ công trình Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại KDTQGĐB Pác Bó.

+ Tiến hành lắp đặt hệ thống camera quan sát tại các di tích thuộc Ban quản lý, nhằm hỗ trợ đảm bảo công tác an ninh trật tự trong toàn Ban.

+ Làm mới 03 trạm gác an ninh tại các khu di tích QGĐB rừng Trần Hưng Đạo và di tích QGĐB địa điểm Chiến thắng biên giới năm 1950.

+ Tiến hành kiểm tra, rà soát, thay mới các khẩu hiệu, pa nô tại các di tích.

+ Tiến hành thi công các hạng mục bảo quản, tu bổ, phục hồi và xây dựng mới di tích tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo như: Nhà tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Nhà trưng bày tại Khu di tích; Cải tạo, nâng cấp khu lán trại 34 chiến sĩ; Cải tạo, nâng cấp đồn Phai Khắt; Nhà chõ tại khu dâng hương Đại tướng Võ Nguyên Giáp; Cải tạo lại bức phù điêu. Các hạng mục xây mới: Chòi quan sát trên đỉnh Slam Cao; đường đi bộ lên Chòi quan sát trên đỉnh Slam Cao; Nâng cấp, làm mới hệ thống cấp nước đảm bảo hoạt động cho khu di tích. Các hạng mục khác: Bảo tàng 3D Nhà trưng bày; bổ sung hiện vật trưng bày, tưởng niệm....

+ Tiến hành kiểm tra, rà soát, vệ sinh các bia biển di tích, làm mới các bia biển di tích đã cũ, hỏng, chỉnh sửa một số bia biển di tích, sửa lại hàng rào quây xung quanh điểm di tích Bếp nấu cơm phục vụ Bác Hồ năm 1941 tại cụm di tích đầu nguồn suối Lê Nin

- Năm 2020:

+ Tiến hành sơn lại đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Phục dựng di tích nhà ông Lý Quốc Súng, lán Khuổi Nặm tại Khu di tích QGĐB Pác Bó.

+ Sửa chữa hệ thống điện, điều hòa Khu nhà làm việc và Nhà trưng bày; Làm mái vòm che, đường lối ra dành cho khách tham quan tại bến xe Nà Nhinh...;

+ Phục dựng Trại lính Pháp tại Di tích cứ điểm Đông Khê, trưng bày một số tư liệu hiện vật và một số hình ảnh, sơ đồ liên quan đến di tích cứ điểm Đông Khê, sỹ quan binh lính Pháp trong chiến dịch Biên giới năm 1950.

+ Tiến hành kiểm tra, rà soát, thống kê, sơn sửa làm mới các bia biển di tích, biển chỉ dẫn, biển trồng cây lưu niệm; Xây dựng nội dung các nội quy tham quan tại Khu di tích QGĐB địa điểm chiến thắng Biên giới 1950.

- **Năm 2021:**

+ Tiến hành sửa chữa công trình Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại KDT QGĐB Pác Bó.

2. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức, quảng bá di sản

Ban quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt luôn chú trọng công tác truyền thông và quảng bá giá trị của các Khu di tích Quốc gia đặc biệt thông qua nhiều hình thức như:

- Đẩy mạnh công tác quảng bá trên trang thông tin điện tử pacbo.vn và trên các fanpage của đơn vị.
- Nâng cao hiệu quả công tác giới thiệu thuyết minh tại các Khu di tích.
- Xây dựng các bộ triển lãm chuyên đề trưng bày phục vụ cho các sự kiện, lễ hội trong và ngoài tỉnh.
- Xây dựng các video, clip; sưu tầm, nghiên cứu các bài viết về văn hóa, lịch sử gắn với các Khu di tích đăng tải lên trang thông tin điện tử của đơn vị.
- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức các buổi ngoại khóa, nói chuyện chuyên đề, hội thảo khoa học tại các Khu di tích Quốc gia đặc biệt.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Quản lý các di tích Quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng về công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa tại địa phương./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Đào Văn Mùi

16. Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Đề án đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã vùng an toàn khu (ATK) huyện Nguyên Bình, giai đoạn 2016-2025

phần: Hc GA 80, P. NVVH, kcs Tay, ktesc.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QĐ-UBND Cao Bằng, ngày 07 tháng 8 năm 2015

BẢO TÀNG TÍN SỬ 1272/QĐ-UBND
ĐẾN SỐ: 1272
Ngày: 07/8/2015
Chuyên: Về việc phê duyệt Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn,
LƯU HỒ SƠ SỐ: tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã vùng an toàn khu (ATK),
huyện Nguyên Bình, giai đoạn 2016-2025

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CAO BẰNG
Số: 1272/QĐ-UBND
Ngày: 07/8/2015
Chuyên: Về việc phê duyệt Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn,
LƯU HỒ SƠ SỐ: tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã vùng an toàn khu (ATK),
huyện Nguyên Bình, giai đoạn 2016-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc công nhận các xã An toàn khu cách mạng thuộc tỉnh Cao Bằng;
Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-TTg ngày 11/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;
Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 21/7/2008 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH huyện Nguyên Bình đến năm 2020;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân huyện Nguyên Bình tại Tờ trình số 635a/TTr - UBND ngày 24/7/2015; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 772/BC-SKHĐT ngày 28/7/2015 về việc phê duyệt Đề án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã vùng an toàn khu (ATK), huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã vùng An toàn khu (ATK), huyện Nguyên Bình, giai đoạn 2016- 2025 với những nội dung chủ yếu sau đây:

A. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo ra sự phát triển mới về kinh tế - xã hội và tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng căn cứ cách mạng ATK, góp phần tạo sự chuyển biến nhanh về chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong vùng, giảm nhanh và bền vững số hộ nghèo, đảm bảo đến năm 2025 các xã vùng ATK có thu nhập và mức sống ít nhất bằng và cao hơn mức bình quân của huyện; đến năm 2025 có thu nhập và mức sống cao hơn hẳn mức bình quân toàn huyện.

1

Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững theo hướng sản xuất hàng hoá; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh về đất đai và lao động của địa phương cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững.

Tăng cường xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển rộng rãi các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả; nâng cao dân trí, bảo vệ môi trường sinh thái; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc. Cùng cố vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các xã ATK thuộc huyện Bảo Lạc đến năm 2025

2.1. Giai đoạn 2016 -2020

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác 38,89 triệu đồng/năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 5%.
- Tổng sản lượng lương thực có hạt 9.640 tấn/ 09 xã.
- Thu nhập bình quân đầu người 14.000.000, đồng/người/năm.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong vùng căn cứ cách mạng An toàn khu. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng từ 1% - 3 %/ năm. Giải quyết việc làm mới cho 928 lao động/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 80 % trở lên.
- Phần đầu đến năm 2020 có 02 xã trong vùng An toàn khu đạt tiêu chí nông thôn mới (Minh Tâm, Minh Thanh).
- Tập trung đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng:
 - + Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đi đôi với việc quản lý và khai thác có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực tưới, tiêu. Phần đầu đến năm 2020 có 60% kênh mương nội đồng được kiên cố hóa.
 - + Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, đầu tư nâng cấp các trạm y tế theo hướng đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đến năm 2020 có 03 xã ATK đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã (Minh Tâm, Tam Kim, Tinh Túc), tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 34 % xã ATK (theo tiêu chí mới) Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ổn định 1,16 %/năm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 3,56 %.
 - + Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã. Đến năm 2020 có 90% các xã có đường giao thông đến trung tâm xã được nhựa hóa, bê tông hoá. Nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 87%; tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt trên 80 %.
- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử: tập trung tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, có 11 di tích bảo tồn, tôn tạo, chiếm 39 % số di tích lịch sử cách

mạng trong vùng ATK được tôn tạo, bảo vệ. Có 17 di tích đầu tư xây dựng mới, chiếm 61% số di tích lịch sử cách mạng trong vùng ATK được đầu tư mới.

- Phát triển hệ thống giáo dục, về quy mô trường lớp, chất lượng dạy và học, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các trường theo hướng kiên cố hoá, tỷ lệ kiên cố hoá trường học của các xã ATK đạt 90%; 6 trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường học đạt chuẩn quốc gia lên 10 trường, đạt tỷ lệ 39.11 % trên tổng số trường của vùng ATK trong đó 04 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt tỷ lệ 19%.

- Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở. Phần đầu đến năm 2020 có 100% cán bộ xã, thôn được bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật và kỹ năng điều hành.

- Đến năm 2020 có 70 % số xã, thôn có nhà văn hóa, 86,16% số hộ đạt gia đình văn hóa; 76% số thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa.

2.2. Giai đoạn 2021 - 2025

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất canh tác 50 triệu đồng/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 7%.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt 10.718 tấn.

- Thu nhập bình quân đầu người 19.600.000 đồng/người/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong vùng căn cứ cách mạng An toàn khu. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng từ 2,3 đến 4 %/năm. Giải quyết việc làm mới cho 1.641 lao động/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 95 % trở lên.

- Phần đầu đến năm 2025 có 4/8 xã trong vùng An toàn khu đạt tiêu chí nông thôn mới (Minh Tâm, Minh Thanh, Tam Kim, Bắc Hợp). 04/8 xã còn lại phần đầu đạt và vượt 15/19 tiêu chí Nông thôn mới.

- Tập trung đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng:

+ Tăng cường đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi đi đôi với việc quản lý và khai thác có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực tưới, tiêu. Phần đầu đến năm 2025 có 100% kênh mương nội đồng được kiên cố hóa.

+ Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cấp các trạm y tế theo hướng đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Đến năm 2025 có 09/09 xã ATK đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã, tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100 % xã ATK (theo tiêu chí mới). Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ổn định 1,16 %/năm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 2%.

+ Đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên xã. Đến năm 2025 có 100 % các xã có đường giao thông đến trung tâm xã được nhựa hóa, bê tông hoá. Nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên 96 %; tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt trên 95%.

- Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử: tập trung tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, có 26 di tích bảo tồn, tôn tạo, chiếm 93% số di tích lịch sử cách mạng trong vùng ATK được tôn tạo, bảo vệ. Có 02 di tích đầu tư xây dựng mới, chiếm 7% số di tích lịch sử cách mạng trong vùng ATK được đầu tư mới.

- Phát triển hệ thống giáo dục, về quy mô trường lớp, chất lượng dạy và học, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học cho các trường theo hướng kiên cố hoá, tỷ lệ kiên cố hoá trường học của các xã ATK đạt 100%; 04 trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường học đạt chuẩn quốc gia lên 20 trường, đạt tỷ lệ 74 % trên tổng số trường của vùng ATK, trong đó 08 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt tỷ lệ 30%.

- Nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở. Phân đầu đến năm 2025 có 100 % cán bộ xã, thôn được bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, pháp luật và kỹ năng điều hành.

- 100 % số xã, thôn có nhà văn hóa, 90% số hộ đạt gia đình văn hóa; 86% số thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa.

3. Nguồn vốn đầu tư

3.1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư đến năm 2025: 271.400 triệu đồng;

trong đó:

- Vốn xây dựng công trình xã hội, công cộng: 82.500, triệu đồng
- Vốn xây dựng các công trình thủy lợi: 42.700 triệu đồng
- Vốn xây dựng đường giao thông: 79.900 triệu đồng
- Vốn xây dựng phát triển lưới điện hạ thế: 43.300 triệu đồng
- Vốn XD công trình nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường: 17.400 triệu đồng
- Vốn xây dựng trạm y tế xã: 5.600 triệu đồng

3.2. Dự kiến cân đối theo nguồn vốn đầu tư:

* Trong tổng nhu cầu vốn đầu tư: 271.400 triệu đồng, dự kiến cân đối các nguồn chủ yếu như sau:

- Đề nghị NS Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 260.000 triệu đồng
- Vốn huy động các nguồn vốn khác: 11.400 triệu đồng.

3.3. Phân kỳ và cân đối vốn đầu tư:

a) Năm 2016:

* Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 26.200 triệu đồng; trong đó dự kiến cân đối các nguồn chủ yếu như sau:

- Đề nghị NS Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 25.500 triệu đồng
- Vốn huy động các nguồn vốn khác: 700 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2017 - 2020:

* Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 112.900 triệu đồng; trong đó dự kiến cân đối các nguồn chủ yếu như sau:

- Đề nghị NS Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 108.400 triệu đồng
- Vốn huy động các nguồn vốn khác: 4.500 triệu đồng.

c) Giai đoạn 2021 - 2025:

* Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 132.300 triệu đồng; trong đó dự kiến cân đối các nguồn chủ yếu như sau:

- Đề nghị NS Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 126.100 triệu đồng
- Vốn huy động các nguồn vốn khác: 6.200 triệu đồng.

B. Các giải pháp chủ yếu

- Về phát triển sản xuất: Xây dựng các chương trình, dự án và chính sách cụ thể để phát triển các ngành, các loại sản phẩm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi, tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. Triển khai quy hoạch và phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ.

- Về đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội: Trên cơ sở qui hoạch và nguồn vốn, hàng năm bố trí thứ tự ưu tiên đầu tư công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho phù hợp, hiệu quả. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động thêm các nguồn lực để đầu tư xây dựng.

- Tăng cường thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, dịch vụ: Phát huy lợi thế về địa lý, nguồn nhân lực đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư nhất là thủ tục hành chính, bồi thường, giải phóng mặt bằng, chất lượng nguồn nhân lực để thu hút đầu tư. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động, chế biến nông sản; đầu tư mở rộng qui mô, nâng cao hiệu quả sản xuất của ngành nghề Miến dong, từng bước khai thác Du lịch ...

Tập trung đến năm 2020 hoàn thành những công trình hạ tầng thiết yếu theo tiêu chí nông thôn mới cho các xã: Minh Tâm, Minh Thanh, Phần đầu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành những công trình hạ tầng thiết yếu theo tiêu chí nông thôn mới cho các xã: Tam Kim, Bắc Hợp. Tiếp tục đầu tư các xã Hoa Thám, Triệu Nguyên, Hưng Đạo, Quang Thành. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chợ nông thôn; các loại hình dịch vụ phục vụ tiêu thụ nông sản cho nông dân và các dịch vụ tài chính, tín dụng, vận tải...

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để nhân dân nâng cao tinh thần cách mạng, phát huy tính tự chủ để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, chủ động vươn lên thoát nghèo vững chắc.

- Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, giảm nghèo, tạo việc làm cho nông dân. Có chính sách hỗ trợ đầu tư ban đầu cho doanh nghiệp đầu tư vào vùng ATK với các hình thức như hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ lãi suất, tăng tỷ lệ cho vay trung hạn, dài hạn.

C. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Nguyên Bình: Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt trong đề án; tổ chức chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm, tổng hợp, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; chỉ đạo và phê duyệt kế hoạch hàng năm của cấp xã. Phân công, phân cấp trách nhiệm của các ban, ngành cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện Đề án theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm cho cơ sở, tăng cường sự tham gia của người dân. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (06 tháng, 01 năm) và đột xuất về UBND tỉnh qua Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn vốn đầu tư phát triển hàng năm, chỉ đạo lồng ghép các Chương trình mục tiêu Quốc gia, các dự án, chính sách trên địa bàn huyện để nâng cao hiệu quả đầu tư. Hướng dẫn UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm.

- Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng dự toán, thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Đề án.

- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND huyện bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử tại các xã Vùng an toàn khu (ATK).

- Sở Nội vụ: Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ cho các xã ATK; tổ chức thực hiện chính sách thu hút trí thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về tham gia tổ công tác tại xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn UBND huyện và các xã xây dựng quy hoạch sản xuất, quy hoạch bố trí dân cư. Ưu tiên nguồn lực triển khai xây dựng Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã ATK.

- Các sở, ban, ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc huyện Nguyên Bình tổ chức thực hiện Đề án; kịp thời đề xuất với UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án.

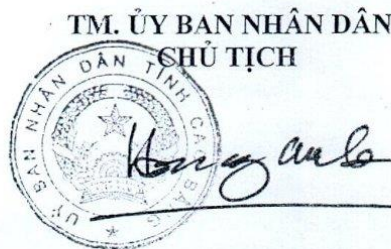
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các tổ chức đoàn thể tăng cường công tác giám sát cộng đồng, thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, công khai hóa các thông tin về công trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật; tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực vào việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Nguyên Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND huyện Nguyên Bình;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH.



Hoàng Xuân Ánh

17. Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch.

Photo: Hc Văn P6A, KTC, VP, Các phòng QĐNN, các đơn vị.
(scan) ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2255/QĐ-UBND Cao Bằng, ngày 26 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Du lịch số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính Phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Cao Bằng giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cao Bằng chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức phổ biến, triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Handwritten mark*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ VH, TT & DL, TCDL;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Huyện ủy, UBND các huyện, TP;
- LĐ VP UBND tỉnh, TTTT;
- Lưu: VT, VX (TT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH

Handwritten signature: Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính Phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới (Kèm theo Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng)

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

- Phấn đấu đến năm 2020, du lịch Cao Bằng cơ bản trở thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu dịch vụ, tạo tiền đề vững chắc đến năm 2030 du lịch trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế chung với hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ; sản phẩm du lịch chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, có sức cạnh tranh; mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Cao Bằng, thân thiện với môi trường; đưa Cao Bằng trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của khu vực phía Bắc và cả nước.

- Hoạt động du lịch, dịch vụ chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng thu nhập, góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Phấn đấu đến năm 2020: Khu Di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó thành Điểm du lịch quốc gia; Khu du lịch Thác Bản Giốc - Động Ngườm Ngao thành Khu du lịch quốc gia.

- Khách du lịch: năm 2020 thu hút 75 nghìn lượt khách quốc tế, phục vụ 820 nghìn lượt khách nội địa; năm 2030 thu hút 180 nghìn lượt khách quốc tế, phục vụ 01 triệu lượt khách nội địa.

- Thu nhập du lịch: năm 2020 đạt hơn 41,5 triệu USD và năm 2030 đạt 145 triệu USD.

- Tỷ trọng thu nhập du lịch trong GDP: Năm 2020, tỷ trọng GDP du lịch chiếm 3% tổng GDP toàn tỉnh.

- Số lượng cơ sở lưu trú du lịch: Giai đoạn 2020 - 2030 đạt 5.200 phòng lưu trú, trong đó tỷ lệ phòng đạt chất lượng 3 sao trở lên chiếm 5 - 15% theo từng giai đoạn.

- Năm 2020 có gần 10 nghìn lao động (trong đó khoảng 3,3 nghìn lao động trực tiếp); năm 2030 tạo việc làm cho gần 25 nghìn lao động (trong đó gần 8,5 nghìn lao động trực tiếp).

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU (có biểu chi tiết đính kèm)

1. Cơ chế chính sách

- Hoàn thành các thủ tục, trình tự đề nghị phê duyệt lối mở Bản Giốc - Đức Thiên (khu vực Mốc 835) là lối mở thuộc cặp cửa khẩu Lý Vạn - Thạch Long; qua mốc 589 vào tham quan Khe Hồ nhày, thị trấn Bảo Lạc.

- Thỏa thuận ký kết Khung hợp tác giữa UBND tỉnh Cao Bằng, Việt Nam với Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc về tạo hành lang pháp lý cho phép doanh nghiệp du lịch, dịch vụ hai bên vào đầu tư một số các khu, điểm du lịch trên biên giới hai địa phương trong khuôn khổ pháp luật của hai bên quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Quản lý cửa khẩu Quảng Tây tổ chức khai thông cặp cửa khẩu song phương Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) khi có ý kiến cấp trên; hoàn thành các trình tự phê duyệt, đẩy nhanh tiến trình mở các cặp cửa khẩu song phương Lý Vạn - Thạch Long và nâng cấp cặp cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) thành cặp cửa khẩu quốc tế sau khi xây dựng xong; hoàn chỉnh thủ tục đề nghị nâng cấp cặp cửa khẩu song phương Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế. Xúc tiến mở các cặp chợ biên giới, các lối mở trên tuyến biên giới ở những khu vực có điều kiện thuận lợi về phát triển KT-XH; đề xuất lối mở Nà Lạn lên cửa khẩu phụ Đức Long.

- Bổ sung cơ chế ưu đãi đối với Doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ du lịch; xuất nhập khẩu trang thiết bị du lịch; hoạt động vui chơi giải trí, đầu tư các khu, điểm du lịch...vào Quy định về cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Huy động các nguồn vốn, kêu gọi đầu tư các dự án tại Khu du lịch Thác Bản Giốc từ nguồn ngân sách hoặc ODA thực hiện tốt Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030".

- Ban hành Quy chế quản lý môi trường trong kinh doanh du lịch; tổ chức lễ hội và bảo vệ phát huy giá trị di tích trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Quy hoạch, kế hoạch, chương trình

- Quy hoạch chung, chi tiết xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung theo Hiệp định khai thác chung Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) sau khi ký kết.

- Quy hoạch tổng thể Khu du lịch Thiêng Qua (Mốc 589) và cặp chợ biên giới mốc 590, xã Cô Ba, huyện Bảo Lạc.

- Quy hoạch chi tiết Điểm du lịch cộng đồng dân tộc Lô Lô, bản Khuổi Khon, xã Kim Cúc, Bảo Lạc và một số điểm du lịch có khả năng phát triển du lịch của địa phương.

- Quy hoạch chung, chi tiết Khu di tích chiến dịch biên giới - Chiến thắng Đông Khê và Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng chiến dịch biên giới năm 1950 tại Nà Lạn, xã Đức Long, Thạch An.

- Quy hoạch khu vực chợ đêm phục vụ khách tham quan du lịch thành phố Cao Bằng.

- Khảo sát, quy hoạch chi tiết Dự án xây dựng bến bãi và dịch vụ du thuyền trên dòng sông Bằng Giang khu vực gần thành phố Cao Bằng.

- Tham mưu xây dựng Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020.

- Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển du lịch Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020.

3. Đề án, dự án đầu tư hạ tầng cơ sở du lịch và các dịch vụ liên quan

- Dự án xây dựng hạ tầng cơ sở tại Di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó: Dự án đập dâng nước, cải tạo dòng suối Lê Nin đoạn trước Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đi bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh - đoạn đường từ làng Hòa Mục đến dốc Kéo Giã; dự án Nhà trưng bày và làm việc Khu di tích lịch sử Pác Bó; dự án xây dựng biểu tượng và cảnh quan ngã tư Đôn Chương.

- Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh giai đoạn 2.

- Dự án: Đầu tư hạ tầng cơ sở du lịch khu Phja Oắc- Phja Đén, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường tỉnh lộ 212 lên đỉnh Phja Oắc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng).

- Dự án cải tạo, sửa chữa đường tỉnh lộ 202 (Đoạn từ QL34 vào Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo) huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 206 vào Khu du lịch động Ngườm Ngao, xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Dự án đầu tư tôn tạo khu vực Nhà Đò và đầu tư cơ sở hạ tầng cho trung tâm Phja Đén, huyện Nguyên Bình.

- Dự án xây dựng Nhà tưởng niệm các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tại Di tích quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình.

- Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê ngành du lịch Cao Bằng.

- Xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch.

4. Hoạt động hợp tác, xúc tiến quảng bá và đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực phục vụ du lịch

- Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch, hỗ trợ đào tạo nghề du lịch và sản phẩm du lịch mang đậm giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đặc trưng cho vùng, miền của Cao Bằng.

- Dự án Du lịch có trách nhiệm với cộng đồng tỉnh Cao Bằng do DECEN (Trung tâm Phát triển cộng đồng Cao Bằng) phối hợp tổ chức Công ty du lịch DOUBLESENS (Pháp) Và Công ty du lịch miền Á Đông EASIA (Việt Nam).

- Dự án cải thiện sinh kế của người dân tộc thiểu số thông qua du lịch cộng đồng tại Hòa Bình - Hà Giang - Cao Bằng do Helvetal Thụy Sĩ tài trợ. Tổ chức DECEN.

- Hợp tác Chương trình Du lịch "Qua những miền di sản Việt Bắc".

- Hợp tác với Ủy ban phát triển thành phố Bách Sắc; các huyện biên giới Tịnh Tây, Long Châu, (Quảng Tây, Trung Quốc) tổ chức quản lý khai thác có hiệu quả tuyến du lịch biên giới qua cửa khẩu Long Bang - Trà Lĩnh, Thủy Khâu - Tà Lùng.

- Hợp tác với Trung tâm phát triển cộng đồng Cao Bằng về hỗ trợ phát triển văn hóa, Thể thao, du lịch và gia đình.

- Tổ chức triển lãm hàng thủ cầm và không gian văn hóa du lịch Cao Bằng tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cho đội ngũ làm công tác du lịch.

- Hỗ trợ các Đoàn làm phim quay tại một số khu điểm du lịch của Cao Bằng; các đoàn farmtrip; thực hiện đa dạng hóa ấn phẩm du lịch Cao Bằng; khai thác tốt trang thông tin điện tử dulichcaobang.vn;

- Đa dạng hoá nội dung tuyên truyền, giới thiệu du lịch Cao Bằng trên chuyên mục "non nước Cao Bằng"; "Chào ngày mới"; chuyên mục "Du lịch" trên báo điện tử Cao Bằng.

- Tăng cường thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

- Ban hành Chương trình kích cầu du lịch nội địa với chủ đề do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phát động.

III. KINH PHÍ

Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở Kế hoạch này, các Sở, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố khẩn trương triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thường xuyên báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch).

2. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng quý, năm, tổ chức đánh giá, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch, đề xuất bổ khuyết các nhiệm vụ, giải pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh, các Sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chủ động có văn bản gửi Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

4	<p>(Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) thành lập cửa khẩu quốc tế sau khi xây dựng xong; hoàn chỉnh thủ tục đề nghị nâng cấp cửa khẩu song phương Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bằng (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế. Xúc tiến mở các cặp chợ biên giới, các lối mở trên tuyến biên giới ở những khu vực có điều kiện thuận lợi về phát triển KT-XH; đề xuất lối mở Nà Lạn lên cửa khẩu phụ Đức Long.</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài nguyên Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục Thuế tỉnh.</p>	<p>2016 - 2020</p>
5	<p>Bổ sung cơ chế ưu đãi đối với Doanh nghiệp tham gia vào dịch vụ du lịch; xuất nhập khẩu trang thiết bị du lịch; hoạt động vui chơi giải trí, đầu tư các khu, điểm du lịch...vào Quy định về cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bản hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 19/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	<p>Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính; Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh; UBND huyện Trùng Khánh.</p>	<p>2015 - 2016</p>
6	<p>Huy động các nguồn vốn, kêu gọi đầu tư các dự án tại Khu du lịch Thác Bản Giốc từ nguồn ngân sách hoặc ODA thực hiện tốt Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030".</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Các Sở: Tư pháp, Tài nguyên Môi trường, các địa phương trong tỉnh.</p>	<p>2016 - 2017</p>

2. Quy hoạch, kế hoạch, chương trình

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Quy hoạch chung, chi tiết xây dựng Khu du lịch Thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh.	Bộ Xây dựng	Các Sở: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ; Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; UBND huyện Trùng Khánh	2015 - 2016
2	Xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung theo Hiệp định khai thác chung Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) sau khi ký kết.	UBND huyện Trùng Khánh	Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ và các cơ quan liên quan	2016 - 2020
3	- Quy hoạch tổng thể Khu du lịch Thiêng Qua (Mốc 589) và cặp chợ biên giới mốc 590, xã Có Ba, huyện Bảo Lạc. - Quy hoạch chi tiết Điểm du lịch cộng đồng dân tộc Lô Lô, bản Khuổi Khon, xã Kim Cúc, Bảo Lạc và một số điểm du lịch có khả năng phát triển du lịch của địa phương.	UBND huyện Bảo Lạc	Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh.	2015 - 2020
4	Quy hoạch chung, chi tiết Khu di tích chiến dịch biên giới - Chiến thắng Đông Khê và Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng chiến dịch biên giới năm 1950 tại Nà Lan, xã Đức Long, Thạch An.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh	2015 - 2020
5	- Quy hoạch khu vực chợ đêm phục vụ khách tham quan du lịch thành phố Cao Bằng. - Khảo sát, quy hoạch chi tiết Dự án xây dựng bến bãi và dịch vụ du thuyền trên dòng sông Bằng Giang khu vực gần thành phố Cao Bằng.	UBND thành phố Cao Bằng	Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan liên quan	2015 - 2020

6	Tham mưu xây dựng Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở ngành liên quan, địa phương có khu, điểm du lịch tiêu biểu	2016 - 2020
7	Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển du lịch Cao Bằng giai đoạn 2016 - 2020	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thành viên Ban chỉ đạo tỉnh và các địa phương trong tỉnh	2016

3. Đề án, dự án đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch và các dịch vụ liên quan

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn	Dự toán kinh phí	Ghi chú
1	Dự án xây dựng hạ tầng cơ sở tại Di tích quốc gia đặc biệt Pác Bó; Dự án đập dâng nước, cải tạo dòng suối Lê Nin đoạn trước Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường đi bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh - đoạn đường từ làng Hòa Mục đến dốc Kéo Giã; dự án Nhà trưng bày và làm việc Khu di tích lịch sử Pác Bó; dự án xây dựng biểu tượng và cảnh quan ngã tư Đôn Chương.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh; Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Hà Quảng	2015 - 2016	Nguồn NSNN (Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu - Các công trình văn hóa tại địa phương có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước) và các nguồn vốn khác.	77,3 tỷ	- Công thư ngày 02/4/2013 của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng. - Các nguồn vốn khác.
2	Dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp thác Bản Giốc, huyện Trùng Khánh giai đoạn 2.	Tổng Công ty du lịch Sài Gòn	Văn phòng Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh; các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng, Tài nguyên và	2015 - 2020	Nguồn Tổng Công ty du lịch Sài Gòn và các nguồn vốn hợp pháp khác.		Nghị quyết 92 của Chính phủ

			Môi trường, Ngoại vụ; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; UBND huyện Trưng Khánh.						
3	Dự án: Đầu tư hạ tầng cơ sở du lịch khu Phja Oắc- Phja Đén, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp đoạn đường tỉnh lộ 212 lên đỉnh Phja Oắc huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng)	UBND huyện Nguyên Bình	Các Sở: VHHTDL, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2015	NSNN (Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu-Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch) và các nguồn vốn khác	22,751 tỷ	- Nguồn hạ tầng du lịch: Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh. - Các nguồn vốn khác		
4	Dự án cải tạo, sửa chữa đường tỉnh lộ 202 (Đoạn từ QL34 vào Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Rừng Trần Hưng Đạo) huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	UBND huyện Nguyên Bình	Các Sở: Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Xây dựng.	2015 - 2017	NSNN (Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu-Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch) và các nguồn vốn khác	39,878 tỷ	Quyết định 1402/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng.		
5	Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 206 vào Khu du lịch động Ngườm Ngao, xã Đam Thủy, huyện Trưng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; UBND huyện Trưng Khánh	2015 - 2016	NSNN (Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo mục tiêu-Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch) và các nguồn vốn khác	41,502 tỷ	Quyết định 1401/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND tỉnh Cao Bằng		
6	Dự án đầu tư tôn tạo khu vực Nhà Đò	UBND	Các Sở: Văn hóa,	2015 -	Đề xuất nguồn xã		Nghị quyết		

	và đầu tư cơ sở hạ tầng cho trung tâm Phja Đén, huyện Nguyên Bình.	huyện Nguyên Bình	Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng	2020	hội hóa.	92 của Chính phủ
7	Thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu và thống kê ngành du lịch Cao Bằng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục Thống kê; Sở Khoa học và công nghệ; Sở Thông tin và Truyền thông	2016 - 2020	Nguồn KPSN hàng năm được giao theo định mức cho Sở VHHTDL, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn thu hợp pháp khác.	Nguồn KPSN hàng năm giao theo định mức cho Sở VHHTDL, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn thu hợp pháp khác.
8	Xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư.	2016 - 2020	Nguồn xã hội hóa	Nghị quyết 92 của Chính phủ

4. Hoạt động hợp tác, xúc tiến quảng bá và đào tạo, nâng cao nguồn nhân lực phục vụ du lịch

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Nguồn vốn
I	Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch, hỗ trợ đào tạo nghề du lịch và sản phẩm du lịch mang đậm giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đặc trưng cho vùng miền của Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư	2016 - 2020	Dự án đào tạo nghề cho nông thôn của Sở Lao động Thương binh và Xã hội

<p>2</p> <p>Dự án Du lịch có trách nhiệm với cộng đồng tỉnh Cao Bằng do DECEN (Trung tâm Phát triển cộng đồng Cao Bằng) phối hợp tổ chức Công ty du lịch DOUBLESSENS (Pháp) Và Công ty du lịch miền Á Đông EASLA (Việt Nam).</p>	<p>DECEN (Trung tâm Phát triển cộng đồng Cao Bằng)</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ; các địa phương trong tỉnh</p>	<p>2015 - 2016</p> <p>Trung tâm Phát triển cộng đồng Cao Bằng</p>
<p>3</p> <p>Dự án cải thiện sinh kế của người dân tộc thiểu số thông qua du lịch cộng đồng tại Hòa Bình - Hà Giang - Cao Bằng do Helvetal Thụy Sĩ tài trợ. Tổ chức DECEN</p>	<p>Trung tâm phát triển cộng đồng Cao Bằng</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Ngoại vụ; các địa phương trong tỉnh</p>	<p>2015 - 2017</p> <p>Trung tâm phát triển cộng đồng Cao Bằng</p>
<p>4</p> <p>Hợp tác Chương trình Du lịch "Qua những miền di sản Việt Bắc"</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Sở Tài chính và các đơn vị liên quan</p>	<p>Hằng năm</p> <p>Nguồn KPSN hằng năm được giao theo định mức cho Sở VH-TDL, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn thu hợp pháp khác.</p>
<p>5</p> <p>Hợp tác với Ủy ban phát triển thành phố Bách Sắc; các huyện biên giới Tĩnh Tây, Long Châu, (Quảng Tây, Trung Quốc) tổ chức quản lý khai thác có hiệu quả tuyến du lịch biên giới qua cửa khẩu Long Bang - Trà Lĩnh, Thủy Khẩu - Tà Lùng.</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Sở Ngoại vụ, Cục Hải quan tỉnh, BCH Bộ đội biên phòng tỉnh</p>	<p>2015 - 2016</p> <p>Nguồn KPSN hằng năm được giao theo định mức cho Sở VH-TDL, các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân và nguồn thu hợp pháp khác.</p>
<p>6</p> <p>Hợp tác với Trung tâm phát triển cộng đồng Cao Bằng về hỗ trợ phát triển văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; - Tổ chức triển lãm hàng thủ cầm và không gian văn hóa du lịch Cao</p>	<p>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>	<p>Trung tâm phát triển cộng đồng, Sở VH-TDL Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>2015 - 2016</p> <p>Trung tâm Phát triển cộng đồng Cao Bằng</p>



BIỂU CHI TIẾT

Một số nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 92/NQ-CP ngày 08/12/2014 của Chính Phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới (Ban hành kèm theo Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng)

1. Cơ chế chính sách

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì/chủ đầu tư	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Hoàn thành các thủ tục, trình tự đề nghị phê duyệt lối mở Bản Giốc - Đêc Thiên (khu vực Mốc 835) là lối mở thuộc cấp cửa khẩu Lý Vạn - Thạch Long; qua mốc 589 vào tham quan Khe Hồ nháy, thị trấn Bảo Lạc.	Tiểu Ban công tác cửa khẩu tỉnh - Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện biên giới.	2016 - 2020
2	Thỏa thuận ký kết Khung hợp tác giữa UBND tỉnh Cao Bằng, Việt Nam với Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc về tạo hành lang pháp lý cho phép doanh nghiệp du lịch, dịch vụ hai bên vào đầu tư một số các khu, điểm du lịch trên biên giới hai địa phương trong khuôn khổ pháp luật của hai bên quy định.	Sở Ngoại vụ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; BCH Bộ đội biên phòng tỉnh; các địa phương có biên giới giáp Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc.	2016 - 2017
3	Phối hợp với Văn phòng Quản lý cửa khẩu Quảng Tây tổ chức khai thông cấp cửa khẩu song phương Sóc Giang (Việt Nam) - Bình Mãng (Trung Quốc) khi có ý kiến cấp trên; hoàn thành các trình tự phê duyệt, đẩy nhanh tiến trình mở các cấp cửa khẩu song phương Lý Vạn - Thạch Long và nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng	Tiểu ban công tác cửa khẩu tỉnh - Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngoại vụ, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Tài chính, Xây dựng; Công an tỉnh; Cục Hải quan và các địa phương có cửa khẩu.	2016 - 2020

18. Tờ trình xin chủ trương tu bổ, tôn tạo di tích Đồn Phai Khắt xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình

65
05/3/2014

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 19 /TTr- SVHTTDL

Cao Bằng, ngày 03 tháng 03 năm 2014

TỜ TRÌNH
Về việc xin chủ trương tu bổ, tôn tạo di tích Đồn Phai Khắt, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Để chuẩn bị cho các hoạt động kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2014) ngày 10/12/2012 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có Quyết định số 4832/QĐ-BQP về việc giao nhiệm vụ triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp khu di tích lịch sử Khu rừng Trần Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Chủ đầu tư là Bộ Tư lệnh Quân khu 1, gồm các hạng mục:

- Nâng cấp tuyến đường từ đèo Cao Bắc vào Khu di tích
- Xây dựng nhà trưng bày + đón tiếp
- Nhà dâng hương
- Xây dựng 06 căn nhà tình nghĩa (gia đình có công với cách mạng) và hỗ trợ xây dựng trường mầm non xã Tam Kim, Hoa Thám.

Như vậy, Đồn Phai Khắt và đường (ô tô) từ thị trấn Nguyên Bình đi vào Khu di tích không được tu bổ, nâng cấp trong dịp này; Di tích Đồn Phai Khắt là một trong các di tích cấp quốc gia trong tổng thể khu di tích rừng Trần Hưng Đạo, năm 1994 nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1994) di tích Đồn Phai Khắt được tu bổ, tôn tạo và trưng bày bổ sung khu di tích tại đây (trưng bày tạm thời khi chưa có nhà trưng bày riêng).

Hiện nay, nhà trưng bày mới sắp hoàn thiện, toàn bộ các hiện vật, tư liệu, ảnh... trưng bày trong di tích Đồn Phai Khắt sẽ chuyển sang nhà trưng bày mới trong tháng 9 năm 2014, trả lại nguyên trạng bên trong của Đồn Phai Khắt (Năm 1944). Với thời gian đã gần 100 năm, di tích Đồn Phai Khắt đã xuống cấp, để bảo vệ lâu dài cho di tích và chuẩn bị cho kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 2014). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và cho chủ trương tu bổ, tôn tạo một số hạng mục sau của di tích Đồn Phai Khắt:

- Trát lại toàn bộ mặt trong và ngoài di tích (nhà Đồn).
- Sửa mái nhà Đồn.
- Bổ sung 02 bức trưng bày hiện vật tại di tích.

1

- Phục hồi 02 lò sưởi tại di tích.
- Bổ sung: 02 bia di tích.
- + Bia chỉ dẫn di tích.
- + Bia di tích Đền Phai Khắt.
- Chính trang khuôn viên di tích.
- Tu sửa, thay thế 02 cột đèn chiếu sáng tại khuôn viên di tích.
- Dụng mới cột cờ tại khuôn viên di tích.
- Khơi thông hệ thống thoát nước xung quanh di tích.

Sau khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ triển khai lập dự toán kinh phí trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Kính mong Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho chủ trương đề Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai các bước tiếp theo.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND huyện Nguyên Bình;
- Lãnh đạo Sở;
- Bảo tàng tỉnh;
- Lưu VT.



Đàm Quang Gióng

19. Bảng thống kê kinh phí các năm 2020, 2021, 2022

Nội dung chi	Nguồn Ngân sách nhà nước (năm 2020)		Nguồn phí, lệ phí để lại (Năm 2020)	
	Chi thường xuyên (13)			
	Loại 160 khoản 161		Loại 160 khoản 161	
	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)
CHI THƯỜNG XUYỀN	4,122,460,000	4,122,460,000	1,545,688,000	1,545,688,000
Chi thanh toán cho cá nhân	3,728,354,376	3,728,354,376	285,049,014	285,049,014
Tiền lương	1,344,506,062	1,344,506,062	88,622,184	88,622,184
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	761,903,171	761,903,171	99,258,809	99,258,809
Phụ cấp lương	,105,344,763	1,105,344,763	24,534,235	24,534,235
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-	1,260,000	1,260,000
Tiền thưởng	26,160,000	26,160,000	-	-
Phúc lợi tập thể	468,000	468,000	-	-
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	111,162,151	111,162,151	760,595,267	760,595,267
Các khoản chi khác	25,481,488	25,481,488	12,848,000	12,848,000
Tổng cộng	4,122,460,000	4,122,460,000	1,545,688,000	1,545,688,000
	1,317,675,000	1,317,675,000	-	-

CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	1,317,675,000	1,317,675,000	-	-
Chi về hàng hóa, dịch vụ	1,317,675,000	1,317,675,000	-	-
Vật tư văn phòng	45,139,000	45,139,000		
Chi phí thuê mướn	138,959,500	138,959,500		
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	454,314,500	454,314,500		
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	679,262,000	679,262,000		

Nội dung chi	Nguồn Ngân sách nhà nước (Năm 2021)		Nguồn phí, lệ phí để lại (Năm 2021)	
	Chi thường xuyên (13)		Loại 160 khoản 161	
	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)
	Loại 160 khoản 161		Loại 160 khoản 161	
CHI THƯỜNG XUYÊN	4,555,868,000	4,555,868,000	742,625,000	742,625,000
Chi thanh toán cho cá nhân	3,330,716,079	3,330,716,079	359,729,482	359,729,482
Tiền lương	1,255,427,361	1,255,427,361		-
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	720,956,928	720,956,928	241,858,045	241,858,045
Phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương	1,326,753,790	1,326,753,790	117,871,437	117,871,437
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-		-
Tiền thưởng	25,510,000	25,510,000	-	-

Phúc lợi tập thể	2,068,000	2,068,000	-	-
Chi về hàng hóa, dịch vụ (điện, nước, cước viễn thông, sửa chữa nhỏ tài sản)	1,196,182,921	1,196,182,921	382,895,518	382,895,518
Các khoản chi khác	28,969,000	28,969,000		-
Tổng cộng	4,555,868,000	4,555,868,000	742,625,000	742,625,000
CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	2,110,000,000	2,110,000,000	-	-
Chi về hàng hóa, dịch vụ	2,076,600,000	2,076,600,000	-	-
Vật tư văn phòng, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị	132,500,000	132,500,000		
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	273,720,000	273,720,000		
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	62,000,800	62,000,800		
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	1,608,379,200	1,608,379,200		
Các khoản chi khác	33,400,000	33,400,000		

Nội dung chi	Nguồn Ngân sách nhà nước (Năm 2022)	Phí được khấu trừ, để lại (Năm 2022)
	Chi thường xuyên	Phí lệ phí
	Loại 160 khoản 161	

	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)	Chênh lệch	Số báo cáo	Số xét duyệt (thẩm định)	Chênh lệch
CHI THƯỜNG XUYÊN	4,537,898,475	4,537,898,475		1,954,000,000	1,954,000,000	
Chi thanh toán cho cá nhân	3,884,079,944	3,884,079,944		520,137,086	520,137,086	
Tiền lương	1,458,151,174	1,458,151,174		0	0	
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	588,721,064	588,721,064		342,039,111	342,039,111	
Phụ cấp lương	1,796,627,706	1,796,627,706		178,097,975	178,097,975	
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	0	0		0	0	
Tiền thưởng	25,680,000	25,680,000		0	0	
Phúc lợi tập thể	14,900,000	14,900,000		0	0	
Chi về hàng hóa, dịch vụ	603,168,093	603,168,093		1,433,862,914	1,433,862,914	
Thanh toán dịch vụ công cộng, điện nước, công tác phí, hội nghị	362,371,693	362,371,693		716,422,402	716,422,402	
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	37,788,670	37,788,670		111,860,000	111,860,000	
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0		10,978,000	10,978,000	
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	203,007,730	203,007,730		594,602,512	594,602,512	
Các khoản chi khác	50,650,438	50,650,438		0	0	
CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	750,000,000	750,000,000		0	0	
CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	750,000,000	750,000,000		0	0	
Chi về hàng hóa, dịch vụ	750,000,000	750,000,000		0	0	
Thanh toán dịch vụ công cộng	0	0		0	0	
Vật tư văn phòng	4,887,000	4,887,000		0	0	
Vật tư văn phòng khác	4,887,000	4,887,000				
Chi phí thuê mướn	7,246,130	7,246,130		0	0	
Chi phí thuê mướn khác	7,246,130	7,246,130				

Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	595,407,000	595,407,000		0	0	
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	595,407,000	595,407,000				
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	142,459,870	142,459,870		0	0	
Chi khác	142,459,870	142,459,870				

20. Danh sách viên chức, người lao động Tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo, tỉnh Cao Bằng

DANH SÁCH

**VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỔ QUẢN LÝ
DI TÍCH QUỐC GIA ĐẶC BIỆT RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO**

(*Tư liệu do tổ quản lý di tích QGDB rừng Trần Hưng Đạo cung cấp*)

STT	Họ tên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Đảng viên	Đoàn viên
1	Nông Thị Bích	Nữ	29/11/1974	Phó trưởng phòng quản lý di tích	Đại học	Đảng viên	
2	Nông Văn Danh	Nam	10/ 3/1980	Tổ trưởng	Đại học	Đảng viên	
3	Nông Thị Trà My	Nữ	29/8/1991	Hướng dẫn viên	Đại học		Đoàn viên
4	Đoàn Thị Hồng Hạnh	Nữ	19/5/1989	Hướng dẫn viên	Cao học		Đoàn viên
5	Hoàng Thị Hè	Nữ	10/5/1996	Di sản viên	Đại học		Đoàn viên
6	Chu Thị Hải	Nữ	28/11/1986	Nhân viên phục vụ	12/12		Đoàn viên

7	Hà Lương Quang	Nam	23/12/1988	Nhân viên bảo vệ	Cao đẳng	Đoàn viên
8	Mông Văn Bốn	Nam	27/5/1965	Nhân viên bảo vệ	12/12	
9	Hoàng Văn Duy	Nam	07/12/1980	Nhân viên bảo vệ	12/12	

Phụ lục 2

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN
VÀ NỘI DUNG PHÒNG VẤN**

I. DANH SÁCH NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

1. Bà: Tô Thị Trang

- Chức vụ: Phó giám đốc Sở văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

2. Bà: Đặng Thu Hồng

- Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Văn hoá và Gia đình

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

3. Bà: Ngô Thị Cẩm Châu

- Chức vụ: Giám đốc Bảo tàng tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

4. Ông: Đào Văn Mùi

- Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

5. Bà: Nông Thị Biên

- Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

6. Ông: Nông Văn Chinh

- Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính Ban quản lý các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

7. Bà: Nông Thị Bích

- Chức vụ: Phó phòng quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo (trực thuộc

BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

8. Ông: Nông Văn Danh

- Chức vụ: Tổ trưởng tổ quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo (trực thuộc BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

9. Bà: Hoàng Thị Hè

- Chức vụ: Di sản viên, phòng quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo (trực thuộc BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

10. Bà: Đoàn Thị Hồng Hạnh

- Chức vụ: Hướng dẫn viên, phòng quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo (trực thuộc BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

11. Ông: Mông Văn Bôn

- Chức vụ: Nhân viên bảo vệ, phòng quản lý di tích Rừng Trần Hưng Đạo (trực thuộc BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng)

12. Bà: Nông Thị Thủy

- Chức vụ: Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

13. Ông: Long Văn Tiềm

- Chức vụ: Phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

14. Ông: Đặng Hồng Cao

- Địa chỉ: Xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

15. Bà: Chu Thị Chú

- Địa chỉ: Xóm Bản Um, Xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

16. Ông: Đặng Văn Toàn

- Địa chỉ: Xóm Bản Um, Xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

17. Bà: Hoàng Mùi Ghẻ

- Địa chỉ: Xóm Ròn Dù, Xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

18. Ông: Lý Tồn Man

- Địa chỉ: Xóm Ròn Dù, xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

19. Bà: Nông Thị Hiệp,

- Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 5 năm 2023

20. Bà: Bùi Mai Anh (khách tham quan)

- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

21. Bà Nguyễn Kim Oanh (khách tham quan)

- Địa chỉ: Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 10 năm 2022

22. Ông Ngô Cảnh Thắng (khách tham quan)

- Địa chỉ: Tổ 2, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng

- Thời gian phỏng vấn: Tháng 01 năm 2023

23. Bà Phạm Bích Việt (khách tham quan)

- Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Thời gian phỏng vấn: Tháng 05 năm 2023

24. Ông Phạm Thanh Sơn (khách tham quan)

- Địa chỉ: Thành phố Hà Nội
- Thời gian phỏng vấn: Tháng 05 năm 2023

II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

1. Những thuận lợi, khó khăn hiện nay của BQLCĐTQG đặc biệt trong công tác quản lý, điều hành ba di tích QGĐB của tỉnh trong điều kiện địa bàn quản lý rộng, ko tập trung.

2. Vai trò của các di tích QGĐB nói chung, DT QGĐB Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng trong tổng thể công tác bảo tồn phát huy giá trị các DSVH và phát triển du lịch của tỉnh. Các giải pháp nhằm phát huy vai trò của các DTQGĐB của tỉnh nói chung, di tích Rừng Trần Hưng Đạo nói riêng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các Di sản Văn hoá và Phát triển du lịch của tỉnh.

3. Việc triển khai công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho bộ máy quản lý di tích trong những năm qua.

4. Nguồn kinh phí cho hoạt động tu bổ, tôn tạo, bảo tồn di tích.

5. Những bất cập từ sau khi được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt và công tác quản lý di tích có sự thay đổi về đối tượng quản lý từ UBND huyện sang Sở VH TT & DL. Những giải pháp để giải quyết cho thực trạng này.

6. Những giải pháp nhằm giải quyết vấn đề một số hạng mục công trình của di tích được xây mới đã làm mất đi một phần giá trị lịch sử của di tích.

7. Các giải pháp khắc phục hồ sơ quản lý di tích hiện nay với các hiện vật ảnh và tài liệu bị mờ, ố.

8. Công tác kiểm tra của Sở VH TT & DL đối với di tích

9. Công tác quản lý môi trường xã hội ở di tích và khu vực lân cận của di tích hiện nay

10. Việc phối hợp giữa BQL các di tích quốc gia đặc biệt tỉnh Cao Bằng và huyện Nguyên Bình trong việc quản lý và phát huy giá trị của di tích.

11. Vai trò Phòng Văn hóa và Thông tin huyện trong công tác quản lý và phát huy giá trị của di tích.

12. Sự phối hợp giữa Phòng Văn hóa và thông tin huyện với BQL các di tích quốc gia đặc biệt.

13. Công tác bảo vệ khu vực rừng phòng hộ tại di tích

14. Số lượng, đối tượng khách đến di tích

16. Công tác hướng dẫn, tiếp đón khách của di tích

17. Những vấn đề thu hút, ấn tượng của du khách đối với di tích

18. Sự hài lòng của Khách tham quan về công tác quản lý cũng như đón tiếp, hướng dẫn của Ban quản lý di tích.

19. Ý thức bảo vệ và phát huy giá trị di tích của người dân địa phương hiện nay.

20. Sự ảnh hưởng của việc đầu tư tôn tạo di tích đến đời sống của người dân địa phương.

Phụ lục 3

**ẢNH VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI KHU DI TÍCH QGĐB
RỪNG TRẦN HƯNG ĐẠO**

I. Ảnh do tác giả chụp



Ảnh 1. Bảng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt
(Ảnh chụp ngày: 25/10/2022 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



Ảnh 2. Bức phù điêu tái hiện lễ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 25/10/2022 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



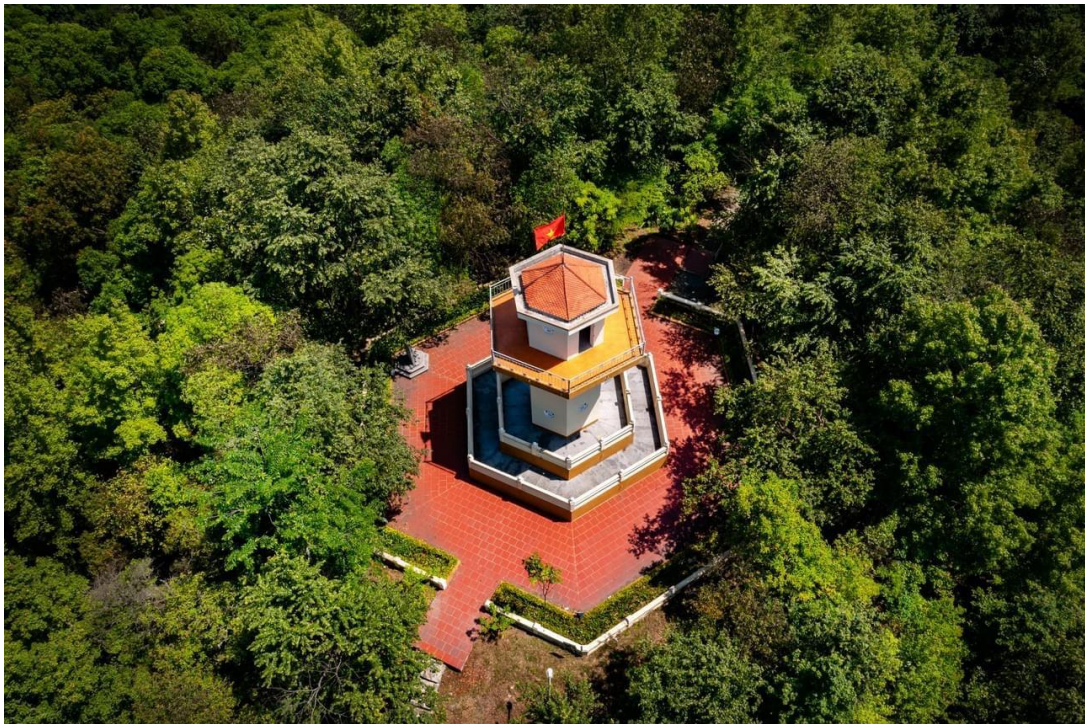
Ảnh 3. Khu lán trại của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 25/10/2022 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



Ảnh 4. Nhà bia tại khu trung tâm di tích Rừng Trần Hưng Đạo huyện
Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 15/5/2023 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



Ảnh 5. Đỉnh Slam Cao tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo
huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 15/5/2023 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



Ảnh 6. Điểm di tích Đồn Phai Khắt tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo huyện
Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 15/5/2023 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)



Ảnh 7. Nhà trưng bày tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo
huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng.

(Ảnh chụp ngày: 15/5/2023 ; người chụp: Bùi Cẩm Anh)

II. Ảnh do BQL các di tích QGĐB tỉnh Cao Bằng cung cấp



Ảnh 1. Bộ tư lệnh Quân khu I tổ chức họp xin ý kiến đại diện các bên liên quan cho Hồ sơ thiết kế cơ sở Dự án cải tạo, nâng cấp các hạng mục trong Khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo

(Ảnh chụp ngày: 25/3/2022 ; người chụp: Nguyễn Thành Luân)



Ảnh 2. Đoàn công tác của Bộ tư lệnh Quân khu I do đồng chí Thiếu tướng Lê Anh Tuấn - Phó tư lệnh Quân khu I làm trưởng đoàn tiến hành kiểm tra, khảo sát, thống nhất quy mô đầu tư một số dự án, tôn tạo tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo

(Ảnh chụp ngày: 25/3/2022 ; người chụp: Nguyễn Thành Luân)



Ảnh 3. Cán bộ viên chức phòng quản lý di tích QGĐB Rừng Trần Hưng
Đạo thường xuyên trồng cây tại di tích
(Ảnh chụp ngày:28/01/2023; người chụp: Đào Văn Mùi)



Ảnh 4. Khách tham quan vào dâng hương trong nhà tưởng niệm Đại tướng
Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội VNTTGPQ
(Ảnh chụp ngày: 28/01/2023 ; người chụp: Đào Văn Mùi)



Ảnh 5. Liên đội trường Tiểu học Nước Hai, Hoà An tổ chức trải nghiệm
thực tế tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo
(Ảnh chụp ngày: 21/12/2023 ; người chụp: Nông Thị Bích)



Ảnh 6. Liên đội trường Tiểu học & THCS Tam Kim, huyện Nguyên bình tổ chức lễ kết nạp Đội viên tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo (Ảnh chụp ngày: 20/12/2022 ; người chụp: Hoàng Thị Hè)



Ảnh 7. Đoàn khách Học viện Quốc phòng dâng hương tại nhà Tưởng niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp và 34 chiến sĩ Đội VNTTGPQ (Ảnh chụp ngày: 17/4/2023 ; người chụp: Nông Thị Bích)



Ảnh 8. Đoàn khách học viện Quốc phòng chụp ảnh lưu niệm
tại khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo
(Ảnh chụp ngày: 17/4/2023 ; người chụp: Nông Thị Bích)



Ảnh 9. Đoàn khách Học viện Quốc phòng tham quan
phòng trưng bày tại đồn Phai Khắt
(Ảnh chụp ngày: 14/7/2023 ; người chụp: Đào Văn Mùi)



Ảnh 10. Đoàn khách Zantania tham quan khu lán trại của Đội VNTTGPO
tại khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo
(Ảnh chụp ngày: 28/3/2023 ; người chụp: Nguyễn Thành Luân)



Ảnh 11. Đoàn khách Zantania tham quan khu lán trại của Đội VNTTGPO
tại khu di tích Rừng Trần Hưng Đạo
(Ảnh chụp ngày: 28/3/2023 ; người chụp: Nguyễn Thành Luân)



Ảnh 12. Trường mầm non xã Hưng Đạo, huyện Nguyên Bình tham quan nhà trưng bày tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo (Ảnh chụp ngày: 21/12/2022 ; người chụp: Đào Văn Mùi)



Ảnh 13. Ban Tổ chức tỉnh uỷ Cao Bằng tham quan học tập tại di tích Rừng Trần Hưng Đạo (Ảnh chụp ngày: 05/3/2023 ; người chụp: Nông Thị Bích)





Ảnh 14. Một số hình ảnh về hoạt động kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam tại di tích rừng Trần Hưng Đạo (Ảnh chụp ngày: 22/12/2022 ; người chụp: Đào Đức Thông)